VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2017/TT-BTNMT *Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2017*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh An Giang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh An Giang.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2017.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2017/TT-BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh An Giang được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh An Giang.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh An Giang được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: thành phố, thị xã và các huyện. Trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: "P." là chữ viết tắt của "phường"; "TT." là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: "TP." là chữ viết tắt của "thành phố"; "H." là chữ viết tắt của "huyện"; "TX." là chữ viết tắt của "thị xã";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh"; đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng

theo cột "Tọa độ trung tâm"; nếu đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH AN GIANG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh An Giang gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thành phố Châu Đốc
2	Thành phố Long Xuyên
3	Thị xã Tân Châu
4	Huyện An Phú
5	Huyện Châu Phú
6	Huyện Châu Thành
7	Huyện Chợ Mới
8	Huyện Phú Tân
9	Huyện Thoại Sơn
10	Huyện Tịnh Biên
11	Huyện Tri Tôn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khóm 1 (Ấp Châu Thiện)	DC	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°43'01"	105°06'40"					C-48-31-C-a
Khóm 2	DC	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°42'58"	105°06'47"					C-48-31-C-a
Khóm 3	DC	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°42'50"	105°06'51"					C-48-31-C-a
Khóm 4	DC	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°42'47"	105°06'55"					C-48-31-C-a
Khóm 5	DC	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°42'45"	105°07'03"					C-48-31-C-a
Khóm 6	DC	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°42'22"	105°06'36"					C-48-31-C-b
Khóm 7	DC	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°42'52"	105°06'16"					C-48-31-C-a
Khóm 8	DC	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°41'50"	105°05'50"					C-48-31-C-a
khóm Châu Thạnh	DC	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°43'06"	105°06'43"					C-48-31-C-a
khóm Vĩnh Chánh	DC	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°42'33"	105°05'47"					C-48-31-C-a
khóm Vĩnh Phú	DC	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°42'42"	105°06'03"					C-48-31-C-a
Quốc lộ 91 (LTL 10)	KX	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-31-C-a
Đường tỉnh 955A	KX	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc			10°43'11"	105°06'43"	10°36'22"	105°56'30"	C-48-31-C-a
cầu Vĩnh Ngươn	KX	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°43'05"	105°06'33"					C-48-31-C-a
chùa Bồ Đề Đạo Tràng	KX	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°42'47"	105°06'59"					C-48-31-C-a
chùa Kim Quang	KX	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°42'37"	105°06'51"					C-48-31-C-b
chùa Phật Mẫu	KX	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°42'48"	105°06'46"					C-48-31-C-a
đình Châu Phú	KX	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc	10°42'44"	105°07'05"					C-48-31-C-a
đường Tân Lộ Kiều Lương	KX	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc			10°42'12"	105°06'25"	10°40'59"	105°04'51"	C-48-31-C-a
Kênh 4	TV	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc			10°42'04"	105°04'57"	10°39'03"	105°06'51"	C-48-31-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Vĩnh Tế (KINH VĨNH TẾ)	TV	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc			10°43'13"	105°06'43"	10°30'26"	104°46'50"	C-48-31-C-a
sông Châu Đốc (SÔNG CHÂU ĐỐC)	TV	P. Châu Phú A	TP. Châu Đốc			10°49'18"	105°04'16"	10°42'43"	105°07'15"	C-48-31-C-a
khóm Châu Long 2	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°42'24"	105°07'48"					C-48-31-C-b
khóm Châu Long 3	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°41'53"	105°07'18"					C-48-31-C-a
khóm Châu Long 4 (ấp Châu Thạnh)	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°42'21"	105°07'03"					C-48-31-C-b
khóm Châu Long 5	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°42'15"	105°07'29"					C-48-31-C-a
khóm Châu Long 7	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°42'11"	105°07'20"					C-48-31-C-a
khóm Châu Long 8	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°41'53"	105°07'09"					C-48-31-C-a
khóm Châu Quới	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°42'05"	105°06'52"					C-48-31-C-a
khóm Châu Quới 1	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°42'10"	105°07'40"					C-48-31-C-b
khóm Châu Quới 2	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°42'23"	105°07'28"					C-48-31-C-a
khóm Châu Quới 3	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°42'31"	105°07'16"					C-48-31-C-b
khóm Châu Thới	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°42'30"	105°06'52"					C-48-31-C-a
khóm Châu Thới 1	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°41'43"	105°06'08"					C-48-31-C-a
khóm Châu Thới 2	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°42'24"	105°06'45"					C-48-31-C-a
khóm Châu Thới 3	DC	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°42'04"	105°06'32"					C-48-31-C-a
Quốc lộ 91	KX	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-31-C-a, b
đường Hoàng Diệu	KX	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc			10°42'12"	105°06'25"	10°41'52"	105°07'22"	C-48-31-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Tri Phương	KX	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc			10°42'14"	105°07'50"	10°41'52"	105°07'22"	C-48-31-C-a, b
đường Tân Lộ Kiều Lương	KX	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc			10°42'12"	105°06'25"	10°40'59"	105°04'51"	C-48-31-C-a
khách sạn Châu Phố	KX	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°42'19"	105°06'47"					C-48-31-C-a
khách sạn Victoria	KX	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc	10°42'34"	105°07'20"					C-48-31-C-a
Kênh 2	TV	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc			10°41'59"	105°06'19"	10°40'52"	105°07'08"	C-48-31-C-a
Kênh 4	TV	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc			10°42'04"	105°04'57"	10°39'03"	105°06'51"	C-48-31-C-a
kênh 30 Tháng 4	TV	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc			10°41'50"	105°07'21"	10°40'37"	105°05'53"	C-48-31-C-a
kênh Hòa Bình	TV	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc			10°41'48"	105°07'26"	10°41'25"	105°07'50"	C-48-31-C-a, b
kênh Huỳnh Văn Thu	TV	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc			10°41'25"	105°07'50"	10°37'29"	105°03'16"	C-48-31-C-a, b
sông Châu Đốc (SÔNG CHÂU ĐỐC)	TV	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc			10°49'18"	105°04'16"	10°42'43"	105°07'15"	C-48-31-C-a
Sông Hậu	TV	P. Châu Phú B	TP. Châu Đốc			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-C-a, b
khóm Vĩnh Đông	DC	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'45"	105°04'54"					C-48-31-C-a
khóm Vĩnh Đông 1	DC	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'28"	105°04'52"					C-48-31-C-a
khóm Vĩnh Đông 2	DC	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°41'15"	105°05'25"					C-48-31-C-a
khóm Vĩnh Phước	DC	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'21"	105°04'24"					C-48-31-C-a
khóm Vĩnh Phước 1	DC	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'06"	105°04'24"					C-48-31-C-a
khóm Vĩnh Tây	DC	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°41'00"	105°04'08"					C-48-31-C-a
khóm Vĩnh Tây 1	DC	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'53"	105°04'16"					C-48-31-C-a
khóm Vĩnh Tây 2	DC	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°41'31"	105°04'45"					C-48-31-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khóm Vĩnh Tây 3	DC	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°41'20"	105°04'22"					C-48-31-C-a
khóm Vĩnh Xuyên	DC	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'54"	105°03'50"					C-48-31-C-a
Quốc lộ 91 (LTL 10)	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-31-C-a
Đường tỉnh 955A	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc			10°43'11"	105°06'43"	10°36'22"	105°56'30"	C-48-31-C-a
cầu Cống Đồn	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'28"	105°04'03"					C-48-31-C-a
chùa Giác Hương	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'51"	105°04'30"					C-48-31-C-a
chùa Giác Tâm	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'44"	105°04'43"					C-48-31-C-a
chùa Huỳnh Đạo	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°41'10"	105°05'08"					C-48-31-C-a
chùa Long Sơn Tự	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'26"	105°04'32"					C-48-31-C-a
chùa Phước Điền	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'40"	105°04'15"					C-48-31-C-a
chùa Phước Lâm	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'57"	105°04'25"					C-48-31-C-a
chùa Tây An	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'56"	105°04'45"					C-48-31-C-a
chùa Tiên Sơn Cảnh	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'32"	105°04'29"					C-48-31-C-a
đình Vĩnh Tế	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°41'04"	105°04'30"					C-48-31-C-a
đường Tân Lộ Kiều Lương	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc			10°42'12"	105°06'25"	10°40'59"	105°04'51"	C-48-31-C-a
đường vòng Núi Sam	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc			10°40'59"	105°04'51"	10°40'58"	105°04'48"	C-48-31-C-a
khách sạn Hạ Long	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°41'01"	105°04'55"					C-48-31-C-a
khách sạn Victoria Núi Sam	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'15"	105°04'37"					C-48-31-C-a
lăng Thoại Ngọc Hầu	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'56"	105°04'39"					C-48-31-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam	KX	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'58"	105°04'35"					C-48-31-C-a
Núi Sam	SV	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc	10°40'41"	105°04'30"					C-48-31-C-a
Kênh 4	TV	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc			10°42'04"	105°04'57"	10°39'03"	105°06'51"	C-48-31-C-a
Kênh 7	TV	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc			10°40'27"	105°04'04"	10°29'27"	105°15'51"	C-48-31-C-a
kênh Bờ Xáng	TV	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc			10°41'48"	105°04'29"	10°41'11"	105°04'24"	C-48-31-C-a
kênh Cống Đồn	TV	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc			10°41'12"	105°03'31"	10°40'27"	105°04'04"	C-48-31-C-a
kênh Huỳnh Văn Thu	TV	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc			10°41'25"	105°07'50"	10°37'29"	105°03'16"	C-48-31-C-a
kênh Vĩnh Tế	TV	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc			10°43'13"	105°06'43"	10°30'26"	104°46'50"	C-48-31-C-a
kênh vòng Núi Sam	TV	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc			10°40'54"	105°04'56"	10°40'18"	105°04'11"	C-48-31-C-a
kênh Xuất Khẩu Đứng	TV	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc			10°40'12"	105°05'12"	10°38'32"	105°06'21"	C-48-31-C-a
rạch Ông Xã	TV	P. Núi Sam	TP. Châu Đốc			10°40'12"	105°04'52"	10°39'09"	105°04'57"	C-48-31-C-a
ấp Mỹ An	DC	P. Vĩnh Châu	TP. Châu Đốc	10°40'57"	105°07'39"					C-48-31-C-b
ấp Mỹ Phú	DC	P. Vĩnh Châu	TP. Châu Đốc	10°38'32"	105°05'22"					C-48-31-C-a
ấp Mỹ Thuận	DC	P. Vĩnh Châu	TP. Châu Đốc	10°38'52"	105°06'36"					C-48-31-C-a
Kênh 1	TV	P. Vĩnh Châu	TP. Châu Đốc			10°41'07"	105°07'30"	10°40'24"	105°08'13"	C-48-31-C-a
Kênh 4	TV	P. Vĩnh Châu	TP. Châu Đốc			10°42'04"	105°04'57"	10°39'03"	105°06'51"	C-48-31-C-a
Kênh 7	TV	P. Vĩnh Châu	TP. Châu Đốc			10°40'27"	105°04'04"	10°29'27"	105°15'51"	C-48-31-C-a
Kênh 8	TV	P. Vĩnh Châu	TP. Châu Đốc			10°38'26"	105°04'26"	10°37'22"	105°05'12"	C-48-31-C-a, c
Kênh 10	TV	P. Vĩnh Châu	TP. Châu Đốc			10°40'28"	105°02'16"	10°28'10"	105°13'48"	C-48-31-C-a, c
Kênh Đào	TV	P. Vĩnh Châu	TP. Châu Đốc			10°36'22"	105°02'13"	10°41'30"	105°09'12"	C-48-31-C-a; C-48-31-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Huỳnh Văn Thu	TV	P. Vĩnh Châu	TP. Châu Đốc			10°41'25"	105°07'50"	10°37'29"	105°03'16"	C-48-31-C-b
kênh Tha La	TV	P. Vĩnh Châu	TP. Châu Đốc			10°39'55"	105°01'23"	10°36'43"	105°03'49"	C-48-31-C-c
kênh Xuất Khẩu Đứng	TV	P. Vĩnh Châu	TP. Châu Đốc			10°40'12"	105°05'12"	10°38'32"	105°06'21"	C-48-31-C-a
khóm Châu Long 1	DC	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc	10°42'11"	105°07'54"					C-48-31-C-b
khóm Châu Long 6	DC	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc	10°41'42"	105°09'05"					C-48-31-C-b
khóm Hòa Bình	DC	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc	10°42'00"	105°08'01"					C-48-31-C-b
khóm Mỹ Chánh 1	DC	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc	10°41'24"	105°09'04"					C-48-31-C-b
khóm Mỹ Hòa	DC	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc	10°40'51"	105°08'37"					C-48-31-C-b
khóm Mỹ Thành	DC	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc	10°41'24"	105°08'42"					C-48-31-C-b
Quốc lộ 91	KX	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-31-C-a,b
cầu Kênh Đào	KX	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc	10°41'08"	105°08'57"					C-48-31-C-b
chùa Phú Thạnh	KX	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc	10°41'41"	105°08'52"					C-48-31-C-b
đường Nguyễn Tri Phương	KX	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc			10°42'14"	105°07'50"	10°41'52"	105°07'22"	C-48-31-C-a,b
đường Tôn Đức Thắng	KX	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc			10°41'09"	105°08'57"	10°42'14"	105°07'50"	C-48-31-C-b
miếu Tam Sơn	KX	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc	10°41'57"	105°08'39"					C-48-31-C-b
Kênh 1	TV	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc			10°41'07"	105°07'30"	10°40'24"	105°08'13"	C-48-31-C-a
Kênh Đào	TV	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc			10°36'22"	105°02'13"	10°41'30"	105°09'12"	C-48-31-C-a, b
kênh Hòa Bình	TV	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc			10°41'48"	105°07'26"	10°41'25"	105°07'50"	C-48-31-C-a, b
kênh Huỳnh Văn Thu	TV	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc			10°41'25"	105°07'50"	10°37'29"	105°03'16"	C-48-31-C-a, b
Sông Hậu	TV	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-C-b
xép Ka Tam Bong	TV	P. Vĩnh Mỹ	TP. Châu Đốc			10°41'51"	105°09'13"	10°38'19"	105°12'36"	C-48-31-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khóm Vĩnh Chánh 1 (ấp Vĩnh An)	DC	P. Vĩnh Ngươn	TP. Châu Đốc	10°44'22"	105°06'02"					C-48-31-C-a
khóm Vĩnh Chánh 2 (ấp Vĩnh Chánh)	DC	P. Vĩnh Ngươn	TP. Châu Đốc	10°43'43"	105°06'04"					C-48-31-C-a
khóm Vĩnh Chánh 3 (ấp Vĩnh Chánh)	DC	P. Vĩnh Ngươn	TP. Châu Đốc	10°42'58"	105°06'18"					C-48-31-C-a
khóm Vĩnh Tân	DC	P. Vĩnh Ngươn	TP. Châu Đốc	10°43'15"	105°06'32"					C-48-31-C-a
cầu Vĩnh Ngươn	KX	P. Vĩnh Ngươn	TP. Châu Đốc	10°43'05"	105°06'33"					C-48-31-C-a
chùa Châu An	KX	P. Vĩnh Ngươn	TP. Châu Đốc	10°43'04"	105°06'29"					C-48-31-C-a
đình Vĩnh Ngươn	KX	P. Vĩnh Ngươn	TP. Châu Đốc	10°43'14"	105°06'38"					C-48-31-C-a
miếu Cơ Sáu	KX	P. Vĩnh Ngươn	TP. Châu Đốc	10°43'44"	105°06'24"					C-48-31-C-a
kênh Vĩnh Tế (KINH VĨNH TẾ)	TV	P. Vĩnh Ngươn	TP. Châu Đốc			10°43'13"	105°06'43"	10°30'26"	104°46'50"	C-48-31-C-a
Mương Chùa	TV	P. Vĩnh Ngươn	TP. Châu Đốc			10°43'03"	105°06'30"	10°44'11"	105°05'39"	C-48-31-C-a
mương Vàm Đinh	TV	P. Vĩnh Ngươn	TP. Châu Đốc			10°43'54"	105°06'21"	10°43'38"	105°05'48"	C-48-31-C-a
sông Châu Đốc (SÔNG CHÂU ĐỐC)	TV	P. Vĩnh Ngươn	TP. Châu Đốc			10°49'18"	105°04'16"	10°42'43"	105°07'15"	C-48-31-C-a; C-48-31-A-c
ấp Bà Bài	DC	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc	10°40'30"	105°02'21"					C-48-31-C-a
ấp Cây Châm	DC	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc	10°39'15"	105°01'57"					C-48-31-C-a
ấp Vĩnh Khánh 1	DC	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc	10°40'38"	105°03'55"					C-48-31-C-a
ấp Vĩnh Khánh 2	DC	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc	10°39'50"	105°03'13"					C-48-31-C-a
Quốc lộ 91 (LTL 10)	KX	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-31-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 955A	KX	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc			10°43'11"	105°06'43"	10°36'22"	105°56'30"	C-48-31-C-a
cầu Cống Đồn	KX	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc	10°40'28"	105°04'03"					C-48-31-C-a
cầu Số 10	KX	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc	10°39'34"	105°02'54"					C-48-31-C-a
cầu Tha La	KX	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc	10°38'58"	105°02'07"					C-48-31-C-a
chùa Bồng Lai	KX	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc	10°40'34"	105°02'22"					C-48-31-C-a
cống Ba Nhịp	KX	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc	10°39'55"	105°03'21"					C-48-31-C-a
Kênh 7	TV	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc			10°40'27"	105°04'04"	10°29'27"	105°15'51"	C-48-31-C-a
Kênh 10	TV	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc			10°40'28"	105°02'16"	10°28'10"	105°13'48"	C-48-31-C-a
kênh Ba Nhịp	TV	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc			10°40'43"	105°02'42"	10°38'26"	105°04'26"	C-48-31-C-a
kênh Cống Đồn	TV	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc			10°41'12"	105°03'31"	10°40'27"	105°04'04"	C-48-31-C-a
kênh Huỳnh Văn Thu	TV	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc			10°41'25"	105°07'50"	10°37'29"	105°03'16"	C-48-31-C-a
kênh Tha La	TV	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc			10°39'55"	105°01'23"	10°36'43"	105°03'49"	C-48-31-C-a
kênh Trà Sư	TV	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc			10°40'27"	105°04'04"	10°38'58"	105°02'07"	C-48-31-C-a
kênh Vĩnh Tế	TV	xã Vinh Tế	TP. Châu Đốc			10°43'13"	105°06'43"	10°30'26"	104°46'50"	C-48-31-C-a
khóm Bình Đức 1	DC	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên	10°24'12"	105°25'02"					C-48-43-B-b
khóm Bình Đức 2	DC	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên	10°24'09"	105°23'57"					C-48-43-B-b
khóm Bình Đức 3	DC	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên	10°24'34"	105°24'43"					C-48-43-B-b
khóm Bình Đức 4	DC	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên	10°25'04"	105°24'25"					C-48-43-B-b
khóm Bình Đức 5	DC	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên	10°25'37"	105°23'58"					C-48-43-B-b
khóm Bình Đức 6	DC	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên	10°24'55"	105°24'07"					C-48-43-B-b
Quốc lộ 91	KX	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Cần Xây	KX	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên	10°25'09"	105°24'33"					C-48-43-B-b
tuyến đò Cần Xây	KX	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên	10°24'58"	105°24'55"					C-48-43-B-b
tu viện Nguồn Sống	KX	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên	10°25'04"	105°24'34"					C-48-43-B-b
tu viện Thánh Gia	KX	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên	10°24'47"	105°24'41"					C-48-43-B-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên			10°20'47"	105°27'56"	10°25'09"	105°24'33"	C-48-43-B-b
Tuyến đò Xếp	KX	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên	10°25'35"	105°24'33"					C-48-43-B-b
cầu Xếp Bà Lý	KX	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên	10°25'47"	105°23'59"					C-48-43-B-b
kênh Ba Xã	TV	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên			10°22'44"	105°22'52"	10°23'54"	105°22'24"	C-48-43-B-a, b
Sông Hậu	TV	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-b
kênh Mương Trâu	TV	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên			10°25'09"	105°24'36"	10°24'41"	105°22'54"	C-48-43-B-b
rạch Ngã Bác	TV	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên			10°23'47"	105°22'37"	10°23'54"	105°22'24"	C-48-43-B-a, b
rạch Trà Ôn	TV	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên			10°24'16"	105°25'20"	10°23'53"	105°23'52"	C-48-43-B-b
rạch Xẻo Sao	TV	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên			10°23'53"	105°23'52"	10°23'47"	105°22'37"	C-48-43-B-b
rạch Xếp Bà Lý	TV	P. Bình Đức	TP. Long Xuyên			10°25'47"	105°23'59"	10°22'44"	105°22'52"	C-48-43-B-b
khóm Bình Khánh 1	DC	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'34"	105°25'30"					C-48-43-B-b
khóm Bình Khánh 2	DC	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'43"	105°25'19"					C-48-43-B-b
khóm Bình Khánh 3	DC	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'49"	105°25'16"					C-48-43-B-b
khóm Bình Khánh 4	DC	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'51"	105°23'53"					C-48-43-B-b
khóm Bình Khánh 5	DC	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'27"	105°24'55"					C-48-43-B-b
khóm Bình Khánh 6	DC	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'31"	105°25'18"					C-48-43-B-b
khóm Bình Khánh 7	DC	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'54"	105°24'51"					C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khóm Bình Thới 1	DC	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°24'06"	105°25'20"					C-48-43-B-b
khóm Bình Thới 2	DC	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'52"	105°25'36"					C-48-43-B-b
khóm Bình Thới 3	DC	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'41"	105°25'41"					C-48-43-B-b
Quốc lộ 91	KX	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-43-B-b
Đài truyền hình An Giang	KX	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'47"	105°25'20"					C-48-43-B-b
cầu Nguyễn Trung Trực	KX	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'32"	105°25'37"					C-48-43-B-b
đường Phan Bội Châu	KX	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên			10°24'03"	105°25'07"	10°23'41"	105°25'52"	C-48-43-B-b
cầu Thông Lưu	KX	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'10"	105°24'48"					C-48-43-B-b
cầu Trà Ôn	KX	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°24'06"	105°25'00"					C-48-43-B-b
tuyến phà Trà Ôn	KX	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên	10°24'23"	105°25'25"					C-48-43-B-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên			10°20'47"	105°27'56"	10°25'09"	105°24'33"	C-48-43-B-b
rạch Bổn Sầm	TV	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên			10°22'37"	105°23'19"	10°23'53"	105°23'52"	C-48-43-B-b
kênh Cầu Máy	TV	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên			10°23'42"	105°25'35"	10°23'32"	105°25'37"	C-48-43-B-b
Sông Hậu	TV	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-b
kênh Lọ Nồi	TV	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên			10°23'01"	105°24'00"	10°23'12"	105°23'31"	C-48-43-B-b
kênh Mương Trâu	TV	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên			10°23'12"	105°23'31"	10°23'47"	105°22'37"	C-48-43-B-a, b
rạch Ngã Bác	TV	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên			10°23'47"	105°22'37"	10°23'54"	105°22'24"	C-48-43-B-a, b
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên			10°11'04"	105°12'15"	10°23'09"	105°26'35"	C-48-43-B-b
rạch Trà Ôn	TV	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên			10°24'16"	105°25'20"	10°23'53"	105°23'52"	C-48-43-B-b
Mương Tường	TV	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên			10°23'06"	105°22'34"	10°23'53"	105°22'46"	C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Xẻo Sao	TV	P. Bình Khánh	TP. Long Xuyên			10°23'53"	105°23'52"	10°23'47"	105°22'37"	C-48-43-B-b
khóm Đông An	DC	P. Đông Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'49"	105°25'51"					C-48-43-B-b
khóm Đông Hưng	DC	P. Đông Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'39"	105°25'31"					C-48-43-B-b
khóm Đông Phú	DC	P. Đông Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'56"	105°25'40"					C-48-43-B-b
khóm Đông Thành	DC	P. Đông Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'40"	105°25'48"					C-48-43-B-b
Đường tỉnh 943	KX	P. Đông Xuyên	TP. Long Xuyên			10°22'46"	105°26'16"	10°25'50"	104°59'59"	C-48-43-B-b
Trường Đại học An Giang	KX	P. Đông Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'22"	105°25'51"					C-48-43-B-d
tịnh xá Bửu Viên	KX	P. Đông Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'34"	105°25'39"					C-48-43-B-b
đường Hà Hoàng Hổ	KX	P. Đông Xuyên	TP. Long Xuyên			10°22'46"	105°26'16"	10°22'45"	105°25'33"	C-48-43-B-b
chùa Pháp Hoa	KX	P. Đông Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'46"	105°25'37"					C-48-43-B-b
rạch Bà Bầu	TV	P. Đông Xuyên	TP. Long Xuyên			10°22'54"	105°25'49"	10°22'07"	105°25'58"	C-48-43-B-d
rạch Bằng Lăng	TV	P. Đông Xuyên	TP. Long Xuyên			10°22'41"	105°25'11"	10°21'57"	105°25'41"	C-48-43-B-d
rạch Ông Mạnh	TV	P. Đông Xuyên	TP. Long Xuyên			10°23'01"	105°25'45"	10°22'09"	105°25'29"	C-48-43-B-b; C-48-43-B-d
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	P. Đông Xuyên	TP. Long Xuyên			10°11'04"	105°12'15"	10°23'09"	105°26'35"	C-48-43-B-b
khóm Bình Long 1	DC	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên	10°23'15"	105°26'25"					C-48-43-B-b
khóm Bình Long 2	DC	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên	10°23'34"	105°25'55"					C-48-43-B-b
khóm Bình Long 3	DC	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên	10°23'02"	105°25'53"					C-48-43-B-b
khóm Bình Long 4	DC	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên	10°23'17"	105°25'50"					C-48-43-B-b
khóm Nguyễn Du	DC	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên	10°23'15"	105°26'17"					C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 91	KX	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-43-B-b
đình Bình Đức	KX	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên	10°23'14"	105°26'16"					C-48-43-B-b
cầu Duy Tân	KX	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên	10°23'11"	105°26'16"					C-48-43-B-b
cầu Hoàng Diệu	KX	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên	10°23'05"	105°26'12"					C-48-43-B-b
cầu Nguyễn Thái Học	KX	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên	10°23'06"	105°25'45"					C-48-43-B-b
cầu Nguyễn Trung Trực	KX	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên	10°23'32"	105°25'37"					C-48-43-B-b
chùa Quảng Đức	KX	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên	10°23'17"	105°26'04"					C-48-43-B-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên			10°20'47"	105°27'56"	10°25'09"	105°24'33"	C-48-43-B-b
kênh Cầu Máy	TV	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên			10°23'42"	105°25'35"	10°23'32"	105°25'37"	C-48-43-B-b
Sông Hậu	TV	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-b
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	P. Mỹ Bình	TP. Long Xuyên			10°11'04"	105°12'15"	10°23'09"	105°26'35"	C-48-43-B-b
khóm Tây Huề 1	DC	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'07"	105°23'31"					C-48-43-B-d
khóm Tây Huề 2	DC	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'26"	105°23'11"					C-48-43-B-d
khóm Tây Huề 3	DC	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'01"	105°22'31"					C-48-43-B-d
khóm Tây Khánh 1	DC	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°23'26"	105°25'33"					C-48-43-B-b
khóm Tây Khánh 2	DC	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°23'13"	105°25'07"					C-48-43-B-b
khóm Tây Khánh 3	DC	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'38"	105°24'45"					C-48-43-B-b
khóm Tây Khánh 4	DC	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'40"	105°25'20"					C-48-43-B-b
khóm Tây Khánh 5	DC	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'17"	105°24'39"					C-48-43-B-d
khóm Tây Khánh 6	DC	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'24"	105°24'13"					C-48-43-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khóm Tây Khánh 7	DC	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°23'05"	105°25'34"					C-48-43-B-b
khóm Tây Khánh 8	DC	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'47"	105°25'00"					C-48-43-B-b
Đường tỉnh 943	KX	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°22'46"	105°26'16"	10°25'50"	104°59'59"	C-48-43-B-b; C-48-43-B-d
cầu Bằng Tăng	KX	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'18"	105°23'58"					C-48-43-B-d
cầu Câu Quảng	KX	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'52"	105°24'40"					C-48-43-B-b
cầu Mương Điểm	KX	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'27"	105°24'43"					C-48-43-B-d
cầu Mương Khai lớn	KX	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'18"	105°24'27"					C-48-43-B-d
tịnh xá Ngọc Kiến	KX	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'51"	105°24'44"					C-48-43-B-b
đường Nguyễn Hoàng	KX	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°22'48"	105°25'30"	10°23'24"	105°25'24"	C-48-43-B-b
cầu Nguyễn Thái Học	KX	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°23'06"	105°25'45"					C-48-43-B-b
đường Nguyễn Thái Học (nối dài)	KX	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°23'06"	105°25'45"	10°22'54"	105°25'30"	C-48-43-B-b
chùa Phước Huệ	KX	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'34"	105°24'56"					C-48-43-B-b
cầu Rạch Rích	KX	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên	10°22'09"	105°23'33"					C-48-43-B-d
mương Bà Hai	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°21'48"	105°24'48"	10°20'43"	105°24'45"	C-48-43-B-b
rạch Bằng Lăng	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°22'41"	105°25'11"	10°21'57"	105°25'41"	C-48-43-B-b; C-48-43-B-d
kênh Bằng Tăng	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°22'21"	105°23'54"	10°19'11"	105°26'27"	C-48-43-B-d
Mương Hội	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°22'04"	105°24'34"	10°21'36"	105°24'27"	C-48-43-B-b
kênh Hội đồng Thu	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°21'38"	105°25'16"	10°20'40"	105°25'09"	C-48-43-B-b
Mương Miếu	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°21'30"	105°25'25"	10°20'39"	105°25'15"	C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Mương Khai	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°21'36"	105°24'27"	10°21'07"	105°24'12"	C-48-43-B-d
kênh nối Mỹ Hòa - Long Hưng	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°22'16"	105°23'45"	10°18'47"	105°26'08"	C-48-43-B-d
rạch Ông Mạnh	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°23'01"	105°25'45"	10°22'09"	105°25'29"	C-48-43-B-b; C-48-43-B-d
Kênh Ranh	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°21'59"	105°23'04"	10°18'52"	105°25'13"	C-48-43-B-d
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°11'04"	105°12'15"	10°23'09"	105°26'35"	C-48-43-B-b; c; d
rạch Rạch Rích	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°20'28"	105°24'34"	10°22'09"	105°23'32"	C-48-43-B-d
mương Thầy Phó	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°21'51"	105°25'50"	10°20'26"	105°24'46"	C-48-43-B-b
Mương Xã	TV	P. Mỹ Hòa	TP. Long Xuyên			10°22'15"	105°24'04"	10°21'28"	105°23'44"	C-48-43-B-b
Khóm 1	DC	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên	10°23'05"	105°26'18"					C-48-43-B-b
Khóm 2	DC	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên	10°23'05"	105°26'27"					C-48-43-B-b
Khóm 3	DC	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên	10°23'00"	105°26'37"					C-48-43-B-b
Khóm 4	DC	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên	10°23'54"	105°26'43"					C-48-43-B-b
Khóm 5	DC	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên	10°22'50"	105°26'41"					C-48-43-B-b
Khóm 6	DC	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên	10°22'54"	105°26'29"					C-48-43-B-b
Khóm 7	DC	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên	10°22'40"	105°26'27"					C-48-43-B-b
khóm Phó Quế	DC	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên	10°22'59"	105°26'46"					C-48-43-B-b
Quốc lộ 91	KX	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-43-B-b
cầu Cái Sơn	KX	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên	10°22'35"	105°26'25"					C-48-43-B-b
cầu Duy Tân	KX	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên	10°23'11"	105°26'16"					C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Hoàng Diệu	KX	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên	10°23'05"	105°26'12"					C-48-43-B-b
đường Hùng Vương	KX	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên			10°23'02"	105°26'14"	10°22'46"	105°26'27"	C-48-43-B-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên			10°20'47"	105°27'56"	10°25'09"	105°24'33"	C-48-43-B-b
rạch Cái Sơn	TV	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên			10°22'46"	105°26'53"	10°22'28"	105°26'09"	C-48-43-B-b,d
Sông Hậu	TV	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-b
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	P. Mỹ Long	TP. Long Xuyên			10°11'04"	105°12'15"	10°23'09"	105°26'35"	C-48-43-B-b
khóm Đông Thịnh 1	DC	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'31"	105°26'45"					C-48-43-B-b
khóm Đông Thịnh 2	DC	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'18"	105°26'22"					C-48-43-B-d
khóm Đông Thịnh 3	DC	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'17"	105°26'42"					C-48-43-B-d
khóm Đông Thịnh 4	DC	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'02"	105°26'38"					C-48-43-B-d
khóm Đông Thịnh 5	DC	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'12"	105°26'22"					C-48-43-B-d
khóm Đông Thịnh 6	DC	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'05"	105°26'10"					C-48-43-B-d
khóm Đông Thịnh 7	DC	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'25"	105°26'38"					C-48-43-B-d
khóm Đông Thịnh 8	DC	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'11"	105°25'46"					C-48-43-B-d
khóm Đông Thịnh 9	DC	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°21'52"	105°26'00"					C-48-43-B-d
khóm Mỹ Lộc	DC	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'09"	105°26'48"					C-48-43-B-d
Quốc lộ 91	KX	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-43-B-b; C-48-43-B-d
Bệnh viện Đa khoa An Giang	KX	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'16"	105°26'04"					C-48-43-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Đại học An Giang	KX	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'22"	105°25'51"					C-48-43-B-d
Trường Trung cấp Y tế An Giang	KX	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'09"	105°26'01"					C-48-43-B-d
cầu Cái Sơn	KX	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'35"	105°26'25"					C-48-43-B-b
siêu thị Metro	KX	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'22"	105°26'29"					C-48-43-B-d
chợ Mỹ Phước	KX	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'34"	105°26'35"					C-48-43-B-d
cầu Tầm Bót	KX	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên	10°22'14"	105°26'42"					C-48-43-B-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên			10°20'47"	105°27'56"	10°25'09"	105°24'33"	C-48-43-B-b; C-48-43-B-d
rạch Bà Bầu	TV	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên			10°22'54"	105°25'49"	10°22'07"	105°25'58"	C-48-43-B-d
rạch Bằng Lăng	TV	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên			10°22'41"	105°25'11"	10°21'57"	105°25'41"	C-48-43-B-b; C-48-43-B-d
kênh Bằng Tăng	TV	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên			10°22'21"	105°23'54"	10°19'11"	105°26'27"	C-48-43-B-d
rạch Cái Sơn	TV	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên			10°22'46"	105°26'53"	10°22'28"	105°26'09"	C-48-43-B-b; C-48-43-B-d
Kênh Đào	TV	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên			10°21'34"	105°25'31"	10°21'44"	105°26'08"	C-48-43-B-d
Sông Hậu	TV	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-b; C-48-43-B-d
rạch Ông Mạnh	TV	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên			10°23'01"	105°25'45"	10°22'09"	105°25'29"	C-48-43-B-b; C-48-43-B-d
rạch Tầm Bót	TV	P. Mỹ Phước	TP. Long Xuyên			10°22'36"	105°26'55"	10°21'38"	105°25'19"	C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khóm Mỹ Phú	DC	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên	10°21'19"	105°25'32"					C-48-43-B-d
khóm Mỹ Quới	DC	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên	10°21'50"	105°26'49"					C-48-43-B-d
khóm Mỹ Thọ	DC	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên	10°21'51"	105°27'03"					C-48-43-B-d
khóm Tân Phú	DC	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên	10°21'20"	105°25'40"					C-48-43-B-d
khóm Tân Quới	DC	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên	10°21'40"	105°27'02"					C-48-43-B-d
Quốc lộ 91	KX	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-43-B-d
chùa Hiếu Nghĩa	KX	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên	10°21'50"	105°27'15"					C-48-43-B-d
bến xe khách Long Xuyên	KX	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên	10°21'34"	105°26'00"					C-48-43-B-d
chợ nông sản Mỹ Quý	KX	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên	10°21'57"	105°26'50"					C-48-43-B-d
Khu tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý	KX	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên	10°21'53"	105°27'12"					C-48-43-B-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên			10°20'47"	105°27'56"	10°25'09"	105°24'33"	C-48-43-B-d
kênh Bằng Tăng	TV	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên			10°22'21"	105°23'54"	10°19'11"	105°26'27"	C-48-43-B-d
Kênh Đào	TV	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên			10°21'34"	105°25'31"	10°21'44"	105°26'08"	C-48-43-B-d
rạch Gòi Lớn	TV	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên			10°21'56"	105°26'55"	10°21'46"	105°27'21"	C-48-43-B-d
Sông Hậu	TV	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-d
kênh Hội Đồng	TV	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên			10°20'48"	105°25'38"	10°19'00"	105°24'50"	C-48-43-B-d
rạch Ngã Cạy	TV	P. Mỹ Quý	TP. Long Xuyên			10°21'08"	105°26'16"	10°21'37"	105°26'43"	C-48-43-B-d
khóm Đông Thạnh	DC	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°20'11"	105°28'25"					C-48-43-B-d
khóm Đông Thạnh A	DC	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°19'45"	105°27'11"					C-48-43-B-d
khóm Đông Thạnh B	DC	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°20'46"	105°28'13"					C-48-43-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khóm Hòa Thạnh	DC	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°19'19"	105°28'57"					C-48-43-B-d
khóm Hưng Thạnh	DC	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°18'49"	105°26'39"					C-48-43-B-d
khóm Thới An	DC	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°19'55"	105°28'56"					C-48-43-B-d
khóm Thới An A	DC	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°19'31"	105°28'19"					C-48-43-B-d
khóm Thới Hòa	DC	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°19'40"	105°29'09"					C-48-43-B-d
khóm Thới Thạnh	DC	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°19'05"	105°28'17"					C-48-43-B-d
Quốc lộ 91	KX	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-43-B-d
cầu Cái Dung	KX	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°20'32"	105°28'11"					C-48-43-B-d
cầu Cái Sắn Lớn	KX	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°19'30"	105°29'11"					C-48-43-B-d
cầu Cái Sắn Nhỏ	KX	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°19'53"	105°28'56"					C-48-43-B-d
cảng Mỹ Thới	KX	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°20'13"	105°28'36"					C-48-43-B-d
Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	KX	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°20'19"	105°28'49"					C-48-43-B-d
tuyến phà Vàm Cống	KX	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°20'06"	105°29'14"					C-48-43-B-d
kênh Ba Khuỳnh	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°19'28"	105°26'49"	10°18'58"	105°27'11"	C-48-43-B-d
kênh Bờ Ao	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°18'59"	105°24'49"	10°18'22"	105°26'45"	C-48-43-B-d
rạch Cái Dung	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°20'38"	105°28'22"	10°18'32"	105°26'14"	C-48-43-B-d
rạch Cái Sắn Sâu	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°19'29"	105°29'07"	10°19'15"	105°27'57"	C-48-43-B-d
rạch Cái Sao	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°21'01"	105°28'03"	10°18'37"	105°25'59"	C-48-43-B-d
kênh Đòn Dong	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°14'38"	105°19'46"	10°18'36"	105°25'59"	C-48-43-B-d
Sông Hậu	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Mương Thơm	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°18'22"	105°26'45"	10°19'01"	105°28'55"	C-48-43-B-d
rạch Ngã Mướp	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°19'03"	105°27'54"	10°18'28"	105°26'26"	C-48-43-B-d
kênh Phú Xuân	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°18'57"	105°26'16"	10°18'42"	105°26'46"	C-48-43-B-d
Kênh Ranh	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°18'22"	105°25'26"	10°16'34"	105°26'13"	C-48-43-B-d
Kênh Ranh	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°18'42"	105°28'30"	10°18'29"	105°26'52"	C-48-43-B-d
Kênh Sáng	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên			10°19'32"	105°29'22"	10°18'41"	105°28'29"	C-48-43-B-d
cồn Thới Hòa	TV	P. Mỹ Thạnh	TP. Long Xuyên	10°19'34"	105°29'19"					C-48-43-B-d
khóm An Hưng	DC	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°21'05"	105°27'45"					C-48-43-B-d
khóm An Thới	DC	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°21'02"	105°27'37"					C-48-43-B-d
khóm Long Hưng 1	DC	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°20'14"	105°26'58"					C-48-43-B-d
khóm Long Hưng 2	DC	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°18'47"	105°25'28"					C-48-43-B-d
khóm Tây An	DC	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°20'54"	105°27'30"					C-48-43-B-d
khóm Tây Thạnh	DC	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°21'01"	105°26'23"					C-48-43-B-d
khóm Thạnh An	DC	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°21'31"	105°27'28"					C-48-43-B-d
khóm Trung An	DC	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°21'20"	105°27'10"					C-48-43-B-d
khóm Trung Hưng	DC	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°20'44"	105°27'47"					C-48-43-B-d
khóm Trung Thạnh	DC	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°21'39"	105°26'53"					C-48-43-B-d
Quốc lộ 91	KX	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-43-B-d
cầu Cái Sao	KX	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°20'47"	105°27'56"					C-48-43-B-d
chợ Cái Sao	KX	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°21'04"	105°27'54"					C-48-43-B-d
chợ Gòi Bé	KX	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°20'48"	105°27'12"					C-48-43-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bệnh viện Hạnh Phúc	KX	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°21'22"	105°27'28"					C-48-43-B-d
Trường Trung học cơ sở Mỹ Thới	KX	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°20'43"	105°27'20"					C-48-43-B-d
cầu Rạch Gòi Bé	KX	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°21'11"	105°27'32"					C-48-43-B-d
cầu Rạch Gòi Lớn	KX	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°21'34"	105°27'14"					C-48-43-B-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°20'47"	105°27'56"	10°25'09"	105°24'33"	C-48-43-B-d
Công ty Thủy sản Việt An	KX	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên	10°21'23"	105°27'37"					C-48-43-B-d
kênh Bằng Tăng	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°22'21"	105°23'54"	10°19'11"	105°26'27"	C-48-43-B-d
kênh Bờ Ao	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°18'59"	105°24'49"	10°18'22"	105°26'45"	C-48-43-B-d
rạch Cái Sao	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°21'01"	105°28'03"	10°18'37"	105°25'59"	C-48-43-B-d
kênh Đòn Dong	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°14'38"	105°19'46"	10°18'36"	105°25'59"	C-48-43-B-d
rạch Gòi Bé	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°20'46"	105°26'43"	10°21'20"	105°27'45"	C-48-43-B-d
rạch Gòi Lớn	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°21'56"	105°26'55"	10°21'46"	105°27'21"	C-48-43-B-d
Sông Hậu	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-d
kênh Hội Đồng	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°20'48"	105°25'38"	10°19'00"	105°24'50"	C-48-43-B-d
kênh Hưng An	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°18'46"	105°25'31"	10°19'32"	105°26'16"	C-48-43-B-d
kênh nối Long Hưng	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°20'29"	105°27'40"	10°18'42"	105°25'45"	C-48-43-B-d
kênh nối Mỹ Hòa - Long Hưng	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°22'16"	105°23'45"	10°18'47"	105°26'08"	C-48-43-B-d
rạch Ngã Cạy	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°21'08"	105°26'16"	10°21'37"	105°26'43"	C-48-43-B-d
Kênh Ranh	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°21'59"	105°23'04"	10°18'52"	105°25'13"	C-48-43-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tây An	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°18'53"	105°25'12"	10°20'04"	105°26'00"	C-48-43-B-d
kênh Tây An - Phú Hòa	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°20'04"	105°26'00"	10°21'00"	105°27'26"	C-48-43-B-d
kênh Tây An 1	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°18'49"	105°25'21"	10°19'46"	105°26'08"	C-48-43-B-d
kênh Tây An 2	TV	P. Mỹ Thới	TP. Long Xuyên			10°19'06"	105°25'07"	10°20'20"	105°25'52"	C-48-43-B-d
khóm Đông An 1	DC	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'53"	105°26'11"					C-48-43-B-b
khóm Đông An 2	DC	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'50"	105°26'03"					C-48-43-B-b
khóm Đông An 4	DC	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'37"	105°26'08"					C-48-43-B-b
khóm Đông An 5	DC	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'35"	105°26'15"					C-48-43-B-b
khóm Đông An 6	DC	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'38"	105°26'02"					C-48-43-B-b
Quốc lộ 91	KX	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-43-B-b; C-48-43-B-d
Đường tỉnh 943	KX	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên			10°22'46"	105°26'16"	10°25'50"	104°59'59"	C-48-43-B-b
cầu Cái Sơn	KX	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'35"	105°26'25"					C-48-43-B-b
Trường Tiểu học Chu Văn An	KX	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'40"	105°26'00"					C-48-43-B-b
đường Hà Hoàng Hổ	KX	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên			10°22'46"	105°26'16"	10°22'45"	105°25'33"	C-48-43-B-b
cầu Hoàng Diệu	KX	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên	10°23'05"	105°26'12"					C-48-43-B-b
Bệnh viện Long Xuyên	KX	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên	10°22'29"	105°26'16"					C-48-43-B-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên			10°20'47"	105°27'56"	10°25'09"	105°24'33"	C-48-43-B-b
rạch Cái Sơn	TV	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên			10°22'46"	105°26'53"	10°22'28"	105°26'09"	C-48-43-B-b; C-48-43-B-d
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	P. Mỹ Xuyên	TP. Long Xuyên			10°11'04"	105°12'15"	10°23'09"	105°26'35"	C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Mỹ An 1	DC	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°24'59"	105°26'19"					C-48-43-B-b
ấp Mỹ An 2	DC	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°24'21"	105°26'18"					C-48-43-B-b
ấp Mỹ Hiệp	DC	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°25'56"	105°26'13"					C-48-43-B-b
ấp Mỹ Khánh 1	DC	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°25'12"	105°24'59"					C-48-43-B-b
ấp Mỹ Khánh 2	DC	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°24'53"	105°25'13"					C-48-43-B-b
ấp Mỹ Long 1	DC	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°25'24"	105°25'51"					C-48-43-B-b
ấp Mỹ Long 2	DC	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°25'28"	105°25'31"					C-48-43-B-b
ấp Mỹ Thuận	DC	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°26'14"	105°25'03"					C-48-43-B-b
đền thờ Bác Tôn	KX	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°24'33"	105°26'44"					C-48-43-B-b
tuyến phà An Hòa	KX	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°23'20"	105°26'55"					C-48-43-B-b
tuyến đò Cần Xây	KX	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°24'58"	105°24'55"					C-48-43-B-b
đình Cựu Hưng Châu	KX	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°25'56"	105°25'50"					C-48-43-B-b
chùa Hưng Long Tự	KX	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°25'03"	105°26'31"					C-48-43-B-b
đình Mỹ Hòa Hưng	KX	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°24'43"	105°25'38"					C-48-43-B-b
tuyến phà Ô Môi	KX	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°23'45"	105°26'32"					C-48-43-B-b
tuyến đò Tầm Pha	KX	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°24'42"	105°26'57"					C-48-43-B-b
tuyến phà Trà Ôn	KX	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°24'23"	105°25'25"					C-48-43-B-b
Tuyến đò Xếp	KX	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên	10°25'35"	105°24'33"					C-48-43-B-b
Sông Hậu	TV	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-b
rạch Mỹ Long	TV	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên			10°25'47"	105°25'18"	10°25'06"	105°25'29"	C-48-43-B-b
Rạch Rích	TV	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên			10°24'30"	105°26'45"	10°24'32"	105°25'58"	C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Trà Mơn	TV	xã Mỹ Hòa Hưng	TP. Long Xuyên			10°24'42"	105°25'43"	10°24'10"	105°25'53"	C-48-43-B-b
ấp Bình Hòa	DC	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên	10°22'51"	105°23'32"					C-48-43-B-b
ấp Bình Hòa 1	DC	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'23"	105°22'47"					C-48-43-B-b
ấp Bình Hòa 2	DC	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên	10°22'43"	105°22'21"					C-48-43-B-a
ấp Bình Khánh	DC	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên	10°22'47"	105°24'28"					C-48-43-B-b
cầu Bà Bóng	KX	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên	10°22'53"	105°23'03"					C-48-43-B-b
Làng nghề truyền thống bánh tráng Mỹ Khánh	KX	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên	10°22'53"	105°24'33"					C-48-43-B-b
cầu Bổn Sầm	KX	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên	10°22'38"	105°23'20"					C-48-43-B-b
cầu Cái Chiêng	KX	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên	10°22'54"	105°22'50"					C-48-43-B-b
cầu Câu Quảng	KX	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên	10°22'52"	105°24'40"					C-48-43-B-b
cầu Chà Dà	KX	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên	10°22'31"	105°23'28"					C-48-43-B-b
cầu Rạch Dung	KX	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên	10°22'59"	105°24'39"					C-48-43-B-b
cầu Thầy Giáo	KX	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên	10°22'33"	105°24'04"					C-48-43-B-b
cầu Thông Lưu	KX	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên	10°23'10"	105°24'48"					C-48-43-B-b
rạch Bà Bóng	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°22'55"	105°22'56"	10°23'39"	105°22'55"	C-48-43-B-b
rạch Bổn Sầm	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°22'37"	105°23'19"	10°23'53"	105°23'52"	C-48-43-B-b
rạch Cái Chiêng	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°22'53"	105°22'51"	10°23'15"	105°21'23"	C-48-43-B-b
rạch Chà Dà	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°22'46"	105°23'26"	10°22'31"	105°24'01"	C-48-43-B-b
Rạch Dung	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°22'58"	105°24'40"	10°23'01"	105°24'00"	C-48-43-B-b
kênh Lọ Nồi	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°23'01"	105°24'00"	10°23'12"	105°23'31"	C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Mương Ngươn	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°22'37"	105°22'49"	10°22'56"	105°22'15"	C-48-43-B-b
kênh Mương Trâu	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°23'12"	105°23'31"	10°23'47"	105°22'37"	C-48-43-B-a,b
rạch Ngã Bác	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°23'47"	105°22'37"	10°23'54"	105°22'24"	C-48-43-B-a,b
Mương Ngươn	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°21'55"	105°22'22"	10°23'39"	105°20'51"	C-48-43-B-b
rạch Ông Trui	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°22'45"	105°24'39"	10°22'46"	105°23'58"	C-48-43-B-b
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°11'04"	105°12'15"	10°23'09"	105°26'35"	C-48-43-B-b; c; d
rạch Thầy Lộc	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°22'22"	105°22'40"	10°22'47"	105°21'52"	C-48-43-B-a; b; d
Mương Tường	TV	xã Mỹ Khánh	TP. Long Xuyên			10°23'06"	105°22'34"	10°23'53"	105°22'46"	C-48-43-B-b
khóm Long Châu	DC	P. Long Châu	TX. Tân Châu	10°48'06"	105°12'56"					C-48-31-A-d
khóm Long Hưng	DC	P. Long Châu	TX. Tân Châu	10°48'11"	105°13'48"					C-48-31-A-d
khóm Long Thạnh	DC	P. Long Châu	TX. Tân Châu	10°48'22"	105°12'37"					C-48-31-A-d
Đường tỉnh 952	KX	P. Long Châu	TX. Tân Châu			10°47'50"	105°14'09"	10°54'41"	105°10'06"	C-48-31-A-d
kênh Thần Nông	TV	P. Long Châu	TX. Tân Châu			10°48'21"	105°12'22"	10°35'36"	105°18'27"	C-48-31-A-d
kênh Châu Đốc Đi Tân Châu	TV	P. Long Châu	TX. Tân Châu			10°46'12"	105°08'05"	10°48'15"	105°13'33"	C-48-31-A-d
Sông Tiền	TV	P. Long Châu	TX. Tân Châu			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-31-A-d
khóm Long An A	DC	P. Long Phú	TX. Tân Châu	10°47'21"	105°13'33"					C-48-31-A-d
khóm Long An B	DC	P. Long Phú	TX. Tân Châu	10°47'10"	105°13'25"					C-48-31-A-d
khóm Long Quới A	DC	P. Long Phú	TX. Tân Châu	10°46'36"	105°12'40"					C-48-31-A-d
khóm Long Quới B	DC	P. Long Phú	TX. Tân Châu	10°46'49"	105°13'01"					C-48-31-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khóm Long Quới C	DC	P. Long Phú	TX. Tân Châu	10°46'20"	105°12'26"					C-48-31-A-d
Đường tỉnh 953	KX	P. Long Phú	TX. Tân Châu			10°42'38"	105°07'39"	10°48'05"	105°14'27"	C-48-31-A-d
cầu Phú Vĩnh	KX	P. Long Phú	TX. Tân Châu	10°46'14"	105°12'17"					C-48-31-A-d
kênh KM 2	TV	P. Long Phú	TX. Tân Châu			10°46'39"	105°14'23"	10°45'16	105°12'51"	C-48-31-A-d; C-48-31-C-b
kênh Sườn 3	TV	P. Long Phú	TX. Tân Châu			10°45'54"	105°13'35"	10°44'31"	105°14'36"	C-48-31-A-d; C-48-31-C-b
kênh Thần Nông	TV	P. Long Phú	TX. Tân Châu			10°48'21"	105°12'22"	10°35'36"	105°18'27"	C-48-31-A-d; C-48-31-C-b
kênh Vĩnh An	TV	P. Long Phú	TX. Tân Châu			10°48'08"	105°14'29"	10°43'10"	105°07'36"	C-48-31-A-d
khóm Long Hưng 1	DC	P. Long Sơn	TX. Tân Châu	10°47'35"	105°15'24"					C-48-31-B-c
khóm Long Hưng 2	DC	P. Long Sơn	TX. Tân Châu	10°46'58"	105°15'03"					C-48-31-B-c
khóm Long Thạnh 1	DC	P. Long Sơn	TX. Tân Châu	10°45'48"	105°15'18"					C-48-31-B-c
khóm Long Thạnh 3	DC	P. Long Sơn	TX. Tân Châu	10°45'12"	105°14'30"					C-48-31-A-d
Đường tỉnh 954	KX	P. Long Sơn	TX. Tân Châu			10°47'58"	105°15'03"	10°33'34"	105°17'37"	C-48-31-A-d; C-48-31-B-c
chùa Giồng Thành	KX	P. Long Sơn	TX. Tân Châu	10°46'57"	105°15'11"					C-48-31-B-c
Mương 5	TV	P. Long Sơn	TX. Tân Châu			10°46'01"	105°15'57"	10°44'31"	105°14'36"	C-48-31-B-c
sông Cái Vừng	TV	P. Long Sơn	TX. Tân Châu			10°47'39"	105°15'35"	10°43'05"	105°20'46"	C-48-31-B-c
kênh KM 2	TV	P. Long Sơn	TX. Tân Châu			10°46'39"	105°14'23"	10°45'16	105°12'51"	C-48-31-A-d; C-48-31-C-b,
kênh Sườn 3	TV	P. Long Sơn	TX. Tân Châu			10°45'54"	105°13'35"	10°44'31"	105°14'36"	C-48-31-A-d; C-48-31-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Tiền	TV	P. Long Sơn	TX. Tân Châu			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-31-B-c
khóm Long Hưng 1	DC	P. Long Thạnh	TX. Tân Châu	10°47'56"	105°14'55"					C-48-31-A-d
khóm Long Thạnh A (ấp Long Thị B)	DC	P. Long Thạnh	TX. Tân Châu	10°48'04"	105°14'38"					C-48-31-A-d
khóm Long Thạnh B (ấp Long Thị A)	DC	P. Long Thạnh	TX. Tân Châu	10°47'39"	105°14'03"					C-48-31-A-d
khóm Long Thạnh D	DC	P. Long Thạnh	TX. Tân Châu	10°47'45"	105°14'24"					C-48-31-A-d
khóm Long Thị D	DC	P. Long Thạnh	TX. Tân Châu	10°47'56"	105°14'35"					C-48-31-A-d
Đường tỉnh 952	KX	P. Long Thạnh	TX. Tân Châu			10°47'50"	105°14'09"	10°54'41"	105°10'06"	C-48-31-A-d
Đường tỉnh 953	KX	P. Long Thạnh	TX. Tân Châu			10°42'38"	105°07'39"	10°48'05"	105°14'27"	C-48-31-A-d
Đường tỉnh 954	KX	P. Long Thạnh	TX. Tân Châu			10°47'58"	105°15'03"	10°33'34"	105°17'37"	C-48-31-A-d; C-48-31-B-c
đường Nguyễn Tri Phương	KX	P. Long Thạnh	TX. Tân Châu			10°48'05"	105°14'27"	10°47'27"	105°13'43"	C-48-31-A-d
tuyến phà Tân Châu	KX	P. Long Thạnh	TX. Tân Châu	10°20'06"	105°29'14"					C-48-31-A-d
Sông Tiền (SÔNG CỬU LONG (MEKONG))	TV	P. Long Thạnh	TX. Tân Châu			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-31-A-d; C-48-31-B-c
kênh Vĩnh An	TV	P. Long Thạnh	TX. Tân Châu			10°48'08"	105°14'29"	10°43'10"	105°07'36"	C-48-31-A-d
ấp Châu Giang	DC	xã Châu Phong	TX. Tân Châu	10°42'56"	105°08'48"					C-48-31-C-b
ấp Hòa Long	DC	xã Châu Phong	TX. Tân Châu	10°42'54"	105°07'35"					C-48-31-C-b
ấp Hòa Thạnh	DC	xã Châu Phong	TX. Tân Châu	10°42'53"	105°09'19"					C-48-31-C-b
ấp Phủm Soài	DC	xã Châu Phong	TX. Tân Châu	10°43'21"	105°08'07"					C-48-31-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Vĩnh Lợi 1 (Ấp Vĩnh Lợi)	DC	xã Châu Phong	TX. Tân Châu	10°46'23"	105°08'24"					C-48-31-A-d
ấp Vĩnh Lợi 2	DC	xã Châu Phong	TX. Tân Châu	10°45'15"	105°08'13"					C-48-31-A-d
ấp Vĩnh Tường 1 (Ấp Trung)	DC	xã Châu Phong	TX. Tân Châu	10°43'43"	105°07'47"					C-48-31-C-b
ấp Vĩnh Tường 2	DC	xã Châu Phong	TX. Tân Châu	10°43'06"	105°07'43"					C-48-31-A-d
Đường tỉnh 951	KX	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°42'39"	105°07'39"	10°33'34"	105°17'37"	C-48-31-C-b
Đường tỉnh 953	KX	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°42'38"	105°07'39"	10°48'05"	105°14'27"	C-48-31-C-a,b
Miếu Bà	KX	xã Châu Phong	TX. Tân Châu	10°42'50"	105°07'31"					C-48-31-C-b
Miếu Bà	KX	xã Châu Phong	TX. Tân Châu	10°42'35"	105°08'32"					C-48-31-C-b
đình Châu Phong	KX	xã Châu Phong	TX. Tân Châu	10°43'27"	105°07'42"					C-48-31-C-b
tuyến đò Vàm Xáng	KX	xã Châu Phong	TX. Tân Châu	10°46'16"	105°08'08"					C-48-31-C-b
chùa Vĩnh Quang	KX	xã Châu Phong	TX. Tân Châu	10°43'29"	105°08'17"					C-48-31-C-b
kênh 26 Tháng 3	TV	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°44'55"	105°13'01"	10°42'34"	105°09'04"	C-48-31-C-b
kênh 30 Tháng 4	TV	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°43'07"	105°09'25"	10°42'26"	105°09'09"	C-48-31-C-b
kênh 30 Tháng 4	TV	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°45'04"	105°09'17"	10°47'00"	105°12'18"	C-48-31-A-d
kênh Châu Đốc Đi Tân Châu	TV	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°46'12"	105°08'05"	10°48'15"	105°13'33"	C-48-31-A-d
rộc Đìa Láng	TV	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°46'24"	105°10'10"	10°46'12"	105°09'13"	C-48-31-A-d
rạch Điên Điển	TV	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°43'44"	105°08'52"	10°45'04"	105°09'17"	C-48-31-C-b; C-48-31-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hậu	TV	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-A-d; C-48-31-C-a; C-48-31-C-b
rạch Mương Miễu	TV	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°43'37"	105°09'13"	10°43'25"	105°10'28"	C-48-31-C-b
rạch Mương Tri	TV	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°43'47"	105°09'06"	10°42'40"	105°08'24"	C-48-31-C-b
Kênh Ranh	TV	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°45'04"	105°09'17"	10°43'58"	105°08'57"	C-48-31-C-b; C-48-31-A-d
kênh Vĩnh An	TV	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°48'08"	105°14'29"	10°43'10"	105°07'36"	C-48-31-C-b
rạch Xẻo Nổ	TV	xã Châu Phong	TX. Tân Châu			10°43'38"	105°08'40"	10°43'27"	105°08'13"	C-48-31-C-b
ấp Phú Hữu 1	DC	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu	10°44'34"	105°10'19"					C-48-31-C-b
ấp Phú Hữu 2	DC	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu	10°44'55"	105°10'45"					C-48-31-C-b
ấp Vĩnh Thạnh 1	DC	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu	10°44'08"	105°09'44"					C-48-31-C-b
ấp Vĩnh Thạnh 2	DC	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu	10°43'50"	105°09'15"					C-48-31-C-b
Đường tỉnh 953	KX	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu			10°42'38"	105°07'39"	10°48'05"	105°14'27"	C-48-31-A-d; C-48-31-C-b
cầu Mương Tri	KX	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu	10°43'47"	105°09'06"					C-48-31-A-d
đình Vĩnh Phong	KX	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu	10°44'02"	105°09'38"					C-48-31-C-b
đình Vĩnh Xuyên	KX	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu	10°44'59"	105°10'44"					C-48-31-C-b
kênh 26 Tháng 3	TV	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu			10°44'55"	105°13'01"	10°42'34"	105°09'04"	C-48-31-C-b
kênh 30 Tháng 4	TV	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu			10°45'04"	105°09'17"	10°47'00"	105°12'18"	C-48-31-A-d
rạch Điên Điển	TV	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu			10°43'44"	105°08'52"	10°45'04"	105°09'17"	C-48-31-C-b; C-48-31-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Đội Thành	TV	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu			10°44'54"	105°09'32"	10°44'18"	105°09'52"	C-48-31-C-b
rạch Mương Cường	TV	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu			10°43'48"	105°10'01"	10°43'29"	105°11'31"	C-48-31-C-b
rạch Mương Miểu	TV	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu			10°43'37"	105°09'13"	10°43'25"	105°10'28"	C-48-31-C-b
rạch Mương Tri	TV	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu			10°43'47"	105°09'06"	10°42'40"	105°08'24"	C-48-31-C-b
Kênh Ranh	TV	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu			10°45'04"	105°09'17"	10°43'58"	105°08'57"	C-48-31-C-b; C-48-31-A-d
kênh Vĩnh An	TV	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu			10°48'08"	105°14'29"	10°43'10"	105°07'36"	C-48-31-A-d; C-48-31-C-b
rạch Xẻo Tre	TV	xã Lê Chánh	TX. Tân Châu			10°44'26"	105°09'39"	10°43'57"	105°08'57"	C-48-31-C-b
ấp Long Hiệp	DC	xã Long An	TX. Tân Châu	10°48'03"	105°11'54"					C-48-31-A-d
ấp Long Hòa (Tân Hậu B2)	DC	xã Long An	TX. Tân Châu	10°47'20"	105°10'27"					C-48-31-A-d
ấp Long Thành	DC	xã Long An	TX. Tân Châu	10°47'44"	105°11'09"					C-48-31-A-d
ấp Tân Hậu B2	DC	xã Long An	TX. Tân Châu	10°47'07"	105°10'4"					C-48-31-A-d
kênh Châu Đốc Đi Tân Châu (CHÂU ĐỐC ĐI TÂN CHÂU)	TV	xã Long An	TX. Tân Châu			10°46'12"	105°08'05"	10°48'15"	105°13'33"	C-48-31-A-d
rộc Đìa Láng	TV	xã Long An	TX. Tân Châu			10°46'24"	105°10'10"	10°46'12"	105°09'13"	C-48-31-A-d
kênh đào Đức Ông	TV	xã Long An	TX. Tân Châu			10°47'55"	105°11'30"	10°46'16"	105°12'16"	C-48-31-A-d
kênh Thần Nông	TV	xã Long An	TX. Tân Châu			10°48'21"	105°12'22"	10°35'36"	105°18'27"	C-48-31-A-d;
khóm Long Thạnh C	DC	xã Long Hưng	TX. Tân Châu	10°47'59"	105°13'59"					C-48-31-A-d
khóm Long Thị A	DC	xã Long Hưng	TX. Tân Châu	10°48'04"	105°14'09"					C-48-31-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khóm Long Thị B	DC	xã Long Hưng	TX. Tân Châu	10°47'58"	105°14'12"					C-48-31-A-d
khóm Long Thị C	DC	xã Long Hưng	TX. Tân Châu	10°48'07"	105°14'16"					C-48-31-A-d
Đường tỉnh 952	KX	xã Long Hưng	TX. Tân Châu			10°47'50"	105°14'09"	10°54'41"	105°10'06"	C-48-31-A-d
chùa Long Đức	KX	xã Long Hưng	TX. Tân Châu	10°48'00"	105°13'58"					C-48-31-A-d
đình Thần Long Phú	KX	xã Long Hưng	TX. Tân Châu	10°48'02"	105°14'17"					C-48-31-A-d
thánh thất Cao Đài Thị xã Tân Châu	KX	xã Long Hưng	TX. Tân Châu	10°48'01"	105°14'09"					C-48-31-A-d
Sông Tiền	TV	xã Long Hưng	TX. Tân Châu			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-31-A-d
kênh Vĩnh An	TV	xã Long Hưng	TX. Tân Châu			10°48'08"	105°14'29"	10°43'10"	105°07'36"	C-48-31-A-d
ấp Phú Bình	DC	xã Phú Lộc	TX. Tân Châu	10°50'33"	105°09'15"					C-48-31-A-d
ấp Phú Quý	DC	xã Phú Lộc	TX. Tân Châu	10°54'02"	105°09'05"					C-48-31-A-b
ấp Phú Yên	DC	xã Phú Lộc	TX. Tân Châu	10°53'17"	105°09'09"					C-48-31-A-b
kênh Bảy Xã	TV	xã Phú Lộc	TX. Tân Châu			10°54'37"	105°10'45"	10°54'00"	105°08'57"	C-48-31-A-b
kênh Bảy Xã (Rạch Đia Ông Huệ)	TV	xã Phú Lộc	TX. Tân Châu			10°55'14"	105°05'50"	10°47'01"	105°09'30"	C-48-31-A-b, d
rạch Cỏ Lau (RẠCH CỎ LAU)	TV	xã Phú Lộc	TX. Tân Châu			10°55'21"	105°07'49"	10°54'23"	105°07'37"	C-48-31-A-b
Kênh Cùn	TV	xã Phú Lộc	TX. Tân Châu			10°52'19"	105°09'05"	10°52'49"	105°10'43"	C-48-31-A-b
kênh Tân An	TV	xã Phú Lộc	TX. Tân Châu			10°49'48"	105°09'17"	10°49'17"	105°11'54"	C-48-31-A-d
kênh Xóm Chùa	TV	xã Phú Lộc	TX. Tân Châu			10°54'23"	105°07'37"	10°53'03"	105°07'20"	C-48-31-A-b
ấp Phú An A (Phú Bình A)	DC	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu	10°46'06"	105°12'15"					C-48-31-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phú An B (Phú An B)	DC	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu	10°46'07"	105°12'03"					C-48-31-A-d
ấp Phú Bình (Phú Bình B)	DC	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu	10°45'32"	105°12'39"					C-48-31-A-d
ấp Phú Hưng (Phú Hương)	DC	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu	10°45'29"	105°11'22"					C-48-31-A-d
Đường tỉnh 953 (TL 53)	KX	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu			10°42'38"	105°07'39"	10°48'05"	105°14'27"	C-48-31-A-d
cống Ông Chủ	KX	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu	10°45'59"	105°11'59"					C-48-31-A-d
cầu Phú Vĩnh	KX	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu	10°46'14"	105°12'17"					C-48-31-A-d
cống Thầy Ban	KX	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu	10°45'33"	105°11'29"					C-48-31-A-d
kênh 26 Tháng 3	TV	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu			10°44'55"	105°13'01"	10°42'34"	105°09'04"	C-48-31-C-b
kênh 30 Tháng 4	TV	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu			10°45'04"	105°09'17"	10°47'00"	105°12'18"	C-48-31-A-d
rộc Bảy Thưa	TV	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu			10°44'11"	105°11'46"	10°45'38"	105°12'07"	C-48-31-C-b
rộc Cộ An	TV	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu			10°44'34"	105°12'25"	10°45'10"	105°12'38"	C-48-31-A-d; C-48-31-C-b
kênh đào Đức Ông	TV	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu			10°47'55"	105°11'30"	10°46'16"	105°12'16"	C-48-31-A-d
kênh Thần Nông	TV	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu			10°48'21"	105°12'22"	10°35'36"	105°18'27"	C-48-31-A-d; C-48-31-C-b
kênh Vĩnh An	TV	xã Phú Vĩnh	TX. Tân Châu			10°48'08"	105°14'29"	10°43'10"	105°07'36"	C-48-31-A-d; C-48-31-C-b
ấp Tân Hậu A1	DC	xã Tân An	TX. Tân Châu	10°47'56"	105°11'19"					C-48-31-A-d
ấp Tân Hậu A2	DC	xã Tân An	TX. Tân Châu	10°47'38"	105°10'41"					C-48-31-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Hòa B	DC	xã Tân An	TX. Tân Châu	10°48'35"	105°12'37"					C-48-31-A-d
ấp Tân Hòa C	DC	xã Tân An	TX. Tân Châu	10°48'40"	105°11'06"					C-48-31-A-d
ấp Tân Lập	DC	xã Tân An	TX. Tân Châu	10°48'10"	105°09'36"					C-48-31-A-d
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân An	TX. Tân Châu	10°49'02"	105°12'20"					C-48-31-A-d
ấp Tân Phú B	DC	xã Tân An	TX. Tân Châu	10°48'24"	105°12'08"					C-48-31-A-d
Đường tỉnh 952	KX	xã Tân An	TX. Tân Châu			10°47'50"	105°14'09"	10°54'41"	105°10'06"	C-48-31-A-d
kênh Bảy Xã	TV	xã Tân An	TX. Tân Châu			10°55'14"	105°05'50"	10°47'01"	105°09'30"	C-48-31-A-d
láng Bông Súng	TV	xã Tân An	TX. Tân Châu			10°46'53"	105°09'15"	10°48'15"	105°09'45"	C-48-31-A-d
kênh Châu Đốc Đi Tân Châu (KINH CHÂU ĐỐC ĐI TÂN CHÂU)	TV	xã Tân An	TX. Tân Châu			10°46'12"	105°08'05"	10°48'15"	105°13'33"	C-48-31-A-d
xép Cỏ Găng	TV	xã Tân An	TX. Tân Châu			10°50'20"	105°11'55"	10°48'35"	105°12'43"	C-48-31-A-d
rạch Ông Tà (Rạch Mà Ca)	TV	xã Tân An	TX. Tân Châu			10°49'03"	105°11'33"	10°48'02"	105°11'15"	C-48-31-A-d
kênh Tân An	TV	xã Tân An	TX. Tân Châu			10°49'48"	105°09'17"	10°49'17"	105°11'54"	C-48-31-A-d
Sông Tiền (SÔNG CỬU LONG)	TV	xã Tân An	TX. Tân Châu			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-31-A-d
ấp Giồng Trà Dên	DC	xã Tân Thạnh	TX. Tân Châu	10°49'56"	105°10'44"					C-48-31-A-d
ấp Hòa Tân	DC	xã Tân Thạnh	TX. Tân Châu	10°50'20"	105°11'14"					C-48-31-A-d
ấp Hòa Thạnh	DC	xã Tân Thạnh	TX. Tân Châu	10°49'25"	105°11'30"					C-48-31-A-d
ấp Núi Nổi	DC	xã Tân Thạnh	TX. Tân Châu	10°50'12"	105°10'28"					C-48-31-A-d
ấp Tân Đông	DC	xã Tân Thạnh	TX. Tân Châu	10°49'16"	105°09'32"					C-48-31-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Phú	DC	xã Tân Thạnh	TX. Tân Châu	10°49'14"	105°10'47"					C-48-31-A-d
Đường tỉnh 952	KX	xã Tân Thạnh	TX. Tân Châu			10°47'50"	105°14'09"	10°54'41"	105°10'06"	C-48-31-A-d
chùa Phù Sơn	KX	xã Tân Thạnh	TX. Tân Châu	10°49'47"	105°10'00"					C-48-31-A-d
rạch Bà Cả	TV	xã Tân Thạnh	TX. Tân Châu			10°49'37"	105°11'08"	10°49'31"	105°10'39"	C-48-31-A-d
kênh Bảy Xã	TV	xã Tân Thạnh	TX. Tân Châu			10°55'14"	105°05'50"	10°47'01"	105°09'30"	C-48-31-A-d
xép Cỏ Găng	TV	xã Tân Thạnh	TX. Tân Châu			10°50'20"	105°11'55"	10°48'35"	105°12'43"	C-48-31-A-d
kênh Tân An	TV	xã Tân Thạnh	TX. Tân Châu			10°49'48"	105°09'17"	10°49'17"	105°11'54"	C-48-31-A-d
rạch Xẻo Mát	TV	xã Tân Thạnh	TX. Tân Châu			10°50'05"	105°11'05"	10°50'01"	105°10'24"	C-48-31-A-d
ấp Vĩnh An (Vĩnh Bường)	DC	xã Vĩnh Hòa	TX. Tân Châu	10°52'15"	105°10'47"					C-48-31-A-d
ấp Vĩnh Bường (Tân Thạnh)	DC	xã Vĩnh Hòa	TX. Tân Châu	10°50'41"	105°11'21"					C-48-31-A-d
ấp Vĩnh Khánh	DC	xã Vĩnh Hòa	TX. Tân Châu	10°49'52"	105°11'55"					C-48-31-A-d
ấp Vĩnh Lạc	DC	xã Vĩnh Hòa	TX. Tân Châu	10°50'21"	105°11'28"					C-48-31-A-d
ấp Vĩnh Thạnh A	DC	xã Vĩnh Hòa	TX. Tân Châu	10°52'08"	105°10'18"					C-48-31-A-d
ấp Vĩnh Thạnh B	DC	xã Vĩnh Hòa	TX. Tân Châu	10°51'29"	105°10'24"					C-48-31-A-d
ấp Vĩnh Thạnh C (Vĩnh An)	DC	xã Vĩnh Hòa	TX. Tân Châu	10°51'10"	105°11'00"					C-48-31-A-d
ấp Vĩnh Thạnh D	DC	xã Vĩnh Hòa	TX. Tân Châu	10°50'44"	105°10'37"					C-48-31-A-d
Đường tỉnh 952	KX	xã Vĩnh Hòa	TX. Tân Châu			10°47'50"	105°14'09"	10°54'41"	105°10'06"	C-48-31-A-b, d
chùa Thiên Hòa	KX	xã Vĩnh Hòa	TX. Tân Châu	10°50'17"	105°11'36"					C-48-31-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xép Cỏ Găng	TV	xã Vĩnh Hòa	TX. Tân Châu			10°50'20"	105°11'55"	10°48'35"	105°12'43"	C-48-31-A-d
kênh Tân An	TV	xã Vĩnh Hòa	TX. Tân Châu			10°49'48"	105°09'17"	10°49'17"	105°11'54"	C-48-31-A-d
Sông Tiền (SÔNG CỬU LONG)	TV	xã Vĩnh Hòa	TX. Tân Châu			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-31-A-b,d
Ấp 1 (Vĩnh Tân)	DC	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu	10°54'30"	105°10'43"					C-48-31-A-b
Ấp 2 (Vĩnh Thanh)	DC	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu	10°53'43"	105°10'49"					C-48-31-A-b
Ấp 3	DC	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu	10°52'47"	105°10'43"					C-48-31-A-b
Ấp 4	DC	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu	10°52'49"	105°10'01"					C-48-31-A-b
Ấp 5	DC	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu	10°54'55"	105°09'56"					C-48-31-A-b
Đường tỉnh 952	KX	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu			10°47'50"	105°14'09"	10°54'41"	105°10'06"	C-48-31-A-b
cầu Bờ Kè	KX	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu	10°54'36"	105°10'41"					C-48-31-A-b
chùa Bửu Sơn Kỳ Hương	KX	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu	10°54'40"	105°10'09"					C-48-31-A-b
chùa Giáp Bửu	KX	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu	10°54'01"	105°10'48"					C-48-31-A-b
cầu Kênh Bảy Xã	KX	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu	10°54'26"	105°10'06"					C-48-31-A-b
cửa khẩu Vĩnh Xương	KX	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu	10°54'40"	105°10'43"					C-48-31-A-b
kênh Bảy Xã	TV	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu			10°54'37"	105°10'45"	10°54'00"	105°08'57"	C-48-31-A-b
Kênh Cùn	TV	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu			10°52'19"	105°09'05"	10°52'49"	105°10'43"	C-48-31-A-b
Sông Tiền (CỬU LONG (MEKONG))	TV	xã Vĩnh Xương	TX. Tân Châu			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-31-A-b
ấp An Hưng	DC	TT. An Phú	H. An Phú	10°49'08"	105°05'18"					C-48-31-A-c
ấp An Thạnh	DC	TT. An Phú	H. An Phú	10°47'21"	105°05'48"					C-48-31-A-c
ấp An Thịnh	DC	TT. An Phú	H. An Phú	10°48'37"	105°05'34"					C-48-31-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Vĩnh Trường	KX	TT. An Phú	H. An Phú	10°47'37"	105°05'45"					C-48-31-A-c
đình An Thạnh	KX	TT. An Phú	H. An Phú	10°47'02"	105°05'59"					C-48-31-A-c
Đường tỉnh 957	KX	TT. An Phú	H. An Phú			10°42'52"	105°07'09"	10°57'15"	105°04'46"	C-48-31-A-c
Quốc lộ 91C	KX	TT. An Phú	H. An Phú			10°42'52"	105°07'09"	10°57'15"	105°04'46"	C-48-31-A-c
thánh thất Thị trấn An Phú	KX	TT. An Phú	H. An Phú	10°49'19"	105°05'14"					C-48-31-A-c
Kênh Mới (Kinh Thầy Ban)	TV	TT. An Phú	H. An Phú			10°49'16"	105°05'17"	10°48'29"	105°04'53"	C-48-31-A-c
sông Châu Đốc	TV	TT. An Phú	H. An Phú			10°49'18"	105°04'16"	10°42'43"	105°07'15"	C-48-31-A-c
Sông Hậu (Xép Cù Lao Ba)	TV	TT. An Phú	H. An Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-A-c
ấp Tân Bình	DC	TT. Long Bình	H. An Phú	10°57'11"	105°04'55"					C-48-31-A-a
ấp Tân Khánh	DC	TT. Long Bình	H. An Phú	10°56'32"	105°04'40"					C-48-31-A-a
ấp Tân Thạnh	DC	TT. Long Bình	H. An Phú	10°57'08"	105°05'32"					C-48-31-A-a
cửa khẩu Khánh Bình	KX	TT. Long Bình	H. An Phú	10°57'18"	105°04'51"					C-48-31-A-a
Đường tỉnh 957	KX	TT. Long Bình	H. An Phú			10°42'52"	105°07'09"	10°57'15"	105°04'46"	C-48-31-A-a
Quốc lộ 91C	KX	TT. Long Bình	H. An Phú			10°42'52"	105°07'09"	10°57'15"	105°04'46"	C-48-31-A-a
sông Bình Ghi (BƯNG BÌNH THIÊN NHỎ)	TV	TT. Long Bình	H. An Phú			10°55'02"	105°03'16"	10°57'27"	105°04'54"	C-48-31-A-a
Sông Hậu (sông Hậu Giang)	TV	TT. Long Bình	H. An Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-A-a
ấp Hà Bao 1	DC	xã Đa Phước	H. An Phú	10°46'02"	105°06'43"					C-48-31-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Hà Bao 2	DC	xã Đa Phước	H. An Phú	10°44'32"	105°07'46"					C-48-31-C-b
ấp Phước Quản	DC	xã Đa Phước	H. An Phú	10°43'51"	105°06'32"					C-48-31-C-a
ấp Phước Thọ	DC	xã Đa Phước	H. An Phú	10°42'58"	105°07'14"					C-48-31-C-a
chùa Bà Đội	KX	xã Đa Phước	H. An Phú	10°45'27"	105°07'11"					C-48-31-A-c
chùa Kỳ Viên	KX	xã Đa Phước	H. An Phú	10°43'03"	105°07'12"					C-48-31-C-a
đình Hà Bao	KX	xã Đa Phước	H. An Phú	10°44'30"	105°07'39"					C-48-31-C-b
đình Phước Thọ	KX	xã Đa Phước	H. An Phú	10°43'00"	105°07'08"					C-48-31-C-a
Đường tỉnh 957	KX	xã Đa Phước	H. An Phú			10°42'52"	105°07'09"	10°57'15"	105°04'46"	C-48-31-A-c
miếu Nhị Vương	KX	xã Đa Phước	H. An Phú	10°43'33"	105°06'42"					C-48-31-C-a
Quốc lộ 91C	KX	xã Đa Phước	H. An Phú			10°42'52"	105°07'09"	10°57'15"	105°04'46"	C-48-31-A-c
thánh đường Ehsan	KX	xã Đa Phước	H. An Phú	10°43'55"	105°07'29"					C-48-31-A-c
kênh Xã Đội	TV	xã Đa Phước	H. An Phú			10°45'28"	105°07'15"	10°44'16"	105°06'19"	C-48-31-A-c; C-48-31-C-a
Mương Chà	TV	xã Đa Phước	H. An Phú			10°43'24"	105°07'24"	10°43'31"	105°07'04"	C-48-31-C-a
mương Tư Tiến	TV	xã Đa Phước	H. An Phú			10°45'05"	105°06'57"	10°43'53"	105°06'31"	C-48-31-A-c; C-48-31-C-a
sông Châu Đốc	TV	xã Đa Phước	H. An Phú			10°49'18"	105°04'16"	10°42'43"	105°07'15"	C-48-31-C-a; C-48-31-A-c
Sông Hậu (XÉP CÙ LAO BA)	TV	xã Đa Phước	H. An Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-A-c, d; C-48-31-C-a, b
ấp An Hòa (4)	DC	xã Khánh An	H. An Phú	10°57'35"	105°06'50"					C-48-31-A-a
ấp An Khánh (2)	DC	xã Khánh An	H. An Phú	10°57'30"	105°06'19"					C-48-31-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Khánh Hòa (5)	DC	xã Khánh An	H. An Phú	10°57'12"	105°06'27"					C-48-31-A-a
ấp Thạnh Phú (3)	DC	xã Khánh An	H. An Phú	10°56'08"	105°06'21"					C-48-31-A-a
chùa An Hòa	KX	xã Khánh An	H. An Phú	10°56'33"	105°06'29"					C-48-31-A-a
Quốc lộ 91C	KX	xã Khánh An	H. An Phú			10°42'52"	105°07'09"	10°57'15"	105°04'46"	C-48-31-A-a
Sông Hậu (sông Hậu Giang)	TV	xã Khánh An	H. An Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-A-a
ấp Bình Di (3)	DC	xã Khánh Bình	H. An Phú	10°56'04"	105°04'26"					C-48-31-A-a
ấp Búng Nhỏ (5)	DC	xã Khánh Bình	H. An Phú	10°55'25"	105°04'04"					C-48-31-A-a
ấp Sa Tô (2)	DC	xã Khánh Bình	H. An Phú	10°56'12"	105°04'40"					C-48-31-A-a
ấp Vạt Lài (4)	DC	xã Khánh Bình	H. An Phú	10°55'55"	105°03'23"					C-48-31-A-a
Đường tỉnh 957	KX	xã Khánh Bình	H. An Phú			10°42'52"	105°07'09"	10°57'15"	105°04'46"	C-48-31-A-a
búng Bình Thiên (Bưng Bình Thiên Lớn)	TV	xã Khánh Bình	H. An Phú	10°55'16"	105°04'19"					C-48-31-A-a
sông Bình Ghi (BƯNG BÌNH THIÊN NHỎ)	TV	xã Khánh Bình	H. An Phú			10°55'02"	105°03'16"	10°57'27"	105°04'54"	C-48-31-A-a
sông Nhơn Hội (RẠCH BÌNH GHI)	TV	xã Khánh Bình	H. An Phú			10°53'51"	105°02'07"	10°55'02"	105°03'16"	C-48-31-A-a
ấp Bắc Đai (1)	DC	xã Nhơn Hội	H. An Phú	10°53'05"	105°02'33"					C-48-31-A-a
ấp Búng Lớn (3)	DC	xã Nhơn Hội	H. An Phú	10°54'50"	105°02'39"					C-48-31-A-a
ấp Tắc Trúc (2)	DC	xã Nhơn Hội	H. An Phú	10°53'41"	105°02'16"					C-48-31-A-a
cửa khẩu Bắc Đai An Giang	KX	xã Nhơn Hội	H. An Phú	10°53'46"	105°02'05"					C-48-31-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 957	KX	xã Nhơn Hội	H. An Phú			10°42'52"	105°07'09"	10°57'15"	105°04'46"	C-48-31-A-a; C-48-31-A-c; C-48-31-C-a
búng Bình Thiên (Bưng Bình Thiên Lớn)	TV	xã Nhơn Hội	H. An Phú	10°55'16"	105°04'19"					C-48-31-A-a
sông Bình Ghi (BƯNG BÌNH THIÊN NHỎ)	TV	xã Nhơn Hội	H. An Phú			10°55'02"	105°03'16"	10°57'27"	105°04'54"	C-48-31-A-a
sông Nhơn Hội (RẠCH BÌNH GHI)	TV	xã Nhơn Hội	H. An Phú			10°53'51"	105°02'07"	10°55'02"	105°03'16"	C-48-31-A-a
sông Phú Hội (Sông Châu Đốc)	TV	xã Nhơn Hội	H. An Phú			10°53'51"	105°02'07"	10°49'18"	105°04'16"	C-48-31-A-a
ấp Phú Mỹ	DC	xã Phú Hội	H. An Phú	10°49'36"	105°04'20"					C-48-31-A-c
ấp Phú Nghĩa	DC	xã Phú Hội	H. An Phú	10°50'00"	105°03'33"					C-48-31-A-c
ấp Phú Nhơn (Phú Thạnh)	DC	xã Phú Hội	H. An Phú	10°49'05"	105°04'09"					C-48-31-A-c
ấp Phú Thuận (Phú Mỹ)	DC	xã Phú Hội	H. An Phú	10°52'20"	105°02'38"					C-48-31-A-c
ấp Phú Trung	DC	xã Phú Hội	H. An Phú	10°51'39"	105°03'25"					C-48-31-A-c
Đường tỉnh 957	KX	xã Phú Hội	H. An Phú			10°42'52"	105°07'09"	10°57'15"	105°04'46"	C-48-31-A-a; C-48-31-A-c
Kênh Mới (Kinh Thầy Ban)	TV	xã Phú Hội	H. An Phú			10°49'16"	105°05'17"	10°48'29"	105°04'53"	C-48-31-A-c
Kênh Ruột	TV	xã Phú Hội	H. An Phú			10°52'32"	105°02'10"	10°50'55"	105°02'53"	C-48-31-A-a; C-48-31-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tám Sớm	TV	xã Phú Hội	H. An Phú			10°53'46"	105°04'46"	10°52'31"	105°02'51"	C-48-31-A-a
rạch Thành Tượng	TV	xã Phú Hội	H. An Phú			10°48'05"	105°03'33"	10°48'35"	105°04'06"	C-48-31-A-c
sông Châu Đốc	TV	xã Phú Hội	H. An Phú			10°49'18"	105°04'16"	10°42'43"	105°07'15"	C-48-31-A-c
sông Giao Nhau (Sông Giao Khau)	TV	xã Phú Hội	H. An Phú			10°47'54"	105°03'49"	10°47'59"	105°03'35"	C-48-31-A-c
sông Phú Hội (Sông Châu Đốc)	TV	xã Phú Hội	H. An Phú			10°53'51"	105°02'07"	10°49'18"	105°04'16"	C-48-31-A-a; C-48-31-A-c
ấp Phú Hiệp	DC	xã Phú Hữu	H. An Phú	10°52'43"	105°06'55"					C-48-31-A-a
ấp Phú Hòa (Ấp Phú Thành)	DC	xã Phú Hữu	H. An Phú	10°54'25"	105°04'51"					C-48-31-A-a
ấp Phú Lợi	DC	xã Phú Hữu	H. An Phú	10°53'49"	105°07'26"					C-48-31-A-a
ấp Phú Quới	DC	xã Phú Hữu	H. An Phú	10°54'15"	105°08'01"					C-48-31-A-b
ấp Phú Thành	DC	xã Phú Hữu	H. An Phú	10°55'05"	105°05'32"					C-48-31-A-a
ấp Phú Thạnh (Ấp Vĩnh Thạnh)	DC	xã Phú Hữu	H. An Phú	10°52'26"	105°05'41"					C-48-31-A-c
kênh Bảy Xã	TV	xã Phú Hữu	H. An Phú			10°55'14"	105°05'50"	10°47'01"	105°09'30"	C-48-31-A-a, b, d
kênh Cỏ Lau	TV	xã Phú Hữu	H. An Phú			10°53'03"	105°07'20"	10°52'26"	105°05'39"	C-48-31-A-a; C-48-31-A-c
kênh Vĩnh Lộc	TV	xã Phú Hữu	H. An Phú			10°51'22"	105°05'56"	10°52'19"	105°09'05"	C-48-31-A-c; C-48-31-A-d
kênh Xóm Chùa	TV	xã Phú Hữu	H. An Phú			10°54'23"	105°07'37"	10°53'03"	105°07'20"	C-48-31-A-a; C-48-31-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cỏ Lau	TV	xã Phú Hữu	H. An Phú			10°55'21"	105°07'49"	10°54'23"	105°07'37"	C-48-31-A-b
Sông Hậu	TV	xã Phú Hữu	H. An Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-A-a; C-48-31-A-c
ấp Phước Hòa	DC	xã Phước Hưng	H. An Phú	10°52'14"	105°05'29"					C-48-31-A-c
ấp Phước Khánh	DC	xã Phước Hưng	H. An Phú	10°51'31"	105°04'46"					C-48-31-A-c
ấp Phước Mỹ	DC	xã Phước Hưng	H. An Phú	10°49'38"	105°05'01"					C-48-31-A-c
ấp Phước Thạnh (Phước Mỹ)	DC	xã Phước Hưng	H. An Phú	10°50'50"	105°04'34"					C-48-31-A-c
chùa Phước Hòa	KX	xã Phước Hưng	H. An Phú	10°50'48"	105°04'33"					C-48-31-A-c
đình Phước Hưng	KX	xã Phước Hưng	H. An Phú	10°51'28"	105°04'40"					C-48-31-A-c
Quốc lộ 91C	KX	xã Phước Hưng	H. An Phú			10°42'52"	105°07'09"	10°57'15"	105°04'46"	C-48-31-A-a; C-48-31-A-c
Sông Hậu	TV	xã Phước Hưng	H. An Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-A-a; C-48-31-A-c
ấp Búng Bình Thiên	DC	xã Quốc Thái	H. An Phú	10°55'13"	105°04'36"					C-48-31-A-a
ấp Đồng Ky	DC	xã Quốc Thái	H. An Phú	10°54'51"	105°04'49"					C-48-31-A-a
ấp Quốc Hưng	DC	xã Quốc Thái	H. An Phú	10°53'32"	105°04'46"					C-48-31-A-a
ấp Quốc Khánh	DC	xã Quốc Thái	H. An Phú	10°54'33"	105°04'43"					C-48-31-A-a
ấp Quốc Phú	DC	xã Quốc Thái	H. An Phú	10°55'27"	105°05'17"					C-48-31-A-a
Quốc lộ 91C	KX	xã Quốc Thái	H. An Phú			10°42'52"	105°07'09"	10°57'15"	105°04'46"	C-48-31-A-a
búng Bình Thiên (Bưng Bình Thiên Lớn)	TV	xã Quốc Thái	H. An Phú	10°55'16"	105°04'19"					C-48-31-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cồn Bắc Nam Lớn	TV	xã Quốc Thái	H. An Phú	10°55'25"	105°05'38"					C-48-31-A-a
kênh Tám Sớm	TV	xã Quốc Thái	H. An Phú			10°53'46"	105°04'46"	10°52'31"	105°02'51"	C-48-31-A-a
Sông Hậu (sông Hậu Giang)	TV	xã Quốc Thái	H. An Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-A-a
ấp Vĩnh Bảo (Vĩnh Thạnh)	DC	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú	10°47'18"	105°07'12"					C-48-31-A-c
ấp Vĩnh Lịnh (Vĩnh Trinh 2)	DC	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú	10°46'48"	105°09'09"					C-48-31-A-d
ấp Vĩnh Ngữ	DC	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú	10°46'47"	105°08'59"					C-48-31-A-d
ấp Vĩnh Thuấn (Vĩnh Trinh 1)	DC	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú	10°48'12"	105°07'49"					C-48-31-A-c
chùa An Thạnh	KX	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú	10°47'08"	105°07'40"					C-48-31-A-d
đình Vĩnh Hậu	KX	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú	10°47'33"	105°07'36"					C-48-31-A-d
tuyến đò Vàm Xáng	KX	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú	10°46'16"	105°08'08"					C-48-31-A-d
kênh Bảy Xã	TV	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú			10°55'14"	105°05'50"	10°47'01"	105°09'30"	C-48-31-A-d
kênh Châu Đốc Đi Tân Châu (Kinh Châu Đốc Đi Tân Châu)	TV	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú			10°46'12"	105°08'05"	10°48'15"	105°13'33"	C-48-31-A-d
kênh Sáu Thôn	TV	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú			10°48'28"	105°09'23"	10°48'12"	105°08'58"	C-48-31-A-d
láng Bông Súng	TV	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú			10°46'53"	105°09'15"	10°48'15"	105°09'45"	C-48-31-A-d
rạch Cần Thơ	TV	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú			10°48'03"	105°06'41"	10°49'47"	105°09'16"	C-48-31-A-c, d
rạch Cỏ Túc	TV	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú			10°48'15"	105°06'48"	10°46'42"	105°07'44"	C-48-31-A-c, d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rọc Cựa Bà Đen	TV	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú			10°48'00"	105°09'24"	10°47'49"	105°09'12"	C-48-31-A-d
rọc Đìa Chà	TV	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú			10°48'17"	105°09'02"	10°47'26"	105°09'15"	C-48-31-A-d
Sông Hậu (sông Hậu Giang)	TV	xã Vĩnh Hậu	H. An Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-A-c, d
ấp Vĩnh An (4)	DC	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú	10°47'18"	105°04'34"					C-48-31-A-c
ấp Vĩnh Hòa (3)	DC	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú	10°47'37"	105°03'47"					C-48-31-A-c
ấp Vĩnh Hội	DC	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú	10°47'49"	105°03'52"					C-48-31-A-c
ấp Vĩnh Phú (2)	DC	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú	10°47'20"	105°04'07"					C-48-31-A-c
đình An Hòa	KX	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú	10°47'15"	105°04'24"					C-48-31-A-c
đình Dung Thăng	KX	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú	10°47'18"	105°03'52"					C-48-31-A-c
đình Long Phú	KX	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú	10°47'51"	105°03'46"					C-48-31-A-c
đình Vĩnh Hội Đông	KX	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú	10°41'51"	105°03'55"					C-48-31-A-c
Đường tỉnh 957	KX	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú			10°42'52"	105°07'09"	10°57'15"	105°04'46"	C-48-31-A-c
thánh thất Cao Đài Vĩnh Hội Đông	KX	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú	10°47'14"	105°03'58"					C-48-31-A-c
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú			10°49'16"	105°05'17"	10°48'29"	105°04'53"	C-48-31-A-c
rạch Trắc Rè	TV	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú			10°46'50"	105°04'53"	10°46'46"	105°04'27"	C-48-31-A-c
sông Châu Đốc (Tra Keo)	TV	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú			10°49'18"	105°04'16"	10°42'43"	105°07'15"	C-48-31-A-c
sông Giao Nhau	TV	xã Vĩnh Hội Đông	H. An Phú			10°47'54"	105°03'49"	10°47'59"	105°03'35"	C-48-31-A-c
ấp Vĩnh Hưng	DC	xã Vĩnh Lộc	H. An Phú	10°48'35"	105°06'19"					C-48-31-A-c
ấp Vĩnh Lợi	DC	xã Vĩnh Lộc	H. An Phú	10°49'37"	105°05'17"					C-48-31-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Vĩnh Phát	DC	xã Vĩnh Lộc	H. An Phú	10°51'28"	105°09'08"					C-48-31-A-d
ấp Vĩnh Phước	DC	xã Vĩnh Lộc	H. An Phú	10°51'05"	105°04'44"					C-48-31-A-c
ấp Vĩnh Thạnh (Phước Thạnh)	DC	xã Vĩnh Lộc	H. An Phú	10°51'12"	105°05'30"					C-48-31-A-c
chùa Vĩnh Phước	KX	xã Vĩnh Lộc	H. An Phú	10°50'51"	105°04'48"					C-48-31-A-c
kênh Bảy Xã	TV	xã Vĩnh Lộc	H. An Phú			10°55'14"	105°05'50"	10°47'01"	105°09'30"	C-48-31-A-d
kênh Vĩnh Lộc	TV	xã Vĩnh Lộc	H. An Phú			10°51'22"	105°05'56"	10°52'19"	105°09'05"	C-48-31-A-c, d
kênh Vĩnh Lợi	TV	xã Vĩnh Lộc	H. An Phú			10°49'00"	105°05'41"	10°51'03"	105°09'10"	C-48-31-A-c; C-48-31-A-d
mương Tư Thế	TV	xã Vĩnh Lộc	H. An Phú			10°48'56"	105°06'33"	10°49'15"	105°06'53"	C-48-31-A-c
rạch Cần Thơ	TV	xã Vĩnh Lộc	H. An Phú			10°48'03"	105°06'41"	10°49'47"	105°09'16"	C-48-31-A-c,d
Sông Hậu (sông Hậu Giang)	TV	xã Vĩnh Lộc	H. An Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-A-c
ấp La Ma	DC	xã Vĩnh Trường	H. An Phú	10°45'51"	105°07'05"					C-48-31-A-c
ấp Vĩnh Bình (Vĩnh Trường 1)	DC	xã Vĩnh Trường	H. An Phú	10°47'31"	105°06'49"					C-48-31-A-c
ấp Vĩnh Nghĩa (Vĩnh Trường (2))	DC	xã Vĩnh Trường	H. An Phú	10°45'55"	105°07'55"					C-48-31-A-d
ấp Vĩnh Thành (Vĩnh Thanh (2))	DC	xã Vĩnh Trường	H. An Phú	10°47'31"	105°05'52"					C-48-31-A-c
cầu Vĩnh Trường	KX	xã Vĩnh Trường	H. An Phú	10°47'37"	105°05'45"					C-48-31-A-c
chùa Phước Trường	KX	xã Vĩnh Trường	H. An Phú	10°46'08"	105°07'34"					C-48-31-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Vĩnh Thành	KX	xã Vĩnh Trường	H. An Phú	10°46'55"	105°06'19"					C-48-31-A-d
đình Vĩnh Trường	KX	xã Vĩnh Trường	H. An Phú	10°46'24"	105°07'41"					C-48-31-A-d
thánh thất Cao Đài Vĩnh Trường	KX	xã Vĩnh Trường	H. An Phú	10°45'44"	105°07'57"					C-48-31-A-d
Sông Hậu (XÉP CÙ LAO BA)	TV	xã Vĩnh Trường	H. An Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-A-a,c; C-48-31-C-b
ấp Bình Hòa	DC	TT. Cái Dầu	H. Châu Phú	10°34'05"	105°14'25"					C-48-31-C-d
ấp Bình Nghĩa	DC	TT. Cái Dầu	H. Châu Phú	10°34'21"	105°14'35"					C-48-31-C-d
ấp Vĩnh Lộc	DC	TT. Cái Dầu	H. Châu Phú	10°34'49"	105°13'50"					C-48-31-C-d
ấp Vĩnh Phúc	DC	TT. Cái Dầu	H. Châu Phú	10°34'49"	105°14'06"					C-48-31-C-d
ấp Vĩnh Thành	DC	TT. Cái Dầu	H. Châu Phú	10°34'40"	105°13'33"					C-48-31-C-d
ấp Vĩnh Tiến	DC	TT. Cái Dầu	H. Châu Phú	10°34'37"	105°14'14"					C-48-31-C-d
tuyến đò Cái Dầu - Thị Đam	KX	TT. Cái Dầu	H. Châu Phú	10°34'30"	105°14'56"					C-48-31-C-d
Quốc lộ 91	KX	TT. Cái Dầu	H. Châu Phú			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-31-C-d
Kênh 1	TV	TT. Cái Dầu	H. Châu Phú			10°33'51"	105°12'49"	10°32'25"	105°14'53"	C-48-31-C-d
Kênh 10	TV	TT. Cái Dầu	H. Châu Phú			10°17'09"	105°04'09"	10°35'12"	105°13'52"	C-48-31-C-d
kênh Chủ Mỹ	TV	TT. Cái Dầu	H. Châu Phú			10°33'51"	105°14'26"	10°32'05"	105°11'53"	C-48-31-C-d
kênh Phù Dật	TV	TT. Cái Dầu	H. Châu Phú			10°34'19"	105°14'43"	10°32'41"	105°15'06"	C-48-31-C-d
Sông Hậu	TV	TT. Cái Dầu	H. Châu Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-C-d; C-48-31-D-c
ấp Bình Chơn	DC	xã Bình Chánh	H. Châu Phú	10°28'20"	105°11'27"					C-48-43-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình Lộc	DC	xã Bình Chánh	H. Châu Phú	10°30'19"	105°13'07"					C-48-31-C-d
ấp Bình Lợi	DC	xã Bình Chánh	H. Châu Phú	10°29'33"	105°12'29"					C-48-43-A-b
ấp Bình Phước	DC	xã Bình Chánh	H. Châu Phú	10°31'31"	105°14'12"					C-48-31-C-d
ấp Bình Thạnh	DC	xã Bình Chánh	H. Châu Phú	10°30'55"	105°13'38"					C-48-31-C-d
dinh Hưng Trung	KX	xã Bình Chánh	H. Châu Phú	10°28'39"	105°11'42"					C-48-43-A-b
Đường tỉnh 947	KX	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°33'28"	105°15'47"	10°15'58"	105°07'55"	C-48-30-D-d
Kênh 7	TV	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°40'27"	105°04'04"	10°29'27"	105°15'51"	C-48-31-C-d; C-48-31-D-c; C-48-43-B-a
Kênh 8	TV	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°37'30"	105°05'21"	10°28'50"	105°15'18"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-b; C-48-43-B-a
Kênh 9	TV	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°37'06"	105°04'58"	10°28'23"	105°14'47"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-b
Kênh 10	TV	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°40'28"	105°02'16"	10°28'10"	105°13'48"	C-48-43-A-b
Kênh 11	TV	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°36'46"	105°04'04"	10°28'03"	105°13'14"	C-48-43-A-b
Kênh 12	TV	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°35'45"	105°04'05"	10°27'56"	105°12'43"	C-48-43-A-b
Kênh 13	TV	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°34'50"	105°04'20"	10°27'51"	105°12'19"	C-48-43-A-b
Kênh 14	TV	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°34'24"	105°04'27"	10°27'45"	105°11'50"	C-48-43-A-b
kênh Ba Thê	TV	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°33'30"	105°15'47"	10°15'14"	105°07'27"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-b
kênh Hào Sương	TV	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°31'52"	105°14'26"	10°29'42"	105°16'56"	C-48-31-C-d; C-48-31-D-c; C-48-43-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Núi Chóc Năng Gù	TV	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°31'57"	105°18'06"	10°15'52"	105°12'01"	C-48-43-B-a; C-48-31-D-c
Kênh Ranh	TV	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°29'42"	105°16'56"	10°28'02"	105°12'11"	C-48-43-A-b; C-48-43-B-a
mương Tư Tản	TV	xã Bình Chánh	H. Châu Phú			10°31'31"	105°14'09"	10°29'47"	105°16'09"	C-48-31-C-d; C-48-31-D-c; C-48-43-B-a
ấp Bình Chánh	DC	xã Bình Long	H. Châu Phú	10°33'55"	105°14'46"					C-48-31-C-d
ấp Bình Châu	DC	xã Bình Long	H. Châu Phú	10°32'30"	105°12'28"					C-48-31-C-d
ấp Bình Chiến	DC	xã Bình Long	H. Châu Phú	10°33'17"	105°13'13"					C-48-31-C-d
ấp Bình Hưng	DC	xã Bình Long	H. Châu Phú	10°33'58"	105°15'07"					C-48-31-D-c
ấp Bình Thắng	DC	xã Bình Long	H. Châu Phú	10°31'44"	105°13'26"					C-48-31-C-d
ấp Bình Thuận	DC	xã Bình Long	H. Châu Phú	10°32'19"	105°14'22"					C-48-31-C-d
ấp Chánh Hưng	DC	xã Bình Long	H. Châu Phú	10°33'23"	105°15'05"					C-48-31-D-c
nhà thờ Cái Dầu	KX	xã Bình Long	H. Châu Phú	10°33'45"	105°14'52"					C-48-31-C-d
Quốc lộ 91	KX	xã Bình Long	H. Châu Phú			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-31-C-d; C-48-31-D-c
Kênh 1	TV	xã Bình Long	H. Châu Phú			10°33'51"	105°12'49"	10°32'25"	105°14'53"	C-48-31-C-d
Kênh 2	TV	xã Bình Long	H. Châu Phú			10°34'51"	105°10'32"	10°31'54"	105°14'25"	C-48-31-C-d
Kênh 7	TV	xã Bình Long	H. Châu Phú			10°40'27"	105°04'04"	10°29'27"	105°15'51"	C-48-31-C-d
Kênh 8	TV	xã Bình Long	H. Châu Phú			10°37'30"	105°05'21"	10°28'50"	105°15'18"	C-48-31-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 10	TV	xã Bình Long	H. Châu Phú			10°17'09"	105°04'09"	10°35'12"	105°13'52"	C-48-31-C-d
kênh Ba Thê	TV	xã Bình Long	H. Châu Phú			10°33'30"	105°15'47"	10°15'14"	105°07'27"	C-48-31-C-d; C-48-31-D-c
kênh Chủ Mỹ	TV	xã Bình Long	H. Châu Phú			10°33'51"	105°14'26"	10°32'05"	105°11'53"	C-48-31-C-d
kênh Phù Dật	TV	xã Bình Long	H. Châu Phú			10°34'19"	105°14'43"	10°32'41"	105°15'06"	C-48-31-C-d; C-48-31-D-c
kênh Quốc gia	TV	xã Bình Long	H. Châu Phú			10°33'41"	105°14'29"	10°30'04"	105°10'02"	C-48-31-C-d
Sông Hậu	TV	xã Bình Long	H. Châu Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-C-d; C-48-31-D-c
ấp Bình Chánh 1	DC	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°32'37"	105°15'14"					C-48-31-D-c
ấp Bình Chánh 2	DC	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°31'53"	105°14'29"					C-48-31-D-c
ấp Bình Hưng 1	DC	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°30'53"	105°17'18"					C-48-31-D-c
ấp Bình Hưng 2	DC	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°30'28"	105°17'54"					C-48-31-D-c
ấp Bình Minh	DC	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°33'12"	105°15'57"					C-48-31-D-c
ấp Bình Tân	DC	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°33'05"	105°16'33"					C-48-31-D-c
ấp Bình Thành	DC	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°32'59"	105°17'35"					C-48-31-D-c
ấp Bình Trung	DC	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°31'41"	105°16'54"					C-48-31-D-c
cầu Thầy Phó Ký	KX	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°31'21"	105°18'43"					C-48-31-D-c
đình Bình Mỹ	KX	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°31'57"	105°18'03"					C-48-31-D-c
tuyến đò Bình Mỹ	KX	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°31'57"	105°18'08"					C-48-31-D-c
tuyến đò Cầu Bình Thủy	KX	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°31'02"	105°19'03"					C-48-31-D-c
tuyến đò Cây Dương	KX	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°33'38"	105°15'55"					C-48-31-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tuyến đò Chợ Bình Thủy	KX	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°32'50"	105°17'41"					C-48-31-D-c
Đường tỉnh 947	KX	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°33'28"	105°15'47"	10°15'58"	105°07'55"	C-48-30-D-d
tuyến phà Năng Gù	KX	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	10°33'17"	105°17'35"					C-48-31-D-c
Quốc lộ 91	KX	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-31-D-c
Kênh 1	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°33'09"	105°15'31"	10°31'57"	105°17'12"	C-48-31-D-c
Kênh 2	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°32'55"	105°15'20"	10°31'09"	105°17'13"	C-48-31-D-c
Kênh 3	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°32'11"	105°15'44"	10°31'00"	105°16'58"	C-48-31-D-c
Kênh 4	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°32'29"	105°14'58"	10°29'54"	105°17'28"	C-48-31-C-d; C-48-31-D-c; C-48-43-B-a
kênh Ba Thê	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°33'30"	105°15'47"	10°15'14"	105°07'27"	C-48-31-C-d; C-48-31-D-c
kênh Hào Sương	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°31'52"	105°14'26"	10°29'42"	105°16'56"	C-48-31-C-d; C-48-31-D-c; C-48-43-B-a
kênh Mương Trâu	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°30'34"	105°15'57"	10°31'34"	105°17'45"	C-48-31-D-c
kênh Núi Chóc Năng Gù	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°31'57"	105°18'06"	10°15'52"	105°12'01"	C-48-31-D-c
kênh Thanh Sơn	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°31'01"	105°15'26"	10°32'48"	105°17'38"	C-48-31-D-c
kênh Thầy Phó	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°31'22"	105°18'43"	10°30'06"	105°16'28"	C-48-31-D-c
kênh Xẻo Sâu	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°30'19"	105°19'06"	10°29'42"	105°16'56"	C-48-31-D-c; C-48-43-B-a
rạch Lòng Ống	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°30'13"	105°19'08"	10°31'44"	105°18'06"	C-48-31-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hậu	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-D-c
xép Năng Gù	TV	xã Bình Mỹ	H. Châu Phú			10°33'03"	105°17'41"	10°29'02"	105°20'13"	C-48-43-B-a; C-48-31-D-c
ấp Bình An	DC	xã Bình Phú	H. Châu Phú	10°29'03"	105°09'58"					C-48-43-A-b
ấp Bình Điền	DC	xã Bình Phú	H. Châu Phú	10°31'41"	105°11'46"					C-48-31-C-d
ấp Bình Đức	DC	xã Bình Phú	H. Châu Phú	10°28'57"	105°11'20"					C-48-43-A-b
ấp Bình Khánh	DC	xã Bình Phú	H. Châu Phú	10°27'51"	105°10'07"					C-48-43-A-b
ấp Bình Quới	DC	xã Bình Phú	H. Châu Phú	10°29'16"	105°12'11"					C-48-43-A-b
ấp Bình Tây	DC	xã Bình Phú	H. Châu Phú	10°27'22"	105°08'25"					C-48-43-A-b
ấp Bình Thới	DC	xã Bình Phú	H. Châu Phú	10°30'38"	105°10'47"					C-48-31-C-d
dinh Đá Nổi	KX	xã Bình Phú	H. Châu Phú	10°27'05"	105°07'32"					C-48-43-A-a
kênh 6 Trên	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°29'24"	105°09'10"	10°26'35"	105°09'42"	C-48-43-A-b
Kênh 8	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°37'30"	105°05'21"	10°28'50"	105°15'18"	C-48-31-C-d
kênh 8 Trên	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°28'06"	105°08'11"	10°26'24"	105°08'21"	C-48-43-A-b
Kênh 9	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°37'06"	105°04'58"	10°28'23"	105°14'47"	C-48-31-C-d
Kênh 10	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°40'28"	105°02'16"	10°28'10"	105°13'48"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-b
Kênh 10	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°17'09"	105°04'09"	10°35'12"	105°13'52"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-a; C-48-43-A-b
Kênh 11	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°36'46"	105°04'04"	10°28'03"	105°13'14"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 12	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°35'45"	105°04'05"	10°27'56"	105°12'43"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-b
Kênh 13	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°34'50"	105°04'20"	10°27'51"	105°12'19"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-b
Kênh 14	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°34'24"	105°04'27"	10°27'45"	105°11'50"	C-48-43-A-b
Kênh 15	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°32'59"	105°05'03"	10°27'48"	105°10'56"	C-48-43-A-b
Kênh 16	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°30'03"	105°07'09"	10°27'17"	105°10'30"	C-48-43-A-b
Kênh 17	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°28'31"	105°08'31"	10°26'58"	105°10'13"	C-48-43-A-b
kênh Ba Thê	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°33'30"	105°15'47"	10°15'14"	105°07'27"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-b
kênh Quốc gia	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°33'41"	105°14'29"	10°30'04"	105°10'02"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-b
Mương Bà	TV	xã Bình Phú	H. Châu Phú			10°28'55"	105°08'06"	10°26'19"	105°07'44"	C-48-43-A-b
ấp Bình Hòa	DC	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°30'22"	105°19'11"					C-48-31-D-c
ấp Bình Phú	DC	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°31'56"	105°18'12"					C-48-31-D-c
ấp Bình Quý	DC	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°31'34"	105°18'51"					C-48-31-D-c
ấp Bình Thiện	DC	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°31'51"	105°19'24"					C-48-31-D-c
ấp Bình Thới	DC	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°32'10"	105°19'17"					C-48-31-D-c
ấp Bình Yên	DC	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°30'03"	105°19'47"					C-48-31-D-c
tuyến đò Bình Mỹ	KX	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°31'57"	105°18'08"					C-48-31-D-c
tuyến đò Cầu Bình Thủy	KX	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°31'02"	105°19'03"					C-48-31-D-c
tuyến đò Chợ Bình Thủy	KX	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°32'50"	105°17'41"					C-48-31-D-c
tuyến đò Nàng Ét	KX	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°33'00"	105°18'59"					C-48-31-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tuyến đò Nhà thờ	KX	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°29'44"	105°19'48"					C-48-42-B-a
tuyến đò Thầy Ba Thưởng	KX	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°32'09"	105°19'33"					C-48-31-D-c
tuyến đò Thầy Hai Phẩm	KX	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°31'38"	105°19'40"					C-48-31-D-c
đình Bình Thủy	KX	xã Bình Thủy	H. Châu Phú	10°30'56"	105°19'10"					C-48-31-D-c
Kênh Đình	TV	xã Bình Thủy	H. Châu Phú			10°31'28"	105°19'31"	10°31'22"	105°19'24"	C-48-31-D-c
Sông Hậu	TV	xã Bình Thủy	H. Châu Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-D-c; C-48-43-B-a
xép Năng Gù	TV	xã Bình Thủy	H. Châu Phú			10°33'03"	105°17'41"	10°29'02"	105°20'13"	C-48-43-B-a; C-48-31-D-c
ấp Hưng Hòa	DC	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú	10°27'34"	105°07'07"					C-48-43-A-a
ấp Hưng Lợi	DC	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú	10°29'08"	105°06'38"					C-48-43-A-a
ấp Hưng Phát	DC	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú	10°31'00"	105°06'04"					C-48-31-C-c
ấp Hưng Phú	DC	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú	10°31'47"	105°07'02"					C-48-31-C-c
ấp Hưng Thạnh	DC	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú	10°31'34"	105°07'47"					C-48-31-C-d
ấp Hưng Thới	DC	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú	10°30'42"	105°07'42"					C-48-31-C-c
ấp Hưng Thuận	DC	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú	10°28'12"	105°08'12"					C-48-43-A-b
ấp Hưng Trung	DC	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú	10°29'13"	105°07'22"					C-48-43-A-a
cốc Ông Chín	KX	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú	10°29'03"	105°07'33"					C-48-43-A-a
Đường tỉnh 945	KX	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°37'02"	105°12'32"	10°19'01"	105°00'56"	C-48-31-C-c,d; C-48-43-A-a
Kênh 10	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°17'09"	105°04'09"	10°35'12"	105°13'52"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-a; C-48-43-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 13	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°34'50"	105°04'20"	10°27'51"	105°12'19"	C-48-31-C-c; C-48-31-C-d
Kênh 14	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°34'24"	105°04'27"	10°27'45"	105°11'50"	C-48-31-C-c; C-48-31-C-d; C-48-43-A-b
Kênh 15	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°32'59"	105°05'03"	10°27'48"	105°10'56"	C-48-31-C-c; C-48-31-C-d; C-48-43-A-b
Kênh 15	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°30'32"	105°07'34"	10°29'11"	105°07'29"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-a; C-48-43-A-b
Kênh 15	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°30'09"	105°06'30"	10°27'37"	105°07'48"	C-48-31-C-c; C-48-43-A-a; C-48-43-A-b
Kênh 16	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°30'03"	105°07'09"	10°27'17"	105°10'30"	C-48-31-C-c; C-48-43-A-a; C-48-43-A-b
Kênh 16	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°32'17"	105°05'01"	10°30'32"	105°06'47"	C-48-31-C-c
Kênh 16	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°29'43"	105°06'08"	10°27'11"	105°07'28"	C-48-43-A-a
kênh Cầu Bò	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°29'12"	105°07'19"	10°27'56"	105°07'05"	C-48-43-A-a
Kênh Cốc	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°30'56"	105°07'10"	10°28'07"	105°08'11"	C-48-31-C-c; C-48-43-A-a; C-48-43-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đường Thét	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°27'46"	105°06'18"	10°30'07"	105°06'30"	C-48-31-C-c; C-48-43-A-a
kênh Ông Địa	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°29'45"	105°09'11"	10°31'30"	105°07'52"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-b
Kênh Ranh	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°36'43"	105°03'49"	10°26'17"	105°06'47"	C-48-31-C-c; C-48-43-A-a
kênh Tri Tôn	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°19'02"	105°00'55"	10°37'12"	105°12'30"	C-48-31-C-c; C-48-31-C-d; C-48-43-A-a
Mương Bà	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°28'55"	105°08'06"	10°26'19"	105°07'44"	C-48-43-A-a
mương Sáu Bạc	TV	xã Đào Hữu Cảnh	H. Châu Phú			10°30'58"	105°07'55"	10°28'58"	105°08'05"	C-48-31-C-d; C-48-43-A-b
ấp Khánh An	DC	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú	10°40'39"	105°10'30"					C-48-31-C-b
ấp Khánh Bình	DC	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú	10°41'37"	105°10'36"					C-48-31-C-b
ấp Khánh Châu	DC	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú	10°40'06"	105°12'06"					C-48-31-C-b
ấp Khánh Đức	DC	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú	10°40'01"	105°11'28"					C-48-31-C-b
ấp Khánh Hòa	DC	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú	10°39'11"	105°11'50"					C-48-31-C-b
ấp Khánh Lợi	DC	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú	10°39'25"	105°12'42"					C-48-31-C-b
ấp Khánh Mỹ	DC	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú	10°40'57"	105°09'41"					C-48-31-C-b
ấp Khánh Phát	DC	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú	10°41'23"	105°11'12"					C-48-31-C-b
ấp Khánh Thuận	DC	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú	10°40'48"	105°11'31"					C-48-31-C-b
chùa Long Khánh	KX	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú	10°40'58"	105°11'36"					C-48-31-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tuyến đò Hòa Bình	KX	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú	10°40'08"	105°12'40"					C-48-31-C-b
cồn Khánh Bình	TV	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú	10°41'54"	105°10'07"					C-48-31-C-b
mương Cây Sung	TV	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú			10°41'27"	105°11'38"	10°39'59"	105°10'57"	C-48-31-C-b
Sông Hậu	TV	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-C-b
xép Ka Tam Bong	TV	xã Khánh Hòa	H. Châu Phú			10°41'51"	105°09'13"	10°38'19"	105°12'36"	C-48-31-C-b
ấp Mỹ Chánh	DC	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú	10°41'17"	105°09'08"					C-48-31-C-b
ấp Mỹ Hiệp	DC	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú	10°36'45"	105°08'11"					C-48-31-C-d
ấp Mỹ Hòa	DC	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú	10°40'21"	105°08'13"					C-48-31-C-b
ấp Mỹ Phó	DC	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú	10°40'28"	105°10'08"					C-48-31-C-b
ấp Mỹ Thành	DC	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú	10°38'07"	105°09'12"					C-48-31-C-b
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú	10°38'54"	105°06'54"					C-48-31-C-a
ấp Mỹ Thiện	DC	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú	10°39'41"	105°10'38"					C-48-31-C-b
cầu Cần Thảo	KX	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú	10°39'32"	105°11'25"					C-48-31-C-b
cầu Kênh Đào	KX	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú	10°41'08"	105°08'57"					C-48-31-C-b
Quốc lộ 91	KX	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-31-C-b
Kênh 1	TV	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú			10°40'52"	105°08'41"	10°39'00"	105°10'43"	C-48-31-C-b
Kênh 2	TV	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú			10°40'17"	105°08'07"	10°36'34"	105°11'45"	C-48-31-C-b
Kênh 3	TV	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú			10°39'43"	105°07'33"	10°35'55"	105°11'22"	C-48-31-C-a; C-48-31-C-b
kênh 4 Cũ	TV	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú			10°39'00"	105°06'53"	10°35'16"	105°10'50"	C-48-31-C-a; C-48-31-C-b; C-48-31-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cần Thảo	TV	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú			10°39'33"	105°11'27"	10°31'12"	105°03'24"	C-48-31-C-b; C-48-31-C-d
Kênh Đào	TV	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú			10°36'22"	105°02'13"	10°41'30"	105°09'12"	C-48-31-C-a; C-48-31-C-b
kênh Hào Đề Lớn	TV	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú			10°38'21"	105°06'12"	10°34'39"	105°10'18"	C-48-31-C-a; C-48-31-C-c; C-48-31-C-d
kênh Xuất Khẩu	TV	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú			10°39'19"	105°07'09"	10°37'22"	105°09'08"	C-48-31-C-a; C-48-31-C-b; C-48-31-C-d
mương Nổi	TV	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú			10°41'05"	105°08'54"	10°39'48"	105°10'07"	C-48-31-C-b
rạch Cần Thảo	TV	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú			10°38'55"	105°10'37"	10°39'49"	105°09'29"	C-48-31-C-b
xép Ka Tam Bong	TV	xã Mỹ Đức	H. Châu Phú			10°41'51"	105°09'13"	10°38'19"	105°12'36"	C-48-31-C-b
ấp Mỹ An	DC	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú	10°35'57"	105°11'23"					C-48-31-C-d
ấp Mỹ Hưng	DC	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú	10°38'56"	105°11'45"					C-48-31-C-b
ấp Mỹ Lợi	DC	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú	10°38'26"	105°11'33"					C-48-31-C-b
ấp Mỹ Phước	DC	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú	10°35'10"	105°10'12"					C-48-31-C-d
ấp Mỹ Quý	DC	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú	10°37'49"	105°09'37"					C-48-31-C-b
ấp Mỹ Thuận	DC	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú	10°37'42"	105°12'25"					C-48-31-C-b; C-48-31-C-d
ấp Mỹ Trung	DC	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú	10°37'11"	105°11'47"					C-48-31-C-d
cầu Cần Thảo	KX	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú	10°39'32"	105°11'25"					C-48-31-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Vịnh Tre	KX	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú	10°37'10"	105°12'28"					C-48-31-C-d
Quốc lộ 91	KX	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-31-C-b; C-48-31-C-d
Kênh 1	TV	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°38'55"	105°10'44"	10°36'55"	105°12'15"	C-48-31-C-b; C-48-31-C-d
Kênh 2	TV	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°40'17"	105°08'07"	10°36'34"	105°11'45"	C-48-31-C-b; C-48-31-C-d
Kênh 3	TV	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°39'43"	105°07'33"	10°35'55"	105°11'22"	C-48-31-C-b; C-48-31-C-d
kênh 4 Cũ	TV	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°39'00"	105°06'53"	10°35'16"	105°10'50"	C-48-31-C-d
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°37'06"	105°10'14"	10°37'33"	105°10'49"	C-48-31-C-b; C-48-31-C-d
kênh Cần Thảo	TV	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°39'33"	105°11'27"	10°31'12"	105°03'24"	C-48-31-C-b; C-48-31-C-d
kênh Hào Đề Lớn	TV	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°38'21"	105°06'12"	10°34'39"	105°10'18"	C-48-31-C-d
kênh Hào Đề Nhỏ	TV	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°37'31"	105°08'24"	10°34'55"	105°10'32"	C-48-31-C-d
kênh Tri Tôn	TV	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°19'02"	105°00'55"	10°37'12"	105°12'30"	C-48-31-C-d
kênh Tư Mới	TV	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°37'22"	105°09'08"	10°35'29"	105°11'01"	C-48-31-C-d
rạch Cần Thảo	TV	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°37'41"	105°09'51"	10°38'48"	105°10'37"	C-48-31-C-b; C-48-31-C-d
Sông Hậu	TV	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-C-b; C-48-31-C-d
xép Ka Tam Bong	TV	xã Mỹ Phú	H. Châu Phú			10°41'51"	105°09'13"	10°38'19"	105°12'36"	C-48-31-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Long An	DC	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú	10°36'02"	105°08'02"					C-48-31-C-d
ấp Long Bình	DC	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú	10°37'25"	105°06'47"					C-48-31-C-c
ấp Long Định	DC	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú	10°35'58"	105°08'50"					C-48-31-C-d
ấp Long Hòa	DC	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú	10°34'45"	105°09'38"					C-48-31-C-d
ấp Long Hưng	DC	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú	10°36'33"	105°06'12"					C-48-31-C-c
ấp Long Phú	DC	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú	10°33'42"	105°07'10"					C-48-31-C-c
ấp Long Phước	DC	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú	10°35'11"	105°08'59"					C-48-31-C-d
ấp Long Sơn	DC	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú	10°35'50"	105°04'36"					C-48-31-C-c
ấp Long Thành	DC	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú	10°32'58"	105°05'38"					C-48-31-C-c
ấp Long Thiện	DC	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú	10°34'21"	105°10'00"					C-48-31-C-d
ấp Long Thịnh	DC	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú	10°35'47"	105°06'43"					C-48-31-C-c
ấp Long Thuận	DC	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú	10°34'37"	105°05'53"					C-48-31-C-c
Kênh 7	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°40'27"	105°04'04"	10°29'27"	105°15'51"	C-48-31-C-a; C-48-31-C-c; C-48-31-C-d
Kênh 8	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°37'30"	105°05'21"	10°28'50"	105°15'18"	C-48-31-C-c; C-48-31-C-d
Kênh 9	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°37'06"	105°04'58"	10°28'23"	105°14'47"	C-48-31-C-c; C-48-31-C-d
Kênh 10	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°40'28"	105°02'16"	10°28'10"	105°13'48"	C-48-31-C-c; C-48-31-C-d
Kênh 11	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°36'46"	105°04'04"	10°28'03"	105°13'14"	C-48-31-C-c; C-48-31-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 12	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°35'45"	105°04'05"	10°27'56"	105°12'43"	C-48-31-C-c
Kênh 13	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°34'50"	105°04'20"	10°27'51"	105°12'19"	C-48-31-C-c
Kênh 14	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°34'24"	105°04'27"	10°27'45"	105°11'50"	C-48-31-C-c
Kênh 15	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°32'59"	105°05'03"	10°27'48"	105°10'56"	C-48-31-C-c
Kênh 16	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°32'17"	105°05'01"	10°30'32"	105°06'47"	C-48-31-C-c
kênh Cần Thảo	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°39'33"	105°11'27"	10°31'12"	105°03'24"	C-48-31-C-c; C-48-31-C-d
Kênh Đào	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°36'22"	105°02'13"	10°41'30"	105°09'12"	C-48-31-C-a
kênh Hào Đề Lớn	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°38'21"	105°06'12"	10°34'39"	105°10'18"	C-48-31-C-a; C-48-31-C-c; C-48-31-C-d
kênh Lòng Ô	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°36'12"	105°07'46"	10°33'47"	105°04'37"	C-48-31-C-c; C-48-31-C-d
Kênh Ranh	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°36'43"	105°03'49"	10°26'17"	105°06'47"	C-48-31-C-c
kênh Tri Tôn	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°19'02"	105°00'55"	10°37'12"	105°12'30"	C-48-31-C-d
Mương 500	TV	xã Ô Long Vĩ	H. Châu Phú			10°37'40"	105°05'31"	10°34'05"	105°09'49"	C-48-31-C-a; C-48-31-C-c; C-48-31-C-d
ấp Ba Xưa	DC	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú	10°32'12"	105°08'18"					C-48-31-C-d
ấp Bờ Dâu	DC	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú	10°32'45"	105°08'50"					C-48-31-C-d
ấp Cầu Dây	DC	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú	10°32'16"	105°08'13"					C-48-31-C-d
ấp Long Châu	DC	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú	10°32'02"	105°08'42"					C-48-31-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Mỹ Bình	DC	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú	10°33'51"	105°09'42"					C-48-31-C-d
ấp Tây An	DC	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú	10°32'55"	105°09'25"					C-48-31-C-d
ấp Thạnh Hòa	DC	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú	10°34'09"	105°10'05"					C-48-31-C-d
ấp Thạnh Phú	DC	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú	10°33'36"	105°09'01"					C-48-31-C-d
Đền thờ Quản cơ Trần Văn Thành	KX	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú	10°32'36"	105°08'46"					C-48-31-C-d
Đường tỉnh 945	KX	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°37'02"	105°12'32"	10°19'01"	105°00'56"	C-48-31-C-c, d
Kênh 7	TV	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°40'27"	105°04'04"	10°29'27"	105°15'51"	C-48-31-C-d
Kênh 8	TV	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°37'30"	105°05'21"	10°28'50"	105°15'18"	C-48-31-C-d
Kênh 9	TV	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°37'06"	105°04'58"	10°28'23"	105°14'47"	C-48-31-C-d
Kênh 10	TV	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°40'28"	105°02'16"	10°28'10"	105°13'48"	C-48-31-C-d
Kênh 10	TV	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°17'09"	105°04'09"	10°35'12"	105°13'52"	C-48-31-C-d
Kênh 11	TV	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°36'46"	105°04'04"	10°28'03"	105°13'14"	C-48-31-C-d
Kênh 12	TV	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°35'45"	105°04'05"	10°27'56"	105°12'43"	C-48-31-C-c; C-48-31-C-d
Kênh 13	TV	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°34'50"	105°04'20"	10°27'51"	105°12'19"	C-48-31-C-c; C-48-31-C-d
kênh Bờ Dâu	TV	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°33'23"	105°12'14"	10°32'36"	105°08'57"	C-48-31-C-d
kênh Tri Tôn	TV	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°19'02"	105°00'55"	10°37'12"	105°12'30"	C-48-31-C-d
Mương 500	TV	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°33'34"	105°09'31"	10°32'21"	105°10'55"	C-48-31-C-d
mương Ba Xưa	TV	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°30'28"	105°10'01"	10°31'56"	105°08'15"	C-48-31-C-d
mương Ông Sáu	TV	xã Thạnh Mỹ Tây	H. Châu Phú			10°32'01"	105°08'04"	10°32'52"	105°07'01"	C-48-31-C-c; C-48-31-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình An	DC	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°34'23"	105°12'25"					C-48-31-C-d
ấp Thạnh An	DC	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°33'55"	105°12'31"					C-48-31-C-d
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°34'49"	105°13'05"					C-48-31-C-d
ấp Vĩnh An	DC	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°35'09"	105°10'58"					C-48-31-C-d
ấp Vĩnh Bình	DC	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°34'34"	105°10'19"					C-48-31-C-d
ấp Vĩnh Hòa	DC	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°36'10"	105°11'41"					C-48-31-C-d
ấp Vĩnh Hưng	DC	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°35'18"	105°13'27"					C-48-31-C-d
ấp Vĩnh Lợi	DC	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°33'23"	105°11'25"					C-48-31-C-d
ấp Vĩnh Phú	DC	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°35'40"	105°12'55"					C-48-31-C-d
ấp Vĩnh Quí	DC	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°36'02"	105°12'31"					C-48-31-C-d
ấp Vĩnh Quới	DC	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°34'31"	105°13'07"					C-48-31-C-d
ấp Vĩnh Thuận	DC	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°37'02"	105°12'27"					C-48-31-C-d
cầu Vịnh Tre	KX	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°37'10"	105°12'28"					C-48-31-C-d
Công ty Chế biến Lương thực Thực phẩm An Giang	KX	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°36'14"	105°13'03"					C-48-31-C-d
tuyến đò Bến Cát	KX	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°36'24"	105°13'06"					C-48-31-C-d
Đường tỉnh 945	KX	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú			10°37'02"	105°12'32"	10°19'01"	105°00'56"	C-48-31-C-d
Quốc lộ 91	KX	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-31-C-d
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Giáo dục thường xuyên Châu Phú	KX	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°36'30"	105°12'45"					C-48-31-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật An Giang	KX	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú	10°36'09"	105°12'59"					C-48-31-C-d
Kênh 1	TV	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú			10°35'39"	105°11'12"	10°34'51"	105°12'07"	C-48-31-C-d
Kênh 2	TV	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú			10°34'51"	105°10'32"	10°31'54"	105°14'25"	C-48-31-C-d
Kênh 7	TV	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú			10°40'27"	105°04'04"	10°29'27"	105°15'51"	C-48-31-C-d
Kênh 10	TV	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú			10°17'09"	105°04'09"	10°35'12"	105°13'52"	C-48-31-C-d
kênh Bờ Dâu	TV	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú			10°33'23"	105°12'14"	10°32'36"	105°08'57"	C-48-31-C-d
kênh Tri Tôn	TV	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú			10°19'02"	105°00'55"	10°37'12"	105°12'30"	C-48-31-C-d
mương Ngã Mướp	TV	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú			10°34'51"	105°12'07"	10°34'24"	105°12'46"	C-48-31-C-d
rạch Khai Lắp	TV	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú			10°35'09"	105°13'39"	10°36'17"	105°12'23"	C-48-31-C-d
rạch Thạnh Mỹ	TV	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú			10°35'03"	105°13'44"	10°33'24"	105°12'14"	C-48-31-C-d
Sông Hậu	TV	xã Vĩnh Thạnh Trung	H. Châu Phú			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-C-d
ấp Hòa Long 1	DC	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°26'32"	105°23'15"					C-48-43-B-b
ấp Hòa Long 2	DC	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°25'55"	105°22'34"					C-48-43-B-a; C-48-43-B-b
ấp Hòa Long 3	DC	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°26'47"	105°22'39"					C-48-43-B-a; C-48-43-B-b
ấp Hòa Long 4	DC	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°26'44"	105°23'17"					C-48-43-B-b
ấp Hòa Phú 1	DC	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°26'13"	105°23'45"					C-48-43-B-b
ấp Hòa Phú 2	DC	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°25'53"	105°22'53"					C-48-43-B-b
ấp Hòa Phú 3	DC	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°25'52"	105°23'59"					C-48-43-B-b
ấp Hòa Phú 4	DC	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°26'24"	105°23'53"					C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bệnh viện Châu Thành	KX	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°26'29"	105°23'32"					C-48-43-B-b
cầu Chắc Cà Đao	KX	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°26'35"	105°23'20"					C-48-43-B-b
cầu Mương Út Xuân	KX	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°26'48"	105°22'10"					C-48-43-B-a
cầu Xếp Bà Lý	KX	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°25'47"	105°23'59"					C-48-43-B-b
đình thần An Châu	KX	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°26'30"	105°23'15"					C-48-43-B-b
tuyến đò Sơn Đốt	KX	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°26'53"	105°23'36"					C-48-43-B-b
đường Lê Lợi	KX	TT. An Châu	H. Châu Thành			10°25'47"	105°23'59"	10°26'48"	105°22'10"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-b
nhà thờ An Châu	KX	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°26'37"	105°23'35"					C-48-43-B-b
tuyến phà Mương Ranh	KX	TT. An Châu	H. Châu Thành	10°27'22"	105°22'45"					C-48-43-B-b
Quốc lộ 91	KX	TT. An Châu	H. Châu Thành			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-b
kênh Rạch Chanh	TV	TT. An Châu	H. Châu Thành			10°25'27"	105°22'21"	10°24'44"	105°22'52"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-b
mương Út Xuân	TV	TT. An Châu	H. Châu Thành			10°25'37"	105°21'46"	10°26'30"	105°22'03"	C-48-43-B-a
rạch Chắc Cà Đao	TV	TT. An Châu	H. Châu Thành			10°25'27"	105°22'21"	10°26'41"	105°23'33"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-b
rạch Xếp Bà Lý	TV	TT. An Châu	H. Châu Thành			10°25'47"	105°23'59"	10°22'44"	105°22'52"	C-48-43-B-b
sông An Hòa	TV	TT. An Châu	H. Châu Thành			10°27'03"	105°22'44"	10°28'51"	105°20'18"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-b
Sông Hậu	TV	TT. An Châu	H. Châu Thành			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-b
ấp An Hòa	DC	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°27'56"	105°20'13"					C-48-43-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Phú	DC	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°28'17"	105°19'09"					C-48-43-B-a
ấp Bình An 1	DC	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°30'09"	105°19'07"					C-48-43-B-a; C-48-31-D-c
ấp Bình An 2	DC	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°29'31"	105°19'53"					C-48-43-B-a
cầu Bình Hòa	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°27'58"	105°20'16"					C-48-43-B-a
cầu Cua Chùa	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°28'15"	105°19'10"					C-48-43-B-a
cầu Ông Quýt	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°30'19"	105°19'05"					C-48-31-D-c
cầu Phó Quản Cơ Điều	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°27'37"	105°20'00"					C-48-43-B-a
chợ Rạch Gộc	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°29'30"	105°19'47"					C-48-43-B-a
chùa Nam An	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°28'16"	105°19'12"					C-48-43-B-a
cống Bà Tam	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°29'12"	105°20'07"					C-48-43-B-a
cống Bà Thứ	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°29'52"	105°19'34"					C-48-43-B-a
cống Cây Gòn	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°28'39"	105°20'17"					C-48-43-B-a
cống Nhà Thờ	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°29'44"	105°19'44"					C-48-43-B-a
cống Rạch Gộc	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°29'31"	105°19'57"					C-48-43-B-a
tuyến đò Nhà thờ	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°29'44"	105°19'48"					C-48-43-B-a
nhà thờ An Hòa	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°28'27"	105°20'22"					C-48-43-B-a
nhà thờ Lộ Đức	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°30'09"	105°19'11"					C-48-31-D-c
nhà thờ Năng Gù	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành	10°29'41"	105°19'46"					C-48-43-B-a
Quốc lộ 91	KX	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-43-B-a; C-48-31-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 42	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°30'03"	105°17'48"	10°29'09"	105°18'34"	C-48-43-B-a, C-48-31-D-c
kênh Bà Bảnh	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°29'09"	105°18'34"	10°28'47"	105°18'39"	C-48-43-B-a
kênh Bao Ngạn	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°29'25"	105°18'56"	10°30'13"	105°18'09"	C-48-43-B-a, C-48-31-D-c
kênh Chà Và	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°28'14"	105°19'09"	10°29'25"	105°18'56"	C-48-43-B-a
kênh Chín Quân	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°28'39"	105°19'14"	10°29'01"	105°18'15"	C-48-43-B-a
kênh Hương Hào	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°28'25"	105°19'13"	10°28'55"	105°18'13"	C-48-43-B-a
Kênh Lộ	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°28'19"	105°19'11"	10°28'41"	105°18'08"	C-48-43-B-a
kênh Mặc Cần Dưng	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°28'12"	105°20'29"	10°26'19"	105°03'13"	C-48-43-B-a
kênh Ông Chanh	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°27'39"	105°17'55"	10°28'00"	105°18'22"	C-48-43-B-a
kênh Ông Quýt	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°29'24"	105°18'56"	10°30'12"	105°19'08"	C-48-43-B-a; C-48-31-D-c
kênh Ông Quýt Nối Dài	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°29'01"	105°18'15"	10°29'25"	105°18'56"	C-48-43-B-a
kênh Rạch Gộc	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°29'32"	105°19'59"	10°28'54"	105°19'11"	C-48-43-B-a
Kênh Ranh	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°29'58"	105°17'36"	10°29'01"	105°18'15"	C-48-43-B-a
kênh Xẻo Sâu	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°30'19"	105°19'06"	10°29'42"	105°16'56"	C-48-43-B-a; C-48-31-D-c
rạch Lòng Ống	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°30'13"	105°19'08"	10°31'44"	105°18'06"	C-48-31-D-c
sông An Hòa	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°27'03"	105°22'44"	10°28'51"	105°20'18"	C-48-43-B-a
xép Năng Gù	TV	xã An Hòa	H. Châu Thành			10°33'03"	105°17'41"	10°29'02"	105°20'13"	C-48-43-B-a; C-48-31-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình Phú 1	DC	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°26'54"	105°21'02"					C-48-43-B-a
ấp Bình Phú 2	DC	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°26'52"	105°21'45"					C-48-43-B-a
ấp Phú An 1	DC	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°27'28"	105°18'30"					C-48-43-B-a
ấp Phú An 2	DC	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°27'08"	105°19'05"					C-48-43-B-a
ấp Phú Hòa 1	DC	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°27'37"	105°19'49"					C-48-43-B-a
ấp Phú Hòa 2	DC	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°26'22"	105°19'57"					C-48-43-B-a
cầu Bình Hòa	KX	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°27'58"	105°20'16"					C-48-43-B-a
cầu Cả Điền	KX	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°27'07"	105°19'25"					C-48-43-B-a
cầu Cua Chùa	KX	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°28'15"	105°19'10"					C-48-43-B-a
cầu Hội Đồng Nỹ	KX	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°27'04"	105°19'48"					C-48-43-B-a
cầu Mương Út Xuân	KX	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°26'48"	105°22'10"					C-48-43-B-a
cầu Phó Quản Cơ Điều	KX	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°27'37"	105°20'00"					C-48-43-B-a
cầu Từ Súc	KX	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°27'11"	105°18'52"					C-48-43-B-a
chùa Kỳ Viên	KX	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°27'14"	105°18'08"					C-48-43-B-a
chùa Tân An Tự	KX	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°27'26"	105°18'26"					C-48-43-B-a
cống Mương Chùa	KX	xã Bình Hòa	H. Châu Thành	10°27'16"	105°18'07"					C-48-43-B-a
Đường tỉnh 941	KX	xã Bình Hòa	H. Châu Thành			10°26'56"	105°20'56"	10°25'14"	104°59'57"	C-48-43-B-a
Quốc lộ 91	KX	xã Bình Hòa	H. Châu Thành			10°19'30"	105°29'11"	10°36'14"	104°55'33"	C-48-43-B-a
kênh Cả Điền	TV	xã Bình Hòa	H. Châu Thành			10°27'42"	105°19'43"	10°25'48"	105°19'02"	C-48-43-B-a
kênh HT5	TV	xã Bình Hòa	H. Châu Thành			10°25'55"	105°17'51"	10°25'37"	105°20'30"	C-48-43-B-a
kênh Mặc Cần Dưng	TV	xã Bình Hòa	H. Châu Thành			10°28'12"	105°20'29"	10°26'19"	105°03'13"	C-48-43-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Sáu Dư	TV	xã Bình Hòa	H. Châu Thành			10°26'12"	105°19'51"	10°25'15"	105°20'37"	C-48-43-B-a
mương Nhà Lầu	TV	xã Bình Hòa	H. Châu Thành			10°26'29"	105°18'41"	10°27'31"	105°18'58"	C-48-43-B-a
Mương Trâu	TV	xã Bình Hòa	H. Châu Thành			10°27'11"	105°21'33"	10°25'57"	105°20'33"	C-48-43-B-a
mương Út Xuân	TV	xã Bình Hòa	H. Châu Thành			10°25'37"	105°21'46"	10°26'30"	105°22'03"	C-48-43-B-a
rạch Tà Luộc	TV	xã Bình Hòa	H. Châu Thành			10°25'57"	105°20'33"	10°25'15"	105°20'38"	C-48-43-B-a
rạch Vàm Nha	TV	xã Bình Hòa	H. Châu Thành			10°26'03"	105°18'02"	10°27'20"	105°18'05"	C-48-43-B-a
sông An Hòa	TV	xã Bình Hòa	H. Châu Thành			10°27'03"	105°22'44"	10°28'51"	105°20'18"	C-48-43-B-a
ấp Thạnh Hòa	DC	xã Bình Thạnh	H. Châu Thành	10°27'38"	105°21'05"					C-48-43-B-a
ấp Thạnh Hưng	DC	xã Bình Thạnh	H. Châu Thành	10°28'02"	105°21'18"					C-48-43-B-a
ấp Thạnh Nhơn	DC	xã Bình Thạnh	H. Châu Thành	10°28'20"	105°20'38"					C-48-43-B-a
ấp Thạnh Phú	DC	xã Bình Thạnh	H. Châu Thành	10°27'22"	105°21'29"					C-48-43-B-a
tuyến đò Rạch Gộc	KX	xã Bình Thạnh	H. Châu Thành	10°29'21"	105°20'47"					C-48-43-B-a
miếu Bà Hòa	KX	xã Bình Thạnh	H. Châu Thành	10°27'28"	105°21'18"					C-48-43-B-a
Hồ Sấu	TV	xã Bình Thạnh	H. Châu Thành	10°27'34"	105°21'25"					C-48-43-B-a
kênh Khai Long	TV	xã Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°27'14"	105°21'59"	10°28'03"	105°20'47"	C-48-43-B-a
kênh Lòng Hồ	TV	xã Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°28'54"	105°20'43"	10°27'45"	105°21'38"	C-48-43-B-a
sông An Hòa	TV	xã Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°27'03"	105°22'44"	10°28'51"	105°20'18"	C-48-43-B-a
Sông Hậu	TV	xã Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-b
ấp Cần Thạnh	DC	xã Cần Đăng	H. Châu Thành	10°27'18"	105°17'53"					C-48-43-B-a
ấp Cần Thới	DC	xã Cần Đăng	H. Châu Thành	10°28'36"	105°17'40"					C-48-43-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Cần Thuận	DC	xã Cần Đăng	H. Châu Thành	10°27'44"	105°17'22"					C-48-43-B-a
ấp Vĩnh Hòa A	DC	xã Cần Đăng	H. Châu Thành	10°27'27"	105°17'25"					C-48-43-B-a
ấp Vĩnh Hòa B	DC	xã Cần Đăng	H. Châu Thành	10°26'59"	105°16'32"					C-48-43-B-a
cầu Cần Đăng	KX	xã Cần Đăng	H. Châu Thành	10°27'35"	105°17'28"					C-48-43-B-a
cầu Liêu Sao	KX	xã Cần Đăng	H. Châu Thành	10°27'19"	105°17'56"					C-48-43-B-a
chùa Phước Hòa	KX	xã Cần Đăng	H. Châu Thành	10°27'46"	105°17'37"					C-48-43-B-a
chùa Sim Minh Na Ram	KX	xã Cần Đăng	H. Châu Thành	10°27'15"	105°18'05"					C-48-43-B-a
chùa Vĩnh Thạnh	KX	xã Cần Đăng	H. Châu Thành	10°27'05"	105°16'32"					C-48-43-B-a
cống Mương Chùa	KX	xã Cần Đăng	H. Châu Thành	10°27'16"	105°18'07"					C-48-43-B-a
dinh Quan Thẻ	KX	xã Cần Đăng	H. Châu Thành	10°27'16"	105°17'01"					C-48-43-B-a
Đường tỉnh 941	KX	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'56"	105°20'56"	10°25'14"	104°59'57"	C-48-43-B-a
nhà thờ Fatima	KX	xã Cần Đăng	H. Châu Thành	10°27'26"	105°16'03"					C-48-43-B-a
Kênh 1	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°29'01"	105°18'15"	10°27'45"	105°17'50"	C-48-43-B-a
Kênh 2	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°28'44"	105°16'56"	10°27'56"	105°16'47"	C-48-43-B-a
kênh B1	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'21"	105°15'50"	10°27'07"	105°17'32"	C-48-43-B-a
kênh B2	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°25'58"	105°15'49"	10°26'51"	105°17'36"	C-48-43-B-a
kênh B3	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°25'33"	105°15'53"	10°26'16"	105°17'45"	C-48-43-B-a
kênh Ba Nhịp	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'58"	105°16'34"	10°26'12"	105°16'45"	C-48-43-B-a
kênh Ba Xã	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°24'36"	105°15'00"	10°24'57"	105°18'05"	C-48-43-B-a
kênh Bà Chủ	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'51"	105°17'37"	10°27'21"	105°17'59"	C-48-43-B-a
kênh Bảy Lựa	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°28'22"	105°17'39"	10°28'33"	105°16'54"	C-48-43-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bốn Tổng	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°21'28"	105°19'00"	10°27'30"	105°17'26"	C-48-43-B-a
kênh Chuồng Trâu	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°29'06"	105°15'33"	10°28'26"	105°16'32"	C-48-43-B-a
kênh Cò Chiên	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°28'23"	105°16'11"	10°27'53"	105°16'40"	C-48-43-B-a
kênh Đòn Dong	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'05"	105°09'59"	10°27'35"	105°17'21"	C-48-43-B-a
kênh HT5	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°25'55"	105°17'51"	10°25'37"	105°20'30"	C-48-43-B-a
kênh Hương Hào	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°28'25"	105°19'13"	10°28'55"	105°18'13"	C-48-43-B-a
Kênh Lộ	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°28'19"	105°19'11"	10°28'41"	105°18'08"	C-48-43-B-a
kênh Mặc Cần Dưng	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°28'12"	105°20'29"	10°26'19"	105°03'13"	C-48-43-B-a
kênh Núi Chóc Năng Gù	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°31'57"	105°18'06"	10°15'52"	105°12'01"	C-48-43-B-a
kênh Ông Chanh	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°27'39"	105°17'55"	10°28'00"	105°18'22"	C-48-43-B-a
kênh Ông Phán	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°25'16"	105°18'01"	10°25'07"	105°16'36"	C-48-43-B-a
kênh Quảng Sanh Đường	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°27'06"	105°17'46"	10°26'03"	105°18'02"	C-48-43-B-a
Kênh Ranh	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°29'58"	105°17'36"	10°29'01"	105°18'15"	C-48-43-B-a
kênh Sáu Linh	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°28'35"	105°17'42"	10°28'49"	105°17'17"	C-48-43-B-a
kênh T1	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'37"	105°17'18"	10°24'58"	105°17'47"	C-48-43-B-a
kênh T1	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°29'51"	105°17'21"	10°28'58"	105°17'55"	C-48-43-B-a
kênh T2	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'49"	105°16'57"	10°24'58"	105°17'28"	C-48-43-B-a
kênh T2	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°29'46"	105°17'08"	10°29'01"	105°17'29"	C-48-43-B-a
kênh T3	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'43"	105°16'46"	10°24'55"	105°17'12"	C-48-43-B-a
kênh T3	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°29'41"	105°16'54"	10°28'50"	105°17'21"	C-48-43-B-a
kênh T4	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'36"	105°16'30"	10°24'53"	105°16'58"	C-48-43-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh T4	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°29'37"	105°16'41"	10°28'47"	105°17'13"	C-48-43-B-a
kênh T5	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'30"	105°16'14"	10°24'49"	105°16'36"	C-48-43-B-a
kênh T5	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°29'33"	105°16'30"	10°28'44"	105°16'56"	C-48-43-B-a
kênh T6	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°29'27"	105°16'12"	10°28'53"	105°16'33"	C-48-43-B-a
kênh T6	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'24"	105°15'58"	10°24'47"	105°16'20"	C-48-43-B-a
kênh Trà Can	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°28'55"	105°17'45"	10°29'01"	105°18'15"	C-48-43-B-a
kênh Văn Phòng	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'59"	105°16'19"	10°26'34"	105°16'25"	C-48-43-B-a
kênh Xẻo Sâu	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°30'19"	105°19'06"	10°29'42"	105°16'56"	C-48-43-B-a
Mương Đình	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'44"	105°15'50"	10°24'45"	105°16'09"	C-48-43-B-a
mương Ông Cha	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°29'01"	105°15'29"	10°27'27"	105°15'47"	C-48-43-B-a
mương Tám Phủ	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°27'30"	105°16'07"	10°28'05"	105°16'06"	C-48-43-B-a
Mương Trâu	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°28'26"	105°16'32"	10°27'53"	105°17'27"	C-48-43-B-a
rạch Hang Tra	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°29'16"	105°15'42"	10°28'53"	105°16'33"	C-48-43-B-a
rạch Trà Kiết	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°25'56"	105°13'36"	10°27'37"	105°17'29"	C-48-43-B-a
rạch Vàm Nha	TV	xã Cần Đăng	H. Châu Thành			10°26'03"	105°18'02"	10°27'20"	105°18'05"	C-48-43-B-a
ấp Hòa Hưng	DC	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành	10°24'55"	105°22'44"					C-48-43-B-a
ấp Hòa Tân	DC	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành	10°25'28"	105°21'58"					C-48-43-B-a
ấp Hòa Thành	DC	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành	10°24'41"	105°19'18"					C-48-43-B-a
ấp Hòa Thạnh	DC	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành	10°25'12"	105°20'37"					C-48-43-B-a
ấp Hòa Thịnh	DC	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành	10°22'54"	105°20'15"					C-48-43-B-a
ấp Hòa Thuận	DC	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành	10°24'42"	105°19'51"					C-48-43-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh 300 Hòa Thuận	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°23'47"	105°19'36"	10°24'34"	105°20'09"	C-48-43-B-a
kênh 600 Hòa Hưng	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°23'18"	105°20'13"	10°25'34"	105°21'47"	C-48-43-B-a
Kênh 1000	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°22'01"	105°18'51"	10°24'59"	105°21'13"	C-48-43-B-a
kênh Ba Xã	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°22'44"	105°22'52"	10°23'54"	105°22'24"	C-48-43-B-a,b
kênh Bốn Tổng	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°21'28"	105°19'00"	10°27'30"	105°17'26"	C-48-43-B-a
kênh Cả Nha	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°24'53"	105°19'25"	10°25'47"	105°19'02"	C-48-43-B-a
kênh Chắc Cà Đao	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°21'27"	105°19'01"	10°23'08"	105°20'25"	C-48-43-B-a
kênh Hậu 20	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°24'42"	105°18'10"	10°25'11"	105°19'12"	C-48-43-B-a
kênh HT5	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°25'55"	105°17'51"	10°25'37"	105°20'30"	C-48-43-B-a
kênh Ông Phủ	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°23'08"	105°20'25"	10°25'26"	105°22'21"	C-48-43-B-a
kênh Sáu Dư	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°26'12"	105°19'51"	10°25'15"	105°20'37"	C-48-43-B-a
kênh Trường Tiền	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°24'29"	105°18'46"	10°22'05"	105°21'45"	C-48-43-B-a
Mương Ngươn	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°21'55"	105°22'22"	10°23'39"	105°20'51"	C-48-43-B-a
Mương Trâu	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°27'11"	105°21'33"	10°25'57"	105°20'33"	C-48-43-B-a
mương Út Xuân	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°25'37"	105°21'46"	10°26'30"	105°22'03"	C-48-43-B-a
rạch Ngọn Cái	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°24'18"	105°18'16"	10°25'27"	105°22'21"	C-48-43-B-a
rạch Ngọn Cái Chiên	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°23'17"	105°22'04"	10°23'15"	105°21'23"	C-48-43-B-a
rạch Tà Luộc	TV	xã Hòa Bình Thạnh	H. Châu Thành			10°25'57"	105°20'33"	10°25'15"	105°20'38"	C-48-43-B-a
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10°22'25"	105°09'17"					C-48-43-A-b; C-48-43-A-d
ấp Tân Thành	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10°23'41"	105°10'59"					C-48-43-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Thạnh	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10°22'54"	105°09'17"					C-48-43-A-b
chùa Thanh Nguyên	KX	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10°23'18"	105°09'15"					C-48-43-A-b
Đường tỉnh 947	KX	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°33'28"	105°15'47"	10°15'58"	105°07'55"	C-48-30-D-d
Kênh 1	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°22'27"	105°08'37"	10°17'53"	105°07'43"	C-48-43-A-d
Kênh 2	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°22'27"	105°08'03"	10°18'16"	105°07'13"	C-48-43-A-d
kênh Ba Tân Thành	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°23'18"	105°11'06"	10°24'08"	105°11'14"	C-48-43-A-b
kênh Ba Tân Thạnh	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°23'56"	105°07'20"	10°22'28"	105°07'36"	C-48-43-A-a; C-48-43-A-c
kênh Ba Thê	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°33'30"	105°15'47"	10°15'14"	105°07'27"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d
kênh Bửu Liêm	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°23'58"	105°06'56"	10°24'24"	105°13'19"	C-48-43-A-a; C-48-43-A-b
kênh Hai Tân Lợi	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°23'15"	105°10'32"	10°22'21"	105°10'23"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d
kênh Hai Tân Thành	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°23'16"	105°10'37"	10°24'03"	105°10'38"	C-48-43-A-b
kênh Một Tân Lợi	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°23'14"	105°09'59"	10°22'22"	105°09'48"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d
kênh Một Tân Thành	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°23'59"	105°10'09"	10°23'14"	105°09'59"	C-48-43-A-b
kênh Một Tân Thạnh	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°23'54"	105°08'57"	10°22'27"	105°08'37"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d
kênh Nông Trường	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°23'19"	105°11'34"	10°22'19"	105°11'42"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Ranh	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°22'38"	105°07'02"	10°18'59"	105°07'22"	C-48-43-A-a; C-48-43-A-c
kênh Ranh Làng	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°21'53"	105°16'59"	10°22'39"	105°07'01"	C-48-43-A-a; C-48-43-A-c; C-48-43-A-d
kênh Tân Phú 2	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°23'24"	105°13'10"	10°23'12"	105°09'24"	C-48-43-A-b
kênh Tư Tân Thạnh	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°23'58"	105°06'56"	10°22'38"	105°07'05"	C-48-43-A-a
kênh Y Minh	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°23'12"	105°09'25"	10°23'35"	105°11'01"	C-48-43-A-b
ấp Vĩnh Phú	DC	xã Vĩnh An	H. Châu Thành	10°24'05"	105°09'31"					C-48-43-A-b
ấp Vĩnh Quới	DC	xã Vĩnh An	H. Châu Thành	10°26'35"	105°09'47"					C-48-43-A-b
ấp Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh An	H. Châu Thành	10°26'10"	105°07'17"					C-48-43-A-a; C-48-43-A-b
cầu Số 5	KX	xã Vĩnh An	H. Châu Thành	10°26'36"	105°10'02"					C-48-43-A-b
cầu Số 6	KX	xã Vĩnh An	H. Châu Thành	10°26'31"	105°09'28"					C-48-43-A-b
cầu Số 7	KX	xã Vĩnh An	H. Châu Thành	10°26'28"	105°09'02"					C-48-43-A-b
cầu Số 8	KX	xã Vĩnh An	H. Châu Thành	10°26'22"	105°08'26"					C-48-43-A-b
cầu Số 9	KX	xã Vĩnh An	H. Châu Thành	10°26'13"	105°07'18"					C-48-43-A-a
cầu Số 10	KX	xã Vĩnh An	H. Châu Thành	10°26'10"	105°06'42"					C-48-43-A-a
chợ Số 8	KX	xã Vĩnh An	H. Châu Thành	10°26'19"	105°08'18"					C-48-43-A-b
chợ Số 10	KX	xã Vĩnh An	H. Châu Thành	10°26'07"	105°06'43"					C-48-43-A-a
Đường tỉnh 941	KX	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°26'56"	105°20'56"	10°25'14"	104°59'57"	C-48-43-A-a; C-48-43-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
dinh Sơn Trung	KX	xã Vĩnh An	H. Châu Thành	10°27'29"	105°10'30"					C-48-43-A-b
kênh 6 Dưới	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°24'55"	105°09'20"	10°26'32"	105°09'28"	C-48-43-A-b
kênh 6 Trên	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°29'24"	105°09'10"	10°26'35"	105°09'42"	C-48-43-A-b
Kênh 7	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°24'59"	105°09'03"	10°26'28"	105°09'02"	C-48-43-A-b
kênh 8 Dưới	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°25'07"	105°08'27"	10°26'23"	105°08'26"	C-48-43-A-b
kênh 8 Trên	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°28'06"	105°08'11"	10°26'24"	105°08'21"	C-48-43-A-b
Kênh 9	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°23'57"	105°07'17"	10°26'13"	105°07'18"	C-48-43-A-a
Kênh 10	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°17'09"	105°04'09"	10°35'12"	105°13'52"	C-48-43-A-a
kênh 10 Đứng	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°25'28"	105°06'45"	10°23'58"	105°06'56"	C-48-43-A-a
Kênh 16	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°30'03"	105°07'09"	10°27'17"	105°10'30"	C-48-43-A-b
Kênh 17	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°28'31"	105°08'31"	10°26'58"	105°10'13"	C-48-43-A-b
kênh An Cương	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°25'20"	105°07'20"	10°24'51"	105°09'43"	C-48-43-A-a; C-48-43-A-b
kênh Ba Thê	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°33'30"	105°15'47"	10°15'14"	105°07'27"	C-48-43-A-b
kênh Bửu Liêm	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°23'58"	105°06'56"	10°24'24"	105°13'19"	C-48-43-A-a; C-48-43-A-b
kênh Cũ Mặc Cần Dưng	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°26'08"	105°07'19"	10°25'44"	105°09'54"	C-48-43-A-a; C-48-43-A-b
kênh Mặc Cần Dưng	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°28'12"	105°20'29"	10°26'19"	105°03'13"	C-48-43-A-a; C-48-43-A-a; C-48-43-B-a
kênh Nông Trường	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°24'56"	105°09'13"	10°23'55"	105°08'58"	C-48-43-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tà Đảnh 1	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°25'20"	105°07'20"	10°25'40"	105°04'40"	C-48-43-A-a
Mương Bà	TV	xã Vĩnh An	H. Châu Thành			10°28'55"	105°08'06"	10°26'19"	105°07'44"	C-48-43-A-a; C-48-43-A-b
ấp Phước Thành	DC	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành	10°25'44"	105°11'46"					C-48-43-A-b
ấp Vĩnh Lộc	DC	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành	10°26'34"	105°10'07"					C-48-43-A-b
ấp Vĩnh Phước	DC	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành	10°26'50"	105°11'44"					C-48-43-A-b
ấp Vĩnh Thọ	DC	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành	10°24'54"	105°09'46"					C-48-43-A-b
cầu Số 4	KX	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành	10°26'49"	105°11'30"					C-48-43-A-b
cầu Số 5	KX	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành	10°26'36"	105°10'02"					C-48-43-A-b
Đường tỉnh 941	KX	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°26'56"	105°20'56"	10°25'14"	104°59'57"	C-48-43-A-b
Đường tỉnh 947	KX	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°33'28"	105°15'47"	10°15'58"	105°07'55"	C-48-30-D-d
nhà thờ Cản Đá	KX	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành	10°23'57"	105°09'40"					C-48-43-A-b
nhà thờ Têsêra	KX	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành	10°26'49"	105°11'38"					C-48-43-A-b
Trường Trung học phổ thông Vĩnh Bình	KX	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành	10°26'43"	105°10'56"					C-48-43-A-b
Kênh 1	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°26'47"	105°11'05"	10°27'36"	105°11'09"	C-48-43-A-b
Kênh 9	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°37'06"	105°04'58"	10°28'23"	105°14'47"	C-48-43-A-b
Kênh 10	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°40'28"	105°02'16"	10°28'10"	105°13'48"	C-48-43-A-b
Kênh 11	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°36'46"	105°04'04"	10°28'03"	105°13'14"	C-48-43-A-b
Kênh 12	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°35'45"	105°04'05"	10°27'56"	105°12'43"	C-48-43-A-b
Kênh 13	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°34'50"	105°04'20"	10°27'51"	105°12'19"	C-48-43-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 14	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°34'24"	105°04'27"	10°27'45"	105°11'50"	C-48-43-A-b
kênh Ba Chí	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°26'56"	105°12'11"	10°27'49"	105°12'10"	C-48-43-A-b
kênh Bà Liên	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°26'52"	105°11'40"	10°27'42"	105°11'37"	C-48-43-A-b
kênh Ba Ngà	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°26'59"	105°12'28"	10°27'53"	105°12'28"	C-48-43-A-b
kênh Ba Thê	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°33'30"	105°15'47"	10°15'14"	105°07'27"	C-48-43-A-b
kênh Bửu Liêm	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°23'58"	105°06'56"	10°24'24"	105°13'19"	C-48-43-A-a, C-48-43-A-b
Kênh Cũ	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°25'44"	105°09'55"	10°25'49"	105°13'25"	C-48-43-A-b
kênh Đốc Đinh	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°27'06"	105°13'21"	10°28'03"	105°13'20"	C-48-43-A-b
kênh Đòn Dong	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°26'05"	105°09'59"	10°27'35"	105°17'21"	C-48-43-A-b
kênh Mặc Cần Dưng	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°28'12"	105°20'29"	10°26'19"	105°03'13"	C-48-43-A-a; C-48-43-B-a
Kênh Ranh	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°27'04"	105°13'15"	10°25'48"	105°13'00"	C-48-43-A-b
Kênh Ranh	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°29'42"	105°16'56"	10°28'02"	105°12'11"	C-48-43-A-b
kênh Số 4	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°24'11"	105°11'35"	10°26'49"	105°11'30"	C-48-43-A-b
kênh Tào Lê	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°24'51"	105°09'43"	10°25'06"	105°13'26"	C-48-43-A-b
kênh Vĩnh Bình 2	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°28'24"	105°14'55"	10°27'31"	105°10'43"	C-48-43-A-b
mương Năm Rỡ	TV	xã Vĩnh Bình	H. Châu Thành			10°25'44"	105°10'25"	10°24'02"	105°10'27"	C-48-43-A-b
ấp Vĩnh Hòa	DC	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành	10°27'56"	105°14'34"					C-48-43-A-b
ấp Vĩnh Lợi	DC	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành	10°25'48"	105°13'36"					C-48-43-A-b
ấp Vĩnh Phúc	DC	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành	10°27'06"	105°13'44"					C-48-43-A-b
ấp Vĩnh Thạnh	DC	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành	10°26'06"	105°14'46"					C-48-43-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Vĩnh Thới	DC	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành	10°26'53"	105°15'12"					C-48-43-B-a
ấp Vĩnh Thuận	DC	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành	10°27'17"	105°15'06"					C-48-43-B-a
cầu Kênh Đào	KX	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành	10°27'08"	105°13'48"					C-48-43-A-b
cầu Số 3	KX	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành	10°27'16"	105°14'42"					C-48-43-A-b
cầu Vĩnh Hanh	KX	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành	10°27'19"	105°15'04"					C-48-43-B-a
đình Vĩnh Hanh	KX	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành	10°26'42"	105°15'41"					C-48-43-B-a
Đường tỉnh 941	KX	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°26'56"	105°20'56"	10°25'14"	104°59'57"	C-48-43-A-b; C-48-43-B-a
Miếu Bà	KX	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành	10°26'43"	105°15'49"					C-48-43-B-a
Kênh 8	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°37'30"	105°05'21"	10°28'50"	105°15'18"	C-48-43-B-a
Kênh 9	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°37'06"	105°04'58"	10°28'23"	105°14'47"	C-48-43-A-b
kênh Ba Xã	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°24'36"	105°15'00"	10°24'57"	105°18'05"	C-48-43-B-a
kênh Bửu Liêm	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°23'58"	105°06'56"	10°24'24"	105°13'19"	C-48-43-A-a,b
Kênh Cũ	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°25'44"	105°09'55"	10°25'49"	105°13'25"	C-48-43-A-b
kênh Đòn Dong	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°26'05"	105°09'59"	10°27'35"	105°17'21"	C-48-43-A-b; C-48-43-B-a
kênh Đốc Đinh	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°27'06"	105°13'21"	10°28'03"	105°13'20"	C-48-43-A-b
Kênh Làng	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°24'24"	105°13'20"	10°24'36"	105°15'00"	C-48-43-A-b
kênh Mặc Cần Dưng	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°28'12"	105°20'29"	10°26'19"	105°03'13"	C-48-43-A-b; C-48-43-B-a
kênh Núi Chóc Năng Gù	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°31'57"	105°18'06"	10°15'52"	105°12'01"	C-48-43-A-b; C-48-43-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Ranh	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°29'42"	105°16'56"	10°28'02"	105°12'11"	C-48-43-A-b; C-48-43-B-a
Kênh Ranh	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°27'04"	105°13'15"	10°25'48"	105°13'00"	C-48-43-A-b
lung Trà Nốp	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°25'48"	105°13'25"	10°25'31"	105°13'12"	C-48-43-A-b
mương Bà Vệ	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°28'29"	105°15'00"	10°27'21"	105°15'05"	C-48-43-B-a
mương Ba Xuân	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°24'30"	105°14'13"	10°26'07"	105°14'06"	C-48-43-A-b
Mương Đình	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°26'44"	105°15'50"	10°24'45"	105°16'09"	C-48-43-B-a
mương Hội Đồng	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°24'38"	105°15'17"	10°26'42"	105°14'56"	C-48-43-A-b; C-48-43-B-a
mương Mười Biên	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°24'33"	105°14'34"	10°26'29"	105°14'30"	C-48-43-A-b
mương Mười Đấu	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°26'45"	105°15'39"	10°24'42"	105°15'47"	C-48-43-B-a
mương Ông Cha	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°29'01"	105°15'29"	10°27'27"	105°15'47"	C-48-43-B-a
mương Số 3	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°28'11"	105°14'44"	10°27'17"	105°14'41"	C-48-43-A-b
mương Tư Cần	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°24'28"	105°13'55"	10°26'02"	105°13'54"	C-48-43-A-b
mương Tư Quyên	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°24'36"	105°14'58"	10°26'00"	105°14'58"	C-48-43-B-a
mương Út Cang	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°28'46"	105°15'16"	10°27'24"	105°15'30"	C-48-43-B-a
rạch Số 3	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°27'16"	105°14'42"	10°27'00"	105°14'50"	C-48-43-A-b
rạch Trà Kiết	TV	xã Vĩnh Hanh	H. Châu Thành			10°25'56"	105°13'36"	10°27'37"	105°17'29"	C-48-43-A-b; C-48-43-B-a
ấp Hòa Lợi 1	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành	10°24'08"	105°18'21"					C-48-43-B-a
ấp Hòa Lợi 2	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành	10°24'25"	105°18'17"					C-48-43-B-a
ấp Hòa Lợi 3	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành	10°23'12"	105°18'35"					C-48-43-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Hòa Lợi 4	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành	10°22'40"	105°17'00"					C-48-43-B-a; C-48-43-B-c
Kênh 1	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°22'50"	105°19'50"	10°23'18"	105°20'12"	C-48-43-B-a
Kênh 300	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°23'17"	105°18'14"	10°24'00"	105°18'03"	C-48-43-B-a
Kênh 600	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°23'12"	105°17'54"	10°23'49"	105°17'43"	C-48-43-B-a
Kênh 1000	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°22'01"	105°18'51"	10°24'59"	105°21'13"	C-48-43-B-a
kênh Ba Chùa	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°22'16"	105°20'21"	10°22'47"	105°19'09"	C-48-43-B-a
kênh Ba Giáo	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°24'42"	105°18'09"	10°24'18"	105°16'23"	C-48-43-B-a
kênh Ba Mạnh	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°23'23"	105°18'30"	10°24'07"	105°19'09"	C-48-43-B-a
kênh Ba Quyền	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°22'43"	105°18'40"	10°22'27"	105°17'04"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-c
kênh Ba Xã	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°24'36"	105°15'00"	10°24'57"	105°18'05"	C-48-43-B-a
kênh Bon Sa	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°23'05"	105°16'53"	10°23'16"	105°17'25"	C-48-43-B-a
kênh Bốn Tổng	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°21'28"	105°19'00"	10°27'30"	105°17'26"	C-48-43-B-a
kênh Chắc Cà Đao	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°21'27"	105°19'01"	10°23'08"	105°20'25"	C-48-43-B-a
kênh Chung Xây	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°21'54"	105°16'59"	10°24'44"	105°16'09"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-c
kênh Hậu 20	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°24'42"	105°18'10"	10°25'11"	105°19'12"	C-48-43-B-a
kênh Lung Lớn	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°22'48"	105°17'53"	10°23'10"	105°17'47"	C-48-43-B-a
kênh Năm Vệ	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°22'24"	105°18'45"	10°22'17"	105°17'09"	C-48-43-B-a
kênh Ông Huỳnh	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°23'01"	105°16'04"	10°23'55"	105°16'35"	C-48-43-B-a
kênh Sáu Dư	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°24'07"	105°18'18"	10°23'21"	105°16'54"	C-48-43-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh T2	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°24'27"	105°18'13"	10°24'01"	105°16'32"	C-48-43-B-a
kênh Tám Mẫu	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°23'21"	105°18'30"	10°23'07"	105°17'00"	C-48-43-B-a
kênh Trường Tiền	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°24'29"	105°18'46"	10°22'05"	105°21'45"	C-48-43-B-a
kênh Út Gương	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°23'12"	105°18'32"	10°22'40"	105°16'57"	C-48-43-B-a
kênh Út Mến	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°23'35"	105°18'27"	10°24'18"	105°18'56"	C-48-43-B-a
kênh Út Thảnh	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°22'49"	105°18'39"	10°23'46"	105°19'36"	C-48-43-B-a
kênh Út Tửng	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°22'56"	105°19'14"	10°23'37"	105°19'47"	C-48-43-B-a
rạch Ngọn Cái	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°24'18"	105°18'16"	10°25'27"	105°22'21"	C-48-43-B-a
rạch Út Bảy	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Châu Thành			10°23'37"	105°16'44"	10°24'26"	105°15'22"	C-48-43-B-a
ấp Vĩnh Hiệp 1	DC	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành	10°22'18"	105°14'20"					C-48-43-B-c
ấp Vĩnh Hiệp 2	DC	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành	10°24'37"	105°15'17"					C-48-43-B-a
ấp Vĩnh Hòa 1	DC	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành	10°22'11"	105°17'03"					C-48-43-B-c
ấp Vĩnh Hòa 2	DC	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành	10°22'34"	105°16'49"					C-48-43-B-a
ấp Vĩnh Lợi	DC	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành	10°23'23"	105°13'08"					C-48-43-A-b
ấp Vĩnh Thuận	DC	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành	10°22'20"	105°13'01"					C-48-43-A-d
kênh 1 Tháng 5	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°24'34"	105°14'45"	10°22'15"	105°14'22"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d
kênh Ba Ninh	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°22'26"	105°13'01"	10°21'59"	105°17'01"	C-48-43-A-d; C-48-43-B-c
kênh Ba Xã	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°24'36"	105°15'00"	10°24'57"	105°18'05"	C-48-43-A-b; C-48-43-B-a
kênh Bửu Liêm	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°23'58"	105°06'56"	10°24'24"	105°13'19"	C-48-43-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Chung Xây	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°21'54"	105°16'59"	10°24'44"	105°16'09"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-c
kênh Đông 1	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°22'16"	105°13'48"	10°24'30"	105°14'10"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d
kênh Đông 2	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°22'14"	105°14'55"	10°24'39"	105°15'24"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d; C-48-43-A-b
kênh Đông Thuận 1	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°24'25"	105°13'37"	10°22'17"	105°13'16"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d
kênh Đông Thuận 2	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°24'28"	105°13'53"	10°22'16"	105°13'32"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d
Kênh Làng	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°24'24"	105°13'20"	10°24'36"	105°15'00"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-a
kênh Láng Xang	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°23'04"	105°16'06"	10°24'04"	105°15'18"	C-48-43-B-a
kênh Nông Trường	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°23'19"	105°11'34"	10°22'19"	105°11'42"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d
kênh Núi Chóc Năng Gù	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°31'57"	105°18'06"	10°15'52"	105°12'01"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d
kênh Ông Huỳnh	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°23'01"	105°16'04"	10°23'55"	105°16'35"	C-48-43-B-a
kênh Ranh Làng	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°21'53"	105°16'59"	10°22'39"	105°07'01"	C-48-43-A-d; C-48-43-B-c
kênh Tân Phú 2	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°23'24"	105°13'10"	10°23'12"	105°09'24"	C-48-43-A-b
kênh Tây Lợi 1	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°24'19"	105°12'46"	10°22'18"	105°12'24"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tây Lợi 2	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°24'22"	105°13'08"	10°22'17"	105°12'49"	C-48-43-A-b; C-48-43-A-d
rạch Chung Rầy	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°22'08"	105°17'03"	10°22'51"	105°15'52"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-c
rạch Út Bảy	TV	xã Vĩnh Nhuận	H. Châu Thành			10°23'37"	105°16'44"	10°24'26"	105°15'22"	C-48-43-B-a
ấp Đông Bình 1	DC	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành	10°21'39"	105°22'03"					C-48-43-B-c
ấp Đông Bình Trạch	DC	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành	10°20'54"	105°20'08"					C-48-43-B-c
ấp Đông Phú	DC	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành	10°21'22"	105°17'47"					C-48-43-B-c
ấp Tân Thành	DC	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành	10°22'06"	105°18'52"					C-48-43-B-c
ấp Trung Thành	DC	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành	10°21'23"	105°19'04"					C-48-43-B-c
chùa Se Rey Meang Kol Sa Kor	KX	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành	10°21'03"	105°21'09"					C-48-43-B-c
đình Trung Phú Nhuận	KX	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành	10°21'20"	105°17'52"					C-48-43-B-c
nhà thờ Ba Bần	KX	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành	10°21'18"	105°18'47"					C-48-43-B-c
Kênh 1000	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°22'01"	105°18'51"	10°24'59"	105°21'13"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-c
kênh Ba Chùa	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°22'16"	105°20'21"	10°23'02"	105°19'46"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-c
kênh Ba Dầu	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°21'15"	105°18'48"	10°21'18"	105°13'43"	C-48-43-B-c
kênh Ba Vũ	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°21'33"	105°18'41"	10°22'09"	105°17'05"	C-48-43-B-c
kênh Bốn Tổng	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°21'28"	105°19'00"	10°27'30"	105°17'26"	C-48-43-B-c
kênh Chắc Cà Đao	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°21'27"	105°19'01"	10°23'08"	105°20'25"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Chung Xây	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°21'54"	105°16'59"	10°24'44"	105°16'09"	C-48-43-B-c
kênh Liên Ấp	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°21'47"	105°18'54"	10°22'13"	105°17'08"	C-48-43-B-c
kênh Năm Vệ	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°22'24"	105°18'45"	10°22'17"	105°17'09"	C-48-43-B-c
kênh Trường Tiền	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°24'29"	105°18'46"	10°22'05"	105°21'45"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-c
Mương Ngươn	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°21'55"	105°22'22"	10°23'39"	105°20'51"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-c
Rạch Chùa	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°21'37"	105°22'03"	10°22'16"	105°20'21"	C-48-43-B-c
rạch Trà Sa	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°22'05"	105°21'46"	10°23'14"	105°21'23"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-c
rạch Trà Suốt	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°21'52"	105°22'12"	10°22'32"	105°21'39"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-c
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	xã Vĩnh Thành	H. Châu Thành			10°11'04"	105°12'15"	10°23'09"	105°26'35"	C-48-43-B-c
ấp Long Hòa	DC	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	10°33'02"	105°24'32"					C-48-31-D-d
Ấp Thị	DC	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	10°33'07"	105°23'06"					C-48-31-D-d
ấp Thị 1	DC	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	10°33'10"	105°23'36"					C-48-31-D-d
ấp Thị 2	DC	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	10°32'47"	105°23'50"					C-48-31-D-d
cầu Ông Chưởng	KX	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	10°33'09"	105°23'27"					C-48-31-D-d
chùa Hưng Điền	KX	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	10°32'58"	105°23'53"					C-48-31-D-d
dinh Nguyễn Hữu Cảnh	KX	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	10°33'11"	105°23'34"					C-48-31-D-d
Đường tỉnh 942	KX	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới			10°25'53"	105°32'59"	10°34'08"	105°21'45"	C-48-31-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 946	KX	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới			10°20'53"	105°29'22"	10°33'06"	105°23'31"	C-48-31-D-d
kênh Đòn Dong	TV	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới			10°33'02"	105°23'44"	10°30'24"	105°28'53"	C-48-31-D-d
kênh Ranh A - B	TV	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới			10°32'38"	105°23'48"	10°30'30"	105°28'18"	C-48-31-D-d
sông Ông Chưởng	TV	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới			10°33'19"	105°24'20"	10°26'46"	105°26'41"	C-48-31-D-d
Sông Tiền	TV	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-31-D-d
ấp Mỹ Hòa	DC	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới	10°29'49"	105°29'44"					C-48-43-B-b
ấp Mỹ Quí	DC	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới	10°29'50"	105°28'57"					C-48-43-B-b
ấp Mỹ Tân	DC	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới	10°29'31"	105°29'52"					C-48-43-B-b
ấp Mỹ Thuận	DC	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới	10°29'54"	105°28'39"					C-48-43-B-b
ấp Thị 1	DC	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới	10°30'15"	105°29'29"					C-48-31-D-d
ấp Thị 2	DC	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới	10°30'50"	105°29'05"					C-48-31-D-d
cầu Mỹ Luông - Tấn Mỹ	KX	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới	10°30'12"	105°29'46"					C-48-31-D-d
chùa Phước Long	KX	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới	10°30'32"	105°29'12"					C-48-31-D-d
Đường tỉnh 942	KX	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới			10°25'53"	105°32'59"	10°34'08"	105°21'45"	C-48-31-D-d; C-48-43-B-b; C-48-44-A-a
Đường tỉnh 942 Mới	KX	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới			10°29'14"	105°30'06"	10°30'50"	105°29'10"	C-48-31-D-d; C-48-43-B-b; C-48-44-A-a
nhà thờ Mỹ Luông	KX	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới	10°30'10"	105°29'33"					C-48-31-D-d
kênh Chà Và	TV	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới			10°31'04"	105°29'04"	10°29'05"	105°27'29"	C-48-43-B-b; C-48-31-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đòn Dong	TV	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới			10°33'02"	105°23'44"	10°30'24"	105°28'53"	C-48-31-D-d
Mương Chùa	TV	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới			10°29'15"	105°30'08"	10°28'11"	105°29'02"	C-48-43-B-b; C-48-44-A-a
Sông Tiền	TV	TT. Mỹ Luông	H. Chợ Mới			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-31-D-d
ấp An Bình	DC	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°24'32"	105°29'31"					C-48-43-B-b
ấp An Hồng	DC	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°27'09"	105°29'33"					C-48-43-B-b
ấp An Hưng	DC	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°26'54"	105°28'49"					C-48-43-B-b
ấp An Khánh	DC	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°24'48"	105°29'24"					C-48-43-B-b
ấp An Khương	DC	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°26'18"	105°31'06"					C-48-44-A-a
ấp An Lạc	DC	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°25'39"	105°20'37"					C-48-44-A-a
ấp An Long	DC	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°26'25"	105°27'17"					C-48-43-B-b
ấp An Phú	DC	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°27'31"	105°29'37"					C-48-43-B-b
ấp An Quới	DC	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°25'26"	105°27'38"					C-48-43-B-b
ấp An Thị	DC	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°25'51"	105°27'27"					C-48-43-B-b
ấp An Tịnh	DC	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°25'58"	105°28'06"					C-48-43-B-b
cầu Cái Hố	KX	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°25'45"	105°27'37"					C-48-43-B-b
cầu Cái Nai	KX	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°24'41"	105°29'28"					C-48-43-B-b
cầu Rạch Chanh	KX	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°25'29"	105°27'32"					C-48-43-B-b
cầu Rọc Sen	KX	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°25'34"	105°30'27"					C-48-44-A-a
đình Tầm Vu	KX	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°25'00"	105°28'54"					C-48-43-B-b
Đường tỉnh 944	KX	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°20'46"	105°29'18"	10°27'08"	105°31'56"	C-48-43-B-b; C-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 946	KX	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°20'53"	105°29'22"	10°33'06"	105°23'31"	C-48-43-B-b
miếu Thần Nông	KX	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới	10°27'10"	105°29'31"					C-48-43-B-b
kênh 19 Tháng 5	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°26'52"	105°28'06"	10°27'22"	105°29'22"	C-48-43-B-b
kênh 26 Tháng 3	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°26'11"	105°30'08"	10°27'00"	105°30'59"	C-48-44-A-a
kênh 30 Tháng 4	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°26'49"	105°28'33"	10°25'25"	105°29'54"	C-48-43-B-b
kênh Cái Hố	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°25'50"	105°27'22"	10°25'40"	105°28'44"	C-48-43-B-b
kênh Chưng Đùn	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°26'35"	105°27'01"	10°27'12"	105°29'32"	C-48-43-B-b
kênh Cựu Hội	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°27'07"	105°31'58"	10°25'30"	105°30'29"	C-48-44-A-a
Kênh Đào	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°27'41"	105°28'01"	10°26'42"	105°28'07"	C-48-43-B-b
kênh Hai Dạ	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°25'57"	105°30'16"	10°26'54"	105°31'09"	C-48-44-A-a
kênh Rạch Chanh	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°25'32"	105°27'20"	10°24'59"	105°28'55"	C-48-43-B-b
kênh Rọc Rừng	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°25'45"	105°30'22"	10°26'25"	105°30'49"	C-48-44-A-a
kênh Thạnh Phú	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°27'44"	105°31'22"	10°27'12"	105°29'32"	C-48-43-B-b
kênh Thầy Cai	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°27'35"	105°31'01"	10°27'25"	105°29'26"	C-48-43-B-b
kênh xáng Hòa Bình	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°24'42"	105°27'07"	10°24'22"	105°28'47"	C-48-43-B-b
kênh xáng Long An	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°30'51"	105°27'52"	10°25'30"	105°30'29"	C-48-43-B-b; C-48-44-A-a
mương Chiến Lược	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°26'37"	105°28'11"	10°26'50"	105°28'50"	C-48-43-B-b
Mương Sung	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°25'30"	105°30'29"	10°24'08"	105°31'23"	C-48-44-A-a
rạch Cái Nai	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°24'59"	105°28'55"	10°23'43"	105°31'25"	C-48-43-B-b
rạch Cầu Cháy	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°26'41"	105°28'07"	10°26'14"	105°27'57"	C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Chưng Đùn	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°24'59"	105°28'55"	10°26'15"	105°29'03"	C-48-43-B-b
rạch Điện Biên	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°24'54"	105°29'25"	10°26'37"	105°28'11"	C-48-43-B-b
rạch La Kết	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°24'36"	105°31'52"	10°26'07"	105°31'01"	C-48-44-A-a
rạch Ngã Bác	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°26'37"	105°27'44"	10°25'58"	105°28'05"	C-48-43-B-b
rạch Thống Nhất	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°26'11"	105°29'16"	10°26'11"	105°29'16"	C-48-43-B-b
rạch Trùm Hóa	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°22'50"	105°28'01"	10°24'50"	105°29'22"	C-48-43-B-b
rạch Xà Mách	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°27'58"	105°27'17"	10°27'25"	105°29'25"	C-48-43-B-b
Sông Hậu	TV	xã An Thạnh Trung	H. Chợ Mới			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-b
ấp Bình Phú	DC	xã Bình Phước Xuân	H. Chợ Mới	10°28'26"	105°33'43"					C-48-44-A-a
ấp Bình Phước	DC	xã Bình Phước Xuân	H. Chợ Mới	10°26'50"	105°33'28"					C-48-44-A-a
ấp Bình Quới	DC	xã Bình Phước Xuân	H. Chợ Mới	10°27'42"	105°31'51"					C-48-44-A-a
ấp Bình Tấn	DC	xã Bình Phước Xuân	H. Chợ Mới	10°26'40"	105°32'53"					C-48-44-A-a
ấp Bình Trung	DC	xã Bình Phước Xuân	H. Chợ Mới	10°27'38"	105°32'41"					C-48-44-A-a
phủ thờ Nguyễn Tộc	KX	xã Bình Phước Xuân	H. Chợ Mới	10°27'30"	105°31'55"					C-48-44-A-a
kênh 19 Tháng 5	TV	xã Bình Phước Xuân	H. Chợ Mới			10°27'20"	105°33'14"	10°27'05"	105°33'46"	C-48-44-A-a
Kênh Mới	TV	xã Bình Phước Xuân	H. Chợ Mới			10°31'39"	105°29'40"	10°27'45"	105°33'08"	C-48-44-A-a
Kênh Ngang	TV	xã Bình Phước Xuân	H. Chợ Mới			10°27'28"	105°33'59"	10°27'23"	105°33'06"	C-48-44-A-a
Mương Chùa	TV	xã Bình Phước Xuân	H. Chợ Mới			10°28'45"	105°33'37"	10°28'22"	105°32'39"	C-48-44-A-a
rạch Cái Dứa	TV	xã Bình Phước Xuân	H. Chợ Mới			10°27'15"	105°33'05"	10°26'27"	105°34'07"	C-48-44-A-a
Sông Tiền	TV	xã Bình Phước Xuân	H. Chợ Mới			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-44-A-a
ấp An Mỹ	DC	xã Hòa An	H. Chợ Mới	10°22'24"	105°28'49"					C-48-43-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Thạnh	DC	xã Hòa An	H. Chợ Mới	10°21'13"	105°28'31"					C-48-43-B-d
ấp Bình Phú	DC	xã Hòa An	H. Chợ Mới	10°22'27"	105°31'09"					C-48-44-A-c
ấp Bình Quới	DC	xã Hòa An	H. Chợ Mới	10°21'45"	105°30'37"					C-48-44-A-c
ấp Bình Thạnh 1	DC	xã Hòa An	H. Chợ Mới	10°21'11"	105°29'16"					C-48-43-B-d
ấp Bình Thạnh 2	DC	xã Hòa An	H. Chợ Mới	10°21'57"	105°29'24"					C-48-43-B-d
Đường tỉnh 946	KX	xã Hòa An	H. Chợ Mới			10°20'53"	105°29'22"	10°33'06"	105°23'31"	C-48-43-B-d
chùa An Long	KX	xã Hòa An	H. Chợ Mới	10°22'31"	105°28'51"					C-48-43-B-d
chùa Hội Phước	KX	xã Hòa An	H. Chợ Mới	10°22'18"	105°31'04"					C-48-44-A-c
chùa Từ Quang	KX	xã Hòa An	H. Chợ Mới	10°21'40"	105°29'37"					C-48-43-B-d
đình thần An Hòa	KX	xã Hòa An	H. Chợ Mới	10°22'20"	105°28'50"					C-48-43-B-d
tuyến phà Vàm Cống	KX	xã Hòa An	H. Chợ Mới	10°20'06"	105°29'14"					C-48-43-B-d
rạch Cái Tàu	TV	xã Hòa An	H. Chợ Mới			10°21'53"	105°31'09"	10°23'43"	105°31'25"	C-48-44-A-a; C-48-44-A-c
rạch Thông Lưu	TV	xã Hòa An	H. Chợ Mới			10°21'20"	105°29'51"	10°22'54"	105°30'20"	C-48-43-B-b, d; C-48-44-A-a
sông Cái Đôi	TV	xã Hòa An	H. Chợ Mới			10°20'46"	105°29'18"	10°23'05"	105°27'17"	C-48-43-B-d
Sông Hậu	TV	xã Hòa An	H. Chợ Mới			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-d
sông Lấp Vò	TV	xã Hòa An	H. Chợ Mới			10°20'18"	105°29'20"	10°21'52"	105°31'09"	C-48-43-B-d; C-48-44-A-c
ấp An Bình	DC	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°22'47"	105°28'47"					C-48-43-B-b
ấp An Lương	DC	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°23'17"	105°27'51"					C-48-43-B-b
ấp An Quới	DC	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°22'56"	105°28'29"					C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Thái	DC	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°24'53"	105°27'21"					C-48-43-B-b
ấp An Thạnh	DC	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°21'32"	105°28'28"					C-48-43-B-d
ấp An Thuận	DC	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°23'41"	105°27'11"					C-48-43-B-b
cầu Cái Đôi	KX	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°23'15"	105°27'31"					C-48-43-B-b
cầu Đề Lăng	KX	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°24'07"	105°28'21"					C-48-43-B-b
cầu Trùm Hóa	KX	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°24'20"	105°28'47"					C-48-43-B-b
cầu Trùm Hóa	KX	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°22'51"	105°28'03"					C-48-43-B-b
tuyến đò Tầm Pha	KX	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°24'42"	105°26'57"					C-48-43-B-b
Đường tỉnh 944	KX	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới			10°20'46"	105°29'18"	10°27'08"	105°31'56"	C-48-43-B-b
Đường tỉnh 946	KX	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới			10°20'53"	105°29'22"	10°33'06"	105°23'31"	C-48-43-B-b, d
nhà thờ Cái Đôi	KX	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°23'14"	105°27'50"					C-48-43-B-b
nhà thờ Cái Gia	KX	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°22'36"	105°28'15"					C-48-43-B-b
nhà thờ Cần Thay	KX	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°24'17"	105°27'11"					C-48-43-B-b
tuyến phà An Hòa	KX	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới	10°23'20"	105°26'55"					C-48-43-B-b
kênh xáng Hòa Bình	TV	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới			10°24'42"	105°27'07"	10°24'22"	105°28'47"	C-48-43-B-b
rạch Cái Đôi	TV	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới			10°23'16"	105°27'31"	10°23'58"	105°28'01"	C-48-43-B-b
rạch Trùm Hóa	TV	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới			10°22'50"	105°28'01"	10°24'50"	105°29'22"	C-48-43-B-b
sông Cái Đôi	TV	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới			10°20'46"	105°29'18"	10°23'05"	105°27'17"	C-48-43-B-d
Sông Hậu	TV	xã Hòa Bình	H. Chợ Mới			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-d; C-48-43-B-b
ấp An Bình	DC	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°23'34"	105°30'16"					C-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Khương	DC	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°24'14"	105°31'40"					C-48-44-A-a
ấp An Ninh	DC	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°25'03"	105°32'54"					C-48-44-A-a
ấp An Phú	DC	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°27'00"	105°32'00"					C-48-44-A-a
ấp An Thái	DC	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°23'59"	105°31'05"					C-48-44-A-a
ấp An Thịnh	DC	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°23'02"	105°31'20"					C-48-44-A-a
ấp An Thới	DC	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°24'05"	105°30'06"					C-48-44-A-a
ấp An Thuận	DC	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°24'47"	105°31'54"					C-48-44-A-a
ấp Thị 1	DC	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°26'06"	105°32'54"					C-48-44-A-a
ấp Thị 2	DC	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°26'19"	105°32'25"					C-48-44-A-a
cầu Cái Tàu Thượng	KX	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°25'53"	105°32'59"					C-48-44-A-a
cầu Cựu Hội	KX	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°27'07"	105°31'58"					C-48-44-A-a
chùa Phước Hội	KX	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°25'46"	105°32'39"					C-48-44-A-a
Đường tỉnh 942	KX	xã Hội An	H. Chợ Mới			10°25'53"	105°32'59"	10°34'08"	105°21'45"	C-48-44-A-a
Đường tỉnh 944	KX	xã Hội An	H. Chợ Mới			10°20'46"	105°29'18"	10°27'08"	105°31'56"	C-48-44-A-a
Mộ Bà	KX	xã Hội An	H. Chợ Mới	10°23'59"	105°30'10"					C-48-44-A-a
kênh Cựu Hội	TV	xã Hội An	H. Chợ Mới			10°27'07"	105°31'58"	10°25'30"	105°30'29"	C-48-44-A-a
mương Bà Cọc	TV	xã Hội An	H. Chợ Mới			10°24'53"	105°32'23"	10°26'14"	105°31'44"	C-48-44-A-a
mương Mười Đấu	TV	xã Hội An	H. Chợ Mới			10°24'41"	105°32'06"	10°25'51"	105°31'32"	C-48-44-A-a
Mương Sung	TV	xã Hội An	H. Chợ Mới			10°25'30"	105°30'29"	10°24'08"	105°31'23"	C-48-44-A-a
rạch Cái Nai	TV	xã Hội An	H. Chợ Mới			10°24'59"	105°28'55"	10°23'43"	105°31'25"	C-48-44-A-a; C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Tàu	TV	xã Hội An	H. Chợ Mới			10°21'53"	105°31'09"	10°23'43"	105°31'25"	C-48-44-A-c
rạch Cái Tàu Thượng	TV	xã Hội An	H. Chợ Mới			10°23'43"	105°31'25"	10°26'03"	105°33'05"	C-48-44-A-a
rạch La Kết	TV	xã Hội An	H. Chợ Mới			10°24'36"	105°31'52"	10°26'07"	105°31'01"	C-48-44-A-a
Sông Tiền	TV	xã Hội An	H. Chợ Mới			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-44-A-a
ấp Hòa Bình	DC	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°33'45"	105°21'38"					C-48-31-D-c
ấp Hòa Hạ	DC	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°33'29"	105°23'00"					C-48-31-D-d
ấp Hòa Thượng	DC	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°34'08"	105°21'51"					C-48-31-D-c
ấp Hòa Trung	DC	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°33'51"	105°22'27"					C-48-31-D-c
ấp Kiến Bình 1	DC	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°33'09"	105°21'39"					C-48-31-D-c
ấp Kiến Bình 2	DC	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°32'03"	105°21'27"					C-48-31-D-c
ấp Long Bình	DC	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°33'46"	105°23'21"					C-48-31-D-d
ấp Long Hạ	DC	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°33'17"	105°23'51"					C-48-31-D-d
ấp Long Thượng	DC	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°34'07"	105°22'47"					C-48-31-D-d
ấp Phú Thượng 1	DC	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°32'13"	105°22'39"					C-48-31-D-d
ấp Phú Thượng 2	DC	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°32'50"	105°23'31"					C-48-31-D-d
ấp Phú Thượng 3	DC	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°32'42"	105°22'53"					C-48-31-D-d
cầu Ông Chưởng	KX	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°33'09"	105°23'27"					C-48-31-D-d
chùa An Long Cổ Tự	KX	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°32'43"	105°23'28"					C-48-31-D-d
đình thần Kiến An	KX	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°33'14"	105°23'29"					C-48-31-D-d
Đường tỉnh 942	KX	xã Kiến An	H. Chợ Mới			10°25'53"	105°32'59"	10°34'08"	105°21'45"	C-48-31-D-c; C-48-31-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tuyến phà Thuận Giang	KX	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°34'14"	105°21'39"					C-48-31-D-c
phủ thờ Ông Ba Nguyễn Văn Thới	KX	xã Kiến An	H. Chợ Mới	10°34'04"	105°21'42"					C-48-31-D-c
Kênh 5	TV	xã Kiến An	H. Chợ Mới			10°30'36"	105°24'22"	10°32'02"	105°22'30"	C-48-31-D-c; C-48-31-D-d
kênh Cà Mau	TV	xã Kiến An	H. Chợ Mới			10°33'29"	105°21'11"	10°27'39"	105°26'47"	C-48-31-D-c; C-48-31-D-d
kênh Cầu Cống	TV	xã Kiến An	H. Chợ Mới			10°32'53"	105°21'26"	10°34'07"	105°22'11"	C-48-31-D-c
kênh Chăn Cà Na	TV	xã Kiến An	H. Chợ Mới			10°34'22"	105°22'02"	10°33'14"	105°23'32"	C-48-31-D-c; C-48-31-D-d
kênh Đồng Tân	TV	xã Kiến An	H. Chợ Mới			10°30'57"	105°20'16"	10°31'50"	105°21'34"	C-48-31-D-c
kênh Ông Tỏ	TV	xã Kiến An	H. Chợ Mới			10°32'52"	105°21'25"	10°31'51"	105°22'06"	C-48-31-D-c
kênh Sóc Nạn	TV	xã Kiến An	H. Chợ Mới			10°33'11"	105°23'58"	10°34'08"	105°22'46"	C-48-31-D-d
kênh Xã Niêu	TV	xã Kiến An	H. Chợ Mới			10°33'06"	105°23'27"	10°31'51"	105°22'027"	C-48-31-D-c; C-48-31-D-d
sông Ông Chưởng	TV	xã Kiến An	H. Chợ Mới			10°33'19"	105°24'20"	10°26'46"	105°26'41"	C-48-31-D-d
Sông Tiền	TV	xã Kiến An	H. Chợ Mới			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-31-D-c; C-48-31-D-d
sông Vàm Nao	TV	xã Kiến An	H. Chợ Mới			10°34'19"	105°21'45"	10°32'33"	105°19'34"	C-48-31-D-c
ấp Kiến Hưng 1	DC	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới	10°30'34"	105°25'41"					C-48-31-D-d
ấp Kiến Hưng 2	DC	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới	10°30'17"	105°26'19"					C-48-31-D-d
ấp Kiến Quới 1	DC	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới	10°32'01"	105°24'35"					C-48-31-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Kiến Quới 2	DC	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới	10°31'31"	105°24'52"					C-48-31-D-d
ấp Kiến Thuận 1	DC	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới	10°31'13"	105°25'18"					C-48-31-D-d
ấp Kiến Thuận 2	DC	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới	10°31'01"	105°25'58"					C-48-31-D-d
ấp Phú Hạ 1	DC	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới	10°32'07"	105°23'57"					C-48-31-D-d
ấp Phú Hạ 2	DC	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới	10°31'49"	105°24'12"					C-48-31-D-d
Kênh 5	TV	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới			10°30'36"	105°24'22"	10°32'02"	105°22'30"	C-48-31-D-d
kênh Cà Mau	TV	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới			10°33'29"	105°21'11"	10°27'39"	105°26'47"	C-48-31-D-d; C-48-43-B-b
kênh Cái Xoài	TV	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới			10°29'55"	105°24'17"	10°30'37"	105°25'43"	C-48-43-B-b
kênh Chà Và	TV	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới			10°29'20"	105°21'16"	10°30'55"	105°23'08"	C-48-31-D-d
kênh Lung Giang	TV	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới			10°30'24"	105°25'31"	10°31'34"	105°24'21"	C-48-31-D-d
kênh Mương Lớn	TV	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới			10°30'06"	105°24'04"	10°31'56"	105°24'23"	C-48-31-D-d
rạch Ấp Sử	TV	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới			10°30'10"	105°26'24"	10°28'58"	105°25'20"	C-48-43-B-b
sông Ông Chưởng	TV	xã Kiến Thành	H. Chợ Mới			10°33'19"	105°24'20"	10°26'46"	105°26'41"	C-48-31-D-d
ấp Long Bình	DC	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°32'43"	105°27'07"					C-48-31-D-d
ấp Long Định	DC	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°32'07"	105°27'38"					C-48-31-D-d
ấp Long Hòa 1	DC	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°33'00"	105°26'38"					C-48-31-D-d
ấp Long Hòa 2	DC	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°33'01"	105°25'33"					C-48-31-D-d
ấp Long Thuận 1	DC	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°31'10"	105°28'56"					C-48-31-D-d
ấp Long Thuận 2	DC	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°31'35"	105°28'38"					C-48-31-D-d
cầu Cột Dây Thép	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°31'03"	105°29'03"					C-48-31-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Quản Bền	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°31'39"	105°28'33"					C-48-31-D-d
cầu Trà Thôn	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°32'14"	105°27'46"					C-48-31-D-d
chùa Long Hòa	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°32'50"	105°25'23"					C-48-31-D-d
chùa Phước Đền	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°31'36"	105°28'28"					C-48-31-D-d
đình Chợ Thủ	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°32'12"	105°27'59"					C-48-31-D-d
tuyến đò Chợ Thủ	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°32'22"	105°28'14"					C-48-31-D-d
tuyến đò Cột Dây Thép	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°31'13"	105°29'06"					C-48-31-D-d
tuyến đò Doi Lửa	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°33'14"	105°26'24"					C-48-31-D-d
tuyến đò Lộ Mới	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°33'05"	105°25'16"					C-48-31-D-d
Đường tỉnh 942	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới			10°25'53"	105°32'59"	10°34'08"	105°21'45"	C-48-31-D-d
giáo xứ Chợ Thủ	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°31'52"	105°28'17"					C-48-31-D-d
miếu Hội Đồng	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°32'38"	105°27'11"					C-48-31-D-d
miếu Quan Thánh	KX	xã Long Điền A	H. Chợ Mới	10°32'21"	105°27'51"					C-48-31-D-d
kênh Chà Và	TV	xã Long Điền A	H. Chợ Mới			10°31'04"	105°29'04"	10°29'05"	105°27'29"	C-48-31-D-d
kênh Đòn Dong	TV	xã Long Điền A	H. Chợ Mới			10°33'02"	105°23'44"	10°30'24"	105°28'53"	C-48-31-D-d
kênh Hòa Bình	TV	xã Long Điền A	H. Chợ Mới			10°32'57"	105°26'32"	10°31'58"	105°26'11"	C-48-31-D-d
kênh Quản Bền	TV	xã Long Điền A	H. Chợ Mới			10°31'47"	105°28'45"	10°31'51"	105°27'52"	C-48-31-D-d
kênh Ranh A - B	TV	xã Long Điền A	H. Chợ Mới			10°32'38"	105°23'48"	10°30'30"	105°28'18"	C-48-31-D-d
kênh Trà Thôn	TV	xã Long Điền A	H. Chợ Mới			10°32'20"	105°27'54"	10°30'54"	105°26'08"	C-48-31-D-d
Sông Tiền	TV	xã Long Điền A	H. Chợ Mới			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-31-D-d
ấp Long Hòa	DC	xã Long Điền B	H. Chợ Mới	10°30'16"	105°26'44"					C-48-31-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Long Phú 1	DC	xã Long Điền B	H. Chợ Mới	10°31'42"	105°25'11"					C-48-31-D-d
ấp Long Phú 2	DC	xã Long Điền B	H. Chợ Mới	10°32'00"	105°24'15"					C-48-31-D-d
ấp Long Quới 1	DC	xã Long Điền B	H. Chợ Mới	10°31'08"	105°25'59"					C-48-31-D-d
ấp Long Quới 2	DC	xã Long Điền B	H. Chợ Mới	10°30'14"	105°26'28"					C-48-31-D-d
ấp Long Tân	DC	xã Long Điền B	H. Chợ Mới	10°29'17"	105°27'42"					C-48-43-B-b
ấp Long Thành	DC	xã Long Điền B	H. Chợ Mới	10°30'19"	105°27'13"					C-48-31-D-d
ấp Long Thuận	DC	xã Long Điền B	H. Chợ Mới	10°29'35"	105°28'02"					C-48-43-B-b
cầu Bà Vệ	KX	xã Long Điền B	H. Chợ Mới	10°29'07"	105°27'30"					C-48-43-B-b
cầu Hào Thơ	KX	xã Long Điền B	H. Chợ Mới	10°30'00"	105°26'51"					C-48-43-B-b
cầu Kênh Xáng	KX	xã Long Điền B	H. Chợ Mới	10°29'35"	105°28'10"					C-48-43-B-b
chùa Nam Thanh Tự	KX	xã Long Điền B	H. Chợ Mới	10°29'49"	105°27'32"					C-48-43-B-b
Đường tỉnh 946	KX	xã Long Điền B	H. Chợ Mới			10°20'53"	105°29'22"	10°33'06"	105°23'31"	C-48-31-D-d; C-48-43-B-b
nhà thờ Ông Chưởng	KX	xã Long Điền B	H. Chợ Mới	10°32'02"	105°24'55"					C-48-31-D-d
kênh Chà Và	TV	xã Long Điền B	H. Chợ Mới			10°31'04"	105°29'04"	10°29'05"	105°27'29"	C-48-43-B-b
kênh Ranh A - B	TV	xã Long Điền B	H. Chợ Mới			10°32'38"	105°23'48"	10°30'30"	105°28'18"	C-48-31-D-d
kênh Trà Thôn	TV	xã Long Điền B	H. Chợ Mới			10°32'20"	105°27'54"	10°30'54"	105°26'08"	C-48-31-D-d
kênh xáng Long An	TV	xã Long Điền B	H. Chợ Mới			10°30'51"	105°27'52"	10°25'30"	105°30'29"	C-48-43-B-b; C-48-31-D-d
sông Ông Chưởng	TV	xã Long Điền B	H. Chợ Mới			10°33'19"	105°24'20"	10°26'46"	105°26'41"	C-48-31-D-d; C-48-43-B-b
ấp Long Hòa	DC	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°27'00"	105°26'17"					C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Long Hưng	DC	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°29'50"	105°26'21"					C-48-43-B-b
ấp Long Mỹ 1	DC	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°27'21"	105°26'56"					C-48-43-B-b
ấp Long Mỹ 2	DC	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°27'49"	105°26'52"					C-48-43-B-b
ấp Long Phú	DC	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°28'16"	105°27'12"					C-48-43-B-b
ấp Long Quới	DC	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°28'01"	105°26'20"					C-48-43-B-b
ấp Long Thành	DC	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°28'30"	105°25'52"					C-48-43-B-b
ấp Long Thạnh 1	DC	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°29'00"	105°27'24"					C-48-43-B-b
ấp Long Thạnh 2	DC	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°29'36"	105°27'02"					C-48-43-B-b
ấp Long Thuận	DC	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°27'06"	105°25'51"					C-48-43-B-b
cầu Sóc Chét	KX	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°27'01"	105°26'11"					C-48-43-B-b
chùa An Long	KX	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°26'59"	105°26'09"					C-48-43-B-b
chùa Tam Bửu	KX	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°27'30"	105°26'39"					C-48-43-B-b
dinh thờ Nguyễn Trung Trực	KX	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°29'31"	105°27'05"					C-48-43-B-b
Phòng khám khu vực Long Giang	KX	xã Long Giang	H. Chợ Mới	10°29'54"	105°26'48"					C-48-43-B-b
kênh Cà Mau	TV	xã Long Giang	H. Chợ Mới			10°33'29"	105°21'11"	10°27'39"	105°26'47"	C-48-43-B-b
Kênh Đào	TV	xã Long Giang	H. Chợ Mới			10°28'02"	105°25'18"	10°27'14"	105°26'15"	C-48-43-B-b
Kênh Mới	TV	xã Long Giang	H. Chợ Mới			10°27'49"	105°26'35"	10°27'00"	105°26'10"	C-48-43-B-b
kênh Vũ Hiếu	TV	xã Long Giang	H. Chợ Mới			10°28'55"	105°25'22"	10°27'15"	105°25'11"	C-48-43-B-b
kênh xáng Mương Chùa	TV	xã Long Giang	H. Chợ Mới			10°29'27"	105°27'10"	10°28'38"	105°25'41"	C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
mương Nhà Đèn	TV	xã Long Giang	H. Chợ Mới			10°29'47"	105°26'59"	10°28'48"	105°25'31"	C-48-43-B-b
rạch Ấp Sử	TV	xã Long Giang	H. Chợ Mới			10°30'10"	105°26'24"	10°28'58"	105°25'20"	C-48-43-B-b
rạch Sóc Chét	TV	xã Long Giang	H. Chợ Mới			10°27'15"	105°25'11"	10°27'02"	105°26'22"	C-48-43-B-b
Rạch Xoài	TV	xã Long Giang	H. Chợ Mới			10°27'46"	105°26'53"	10°28'53"	105°26'00"	C-48-43-B-b
Sông Hậu	TV	xã Long Giang	H. Chợ Mới			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-b
sông Ông Chưởng	TV	xã Long Giang	H. Chợ Mới			10°33'19"	105°24'20"	10°26'46"	105°26'41"	C-48-31-D-d; C-48-43-B-b
ấp Long An	DC	xã Long Kiến	H. Chợ Mới	10°27'56"	105°29'12"					C-48-43-B-b
ấp Long Bình	DC	xã Long Kiến	H. Chợ Mới	10°26'39"	105°27'34"					C-48-43-B-b
ấp Long Định	DC	xã Long Kiến	H. Chợ Mới	10°27'03"	105°26'45"					C-48-43-B-b
ấp Long Hòa 1	DC	xã Long Kiến	H. Chợ Mới	10°27'54"	105°27'20"					C-48-43-B-b
ấp Long Hòa 2	DC	xã Long Kiến	H. Chợ Mới	10°29'17"	105°27'52"					C-48-43-B-b
ấp Long Quới	DC	xã Long Kiến	H. Chợ Mới	10°29'33"	105°28'10"					C-48-43-B-b
cầu Bà Vệ	KX	xã Long Kiến	H. Chợ Mới	10°29'07"	105°27'30"					C-48-43-B-b
chùa Tân Hoà	KX	xã Long Kiến	H. Chợ Mới	10°28'45"	105°27'31"					C-48-43-B-b
đình thần Long Kiến	KX	xã Long Kiến	H. Chợ Mới	10°27'41"	105°26'57"					C-48-43-B-b
Đường tỉnh 946	KX	xã Long Kiến	H. Chợ Mới			10°20'53"	105°29'22"	10°33'06"	105°23'31"	C-48-43-B-b
kênh Chà Và	TV	xã Long Kiến	H. Chợ Mới			10°31'04"	105°29'04"	10°29'05"	105°27'29"	C-48-43-B-b
kênh Chưng Đùn	TV	xã Long Kiến	H. Chợ Mới			10°26'35"	105°27'01"	10°27'12"	105°29'32"	C-48-43-B-b
Kênh Đào	TV	xã Long Kiến	H. Chợ Mới			10°27'41"	105°28'01"	10°26'42"	105°28'07"	C-48-43-B-b
kênh xáng Long An	TV	xã Long Kiến	H. Chợ Mới			10°30'51"	105°27'52"	10°25'30"	105°30'29"	C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Mương Chùa	TV	xã Long Kiến	H. Chợ Mới			10°29'15"	105°30'08"	10°28'11"	105°29'02"	C-48-43-B-b
rạch Lò Mo	TV	xã Long Kiến	H. Chợ Mới			10°27'13"	105°26'58"	10°27'05"	105°27'50"	C-48-43-B-b
rạch Mương Tịnh	TV	xã Long Kiến	H. Chợ Mới			10°28'05"	105°27'18"	10°28'10"	105°29'01"	C-48-43-B-b
rạch Mương Trâu	TV	xã Long Kiến	H. Chợ Mới			10°26'40"	105°27'40"	10°27'10"	105°28'04"	C-48-43-B-b
rạch Xà Mách	TV	xã Long Kiến	H. Chợ Mới			10°27'58"	105°27'17"	10°27'25"	105°29'25"	C-48-43-B-b
Sông Hậu	TV	xã Long Kiến	H. Chợ Mới			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-b
sông Ông Chưởng	TV	xã Long Kiến	H. Chợ Mới			10°33'19"	105°24'20"	10°26'46"	105°26'41"	C-48-43-B-b
ấp Mỹ An	DC	xã Mỹ An	H. Chợ Mới	10°27'18"	105°31'07"					C-48-44-A-a
ấp Mỹ Lợi	DC	xã Mỹ An	H. Chợ Mới	10°29'02"	105°30'23"					C-48-44-A-a
ấp Mỹ Long	DC	xã Mỹ An	H. Chợ Mới	10°27'59"	105°30'27"					C-48-44-A-a
ấp Mỹ Phú	DC	xã Mỹ An	H. Chợ Mới	10°27'06"	105°31'51"					C-48-44-A-a
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Mỹ An	H. Chợ Mới	10°27'36"	105°30'47"					C-48-44-A-a
ấp Mỹ Trung	DC	xã Mỹ An	H. Chợ Mới	10°28'27"	105°29'56"					C-48-43-B-b
cầu Cựu Hội	KX	xã Mỹ An	H. Chợ Mới	10°27'07"	105°31'58"					C-48-44-A-a
cầu Thầy Cai	KX	xã Mỹ An	H. Chợ Mới	10°27'43"	105°31'21"					C-48-44-A-a
Công ty Rau quả Antesco	KX	xã Mỹ An	H. Chợ Mới	10°27'44"	105°31'19"					C-48-44-A-a
Đường tỉnh 942	KX	xã Mỹ An	H. Chợ Mới			10°25'53"	105°32'59"	10°34'08"	105°21'45"	C-48-44-A-a
Đường tỉnh 944	KX	xã Mỹ An	H. Chợ Mới			10°20'46"	105°29'18"	10°27'08"	105°31'56"	C-48-43-B-b
kênh 26 Tháng 3	TV	xã Mỹ An	H. Chợ Mới			10°26'11"	105°30'08"	10°27'00"	105°30'59"	C-48-44-A-a
kênh Cựu Hội	TV	xã Mỹ An	H. Chợ Mới			10°27'07"	105°31'58"	10°25'30"	105°30'29"	C-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Hai Dạ	TV	xã Mỹ An	H. Chợ Mới			10°25'57"	105°30'16"	10°26'54"	105°31'09"	C-48-44-A-a
kênh Thạnh Phú	TV	xã Mỹ An	H. Chợ Mới			10°27'44"	105°31'22"	10°27'12"	105°29'32"	C-48-43-B-b; C-48-44-A-a
kênh Thầy Cai	TV	xã Mỹ An	H. Chợ Mới			10°27'35"	105°31'01"	10°27'25"	105°29'26"	C-48-43-B-b; C-48-44-A-a
Mương Chùa	TV	xã Mỹ An	H. Chợ Mới			10°29'15"	105°30'08"	10°28'11"	105°29'02"	C-48-43-B-b; C-48-44-A-a
Sông Tiền	TV	xã Mỹ An	H. Chợ Mới			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-31-D-d; C-48-43-B-b; C-48-44-A-a
Ấp Đông	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới	10°28'49"	105°33'33"					C-48-44-A-a
ấp Đông Châu	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới	10°31'30"	105°32'03"					C-48-32-C-c
ấp Tây Hạ	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới	10°29'52"	105°33'19"					C-48-44-A-a
ấp Tây Thượng	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới	10°30'36"	105°32'53"					C-48-32-C-c
Ấp Thị	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới	10°29'24"	105°33'11"					C-48-44-A-a
Ấp Trung	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới	10°29'58"	105°32'56"					C-48-44-A-a
ấp Trung Châu	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới	10°31'47"	105°31'18"					C-48-32-C-c
chùa Phước Long	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới	10°29'10"	105°33'29"					C-48-44-A-a
tuyến đò Mỹ Hiệp - Bình Thành	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới	10°31'58"	105°32'07"					C-48-32-C-c
phủ thờ Dương Công Phủ	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới	10°29'07"	105°33'25"					C-48-44-A-a
kênh Khai Long	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới			10°31'54"	105°31'53"	10°29'42"	105°33'19"	C-48-32-C-c; C-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Lê Phước Cương	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới			10°29'58"	105°31'22"	10°29'42"	105°33'13"	C-48-32-C-c; C-48-44-A-a
kênh Lung Sen	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới			10°30'28"	105°32'22"	10°31'30"	105°30'42"	C-48-32-C-c
Kênh Mới	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới			10°31'39"	105°29'40"	10°27'45"	105°33'08"	C-48-32-C-c; C-48-44-A-a
kênh Ngọn Cạy	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới			10°29'35"	105°33'16"	10°29'17"	105°31'55"	C-48-32-C-c; C-48-44-A-a
Mương Chùa	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới			10°28'45"	105°33'37"	10°28'22"	105°32'39"	C-48-44-A-a
Sông Tiền	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Chợ Mới			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-32-C-c; C-48-44-A-a
ấp Mỹ Đức	DC	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°29'27"	105°21'17"					C-48-43-B-a
ấp Mỹ Hòa	DC	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°33'08"	105°21'03"					C-48-31-D-c
ấp Mỹ Hòa A	DC	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°31'52"	105°19'53"					C-48-31-D-c
ấp Mỹ Hòa B	DC	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°31'02"	105°20'34"					C-48-31-D-c
ấp Mỹ Hội	DC	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°32'24"	105°19'47"					C-48-31-D-c
ấp Mỹ Phước	DC	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°29'00"	105°21'35"					C-48-43-B-a
ấp Mỹ Tân	DC	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°31'09"	105°20'14"					C-48-31-D-c
ấp Mỹ Thành	DC	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°30'09"	105°20'46"					C-48-43-B-a
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°29'48"	105°20'58"					C-48-43-B-a
ấp Mỹ Thuận	DC	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°32'41"	105°19'57"					C-48-31-D-c
tuyến đò Bình Thạnh	KX	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°28'54"	105°21'18"					C-48-43-B-a
tuyến đò Rạch Gộc	KX	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°29'21"	105°20'47"					C-48-43-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tuyến đò Thầy Ba Thưởng	KX	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°32'09"	105°19'33"					C-48-31-D-c
tuyến đò Thầy Hai Phẩm	KX	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°31'38"	105°19'40"					C-48-31-D-c
tuyến đò Vàm Nao	KX	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới	10°32'38"	105°19'37"					C-48-31-D-c
kênh Cà Mau	TV	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới			10°33'29"	105°21'11"	10°27'39"	105°26'47"	C-48-31-D-c; C-48-31-D-d
kênh Chà Và	TV	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới			10°29'20"	105°21'16"	10°30'55"	105°23'08"	C-48-43-B-a; C-48-31-D-c, d
kênh Đoàn Kết	TV	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới			10°31'25"	105°21'16"	10°33'00"	105°20'36"	C-48-31-D-c
kênh Đồng Tân	TV	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới			10°30'57"	105°20'16"	10°31'50"	105°21'34"	C-48-31-D-c
kênh Quyết Thắng	TV	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới			10°30'32"	105°22'49"	10°29'33"	105°23'23"	C-48-31-D-d; C-48-43-B-b
rạch Xẻo Mây	TV	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới			10°32'16"	105°20'53"	10°32'04"	105°20'17"	C-48-31-D-c
Sông Hậu	TV	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-31-D-c; C-48-43-B-a
sông Vàm Nao	TV	xã Mỹ Hội Đông	H. Chợ Mới			10°34'19"	105°21'45"	10°32'33"	105°19'34"	C-48-31-D-c
ấp Mỹ An	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°28'51"	105°23'50"					C-48-43-B-b
ấp Mỹ Bình	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°29'30"	105°24'03"					C-48-43-B-b
ấp Mỹ Hòa	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°28'27"	105°22'09"					C-48-43-B-a
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°27'27"	105°23'12"					C-48-43-B-b
ấp Mỹ Thuận	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°28'23"	105°23'29"					C-48-43-B-b
ấp Nhơn An	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°27'26"	105°23'35"					C-48-43-B-b
ấp Nhơn Hiệp	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°29'06"	105°23'52"					C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Nhơn Hòa	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°26'57"	105°25'24"					C-48-43-B-b
ấp Nhơn Lộc	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°27'16"	105°24'55"					C-48-43-B-b
ấp Nhơn Lợi	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°27'30"	105°24'22"					C-48-43-B-b
ấp Nhơn Ngãi	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°28'05"	105°23'30"					C-48-43-B-b
cầu Sơn Đốt	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°27'10"	105°24'03"					C-48-43-B-b
chùa Hòa Thanh	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°29'09"	105°23'47"					C-48-43-B-b
tuyến đò Sơn Đốt	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°26'53"	105°23'36"					C-48-43-B-b
nhà thờ giáo xứ Nhơn Mỹ	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°27'38"	105°24'24"					C-48-43-B-b
tuyến phà Mương Ranh	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới	10°27'22"	105°22'45"					C-48-43-B-b
kênh Cà Mau	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°33'29"	105°21'11"	10°27'39"	105°26'47"	C-48-31-D-d; C-48-43-B-b
kênh Cả Nổ	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°29'18"	105°24'07"	10°29'21"	105°24'54"	C-48-43-B-b
kênh Đòn Dong	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°30'04"	105°24'05"	10°29'33"	105°23'24"	C-48-31-D-d; C-48-43-B-b
kênh Quyết Thắng	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°30'32"	105°22'49"	10°29'33"	105°23'23"	C-48-43-B-b
kênh Tư Thuận	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°28'53"	105°23'54"	10°28'14"	105°25'22"	C-48-43-B-b
kênh Vũ Hiếu	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°28'55"	105°25'22"	10°27'15"	105°25'11"	C-48-43-B-b
kênh Xẻo Thị	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°29'29"	105°24'03"	10°30'12"	105°23'37"	C-48-31-D-d; C-48-43-B-b
mương Xã Kiểu	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°28'40"	105°23'42"	10°28'24"	105°23'58"	C-48-43-B-b
rạch Cà Ròn	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°28'13"	105°22'18"	10°29'20"	105°22'31"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Dầu	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°29'11"	105°23'58"	10°29'34"	105°23'40"	C-48-43-B-b
rạch Cái Tre	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°29'16"	105°24'13"	10°29'01"	105°25'16"	C-48-43-B-b
rạch Đồng Xút	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°28'00"	105°22'35"	10°29'54"	105°24'17"	C-48-43-B-b
rạch Mương Quản	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°27'33"	105°24'20"	10°28'15"	105°24'22"	C-48-43-B-b
rạch Sóc Chét	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°27'15"	105°25'11"	10°27'02"	105°26'22"	C-48-43-B-b
rạch Sơn Đốt	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°27'10"	105°24'03"	10°27'36"	105°24'36"	C-48-43-B-b
rạch Thông Lưu	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°27'58"	105°23'16"	10°27'25"	105°23'30"	C-48-43-B-b
rạch Xẻo Chùa	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°28'02"	105°23'04"	10°29'31"	105°22'58"	C-48-43-B-b
rạch Xẻo Mây	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°28'24"	105°23'58"	10°27'32"	105°24'14"	C-48-43-B-b
rạch Xẻo Rái	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°27'36"	105°24'36"	10°27'54"	105°24'48"	C-48-43-B-b
Sông Hậu	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Chợ Mới			10°57'27"	105°04'52"	10°19'35"	105°29'37"	C-48-43-B-a; C-48-43-B-b
ấp Tấn Bình	DC	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°30'38"	105°29'38"					C-48-31-D-d
ấp Tấn Hòa	DC	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°31'21"	105°29'23"					C-48-31-D-d
ấp Tấn Hưng	DC	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°31'32"	105°30'30"					C-48-32-C-c
ấp Tấn Lợi	DC	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°31'06"	105°29'24"					C-48-31-D-d
ấp Tấn Long	DC	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°32'27"	105°30'36"					C-48-32-C-c
ấp Tấn Phú	DC	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°30'07"	105°30'19"					C-48-32-C-c
ấp Tấn Phước	DC	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°29'49"	105°30'33"					C-48-44-A-a
ấp Tấn Quới	DC	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°28'38"	105°31'17"					C-48-44-A-a
ấp Tấn Thạnh	DC	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°29'10"	105°31'11"					C-48-44-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tấn Thuận	DC	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°28'08"	105°31'26"					C-48-44-A-a
cầu Mỹ Luông - Tấn Mỹ	KX	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°30'12"	105°29'46"					C-48-31-D-d
đình Tấn Mỹ	KX	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°28'40"	105°31'14"					C-48-44-A-a
tuyến đò Cột Dây Thép	KX	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°31'13"	105°29'06"					C-48-31-D-d
nhà thờ Cù Lào Giêng	KX	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°30'30"	105°29'46"					C-48-31-D-d
Cồn Chém	TV	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°32'41"	105°30'51"					C-48-32-C-c
Cồn Én	TV	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°32'33"	105°30'31"					C-48-32-C-c
cồn Lựu Đạn	TV	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới	10°32'21"	105°31'24"					C-48-32-C-c
kênh Lung Sen	TV	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới			10°30'28"	105°32'22"	10°31'30"	105°30'42"	C-48-32-C-c
Kênh Mới	TV	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới			10°31'39"	105°29'40"	10°27'45"	105°33'08"	C-48-31-D-d; C-48-44-A-a; C-48-32-C-c
Sông Tiền	TV	xã Tấn Mỹ	H. Chợ Mới			10°54'45"	105°11'13"	10°25'47"	105°34'22"	C-48-31-D-d; C-48-32-C-c

(Xem tiếp Công báo số 595 + 596)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng